

Về việc công bố báo cáo thường niên
năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần.
2. Mã chứng khoán: PGV.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
4. Điện thoại: 028 3636 7449 Fax: 028 3636 7450
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó Tổng Giám đốc
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2019
7. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần vào ngày 23/4/2020 tại đường dẫn www.genco3.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Dính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2019.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT EVNGENCO 3 (để báo cáo);
- Ban lãnh đạo EVNGENCO 3;
- VP, các Ban EVNGENCO 3;
- Lưu: VT, KH.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



EVNGENCO 3

VỮNG VÀNG VƯỢT THÁCH THỨC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019





" TRƯỚC NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC
THÌ Ý CHÍ CHÍNH LÀ SỨC MẠNH ĐỂ CHINH PHỤC
NHỮNG THÀNH CÔNG MỚI. EVNGENCO 3 KIÊN
ĐỊNH MỤC TIÊU TRỞ THÀNH MỘT ĐƠN VỊ SẢN
XUẤT ĐIỆN QUY MÔ LỚN, CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI
MANG TẦM VÓC TRONG KHU VỰC ASEAN BẰNG
NỖ LỰC VÀ QUYẾT TÂM LỚN NHẤT. "

MỤC LỤC

01

TIÊU ĐIỂM EVNGENCO 3 NĂM 2019

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	08
Điểm nhấn EVNGENCO3 năm 2019	10
Hoạt động và sự kiện tiêu biểu năm 2019	12
Thành tựu và giải thưởng	16
Đối tác tiêu biểu	17

02

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ EVNGENCO 3

Thông tin chung	20
Các dấu mốc phát triển	22
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	24
Văn hoá doanh nghiệp	26
Lĩnh vực hoạt động chính	28
Hệ thống nhà máy và các đơn vị thành viên	34
Cơ cấu tổ chức	46
Hội đồng Quản trị	48
Ban Tổng Giám đốc	50

03

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Tình hình kinh tế năm 2019	54
Kết quả cung ứng điện năm 2019	56
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019	58
Công tác tái cấu trúc tài chính	64
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	65
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019	66
Mục tiêu nhiệm vụ - kế hoạch năm 2020	78
Chiến lược phát triển	82

04

QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Mô hình Quản trị Tổng Công Ty	86
Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019	90
Thông tin và hoạt động của Hội đồng Quản trị	92
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị năm 2020	104
Ban Kiểm soát	108
Quản trị rủi ro	114
Quan hệ Nhà đầu tư	120

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mô hình Quản trị phát triển bền vững	124
Tầm nhìn bền vững	126
Chiến lược phát triển bền vững	128
Các số liệu ấn tượng về phát triển bền vững năm 2019	130
Các hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu	132
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về các mục tiêu tăng trưởng bền vững	134
Phát triển nhân sự bền vững	136
Trách nhiệm an sinh xã hội	141

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin về doanh nghiệp	144
Báo cáo kiểm toán độc lập	145
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	149
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	152
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	154
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	156

07

THÔNG TIN LIÊN HỆ



01



TIÊU ĐIỂM EVNGENCO 3 NĂM 2019

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	08
Điểm nhấn EVNGENCO 3 năm 2019	10
Hoạt động và sự kiện tiêu biểu năm 2019	12
Thành tựu và giải thưởng	16
Đối tác tiêu biểu	17





THÔNG DIỆP

CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý vị Cổ đông, Đối tác và toàn thể CBCNV

Năm 2019, Tổng Công ty đã phải đối diện cùng lúc với hàng loạt những khó khăn như: Nguồn cung khí suy giảm chỉ đáp ứng 60-66% công suất khả dụng của các nhà máy điện khu vực Đông Nam Bộ; các đối tác trong nước gặp khó khăn trong việc cung cấp nhiên liệu than; lưu lượng nước về các nhà máy thủy điện lớn thấp hơn trung bình nhiều năm trong khi nhu cầu phụ tải tiếp tục tăng trưởng hơn 8,9% so với cùng kỳ năm trước.

Với quyết tâm của toàn thể đội ngũ CB-CNV, định hướng chiến lược đúng đắn của Ban Lãnh Đạo và được sự tin tưởng, đồng hành của Quý vị Cổ Đông, EVNGENCO 3 không chỉ chứng minh được nội lực vững vàng thông qua việc chủ động cung ứng một phần nguồn nhiên liệu than, mà còn liên tục thành công trong lĩnh vực quản lý dự án và đầu tư nguồn điện mới.

Đây chính là nền tảng vững chắc để EVNGENCO 3 tiếp tục phát triển trong tương lai.

NĂM 2019 CHỦ ĐỘNG CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU THAN

Hoàn thành tốt các mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra

Sản lượng điện sản xuất đạt 34,625 tỷ kWh, chiếm hơn 14,51% sản lượng toàn hệ thống điện Quốc gia.

Tổng doanh thu hợp nhất của EVNGENCO 3 đạt 44.600 tỷ đồng, đưa mức tăng trưởng kép doanh thu giai đoạn 2015-2019 lên 12%/năm. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 904 tỷ đồng, Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu đạt 10.933 đồng, tăng trưởng gần 20% so với năm 2018; Lợi nhuận cốt lõi trên một cổ phiếu đạt 1.700 đồng. Tỷ suất lợi nhuận cốt lõi trên vốn chủ sở hữu đạt mức cao 16,5%, đòn cân nợ giảm.

Lần đầu tiên chủ động cung ứng một phần nhiên liệu than cho sản xuất điện

Tổng Công ty đã tiến hành nhập khẩu 1,4 triệu tấn than, đáp ứng 40% nhu cầu sử dụng cho NMTĐ Vĩnh Tân 2 từ các nguồn than từ Nam Phi và Indonesia pha trộn với nguồn than nội địa nhằm đảm bảo chủ động phát điện tối đa theo yêu cầu hệ thống điện. Kết quả bước đầu đã mang lại nhiều tín hiệu tích cực như suất hao nhiệt và độ tro đều giảm đáng kể so với trước đây.

Lĩnh vực quản lý dự án đầu tư liên tục bứt phá

Ngày 24/6/2019, EVNGENCO 3 cũng đã chính thức đưa vào vận hành thương mại dự án ĐMT Vĩnh Tân 2 công suất 42,65 MWp, góp phần đa dạng hóa loại hình phát điện của Tổng Công ty và tạo ra một hệ thống nguồn bổ sung và hỗ trợ nhau.

Dự án NMTĐ Vĩnh Tân 4 mở rộng mà Tổng Công ty thực hiện dịch vụ tư vấn Quản lý dự án cho EVN đã đưa vào vận hành thương mại vượt tiến độ thi công 90 ngày, góp phần bổ sung vào hệ thống 600 MW nhằm đảm bảo an ninh năng lượng cho mùa khô 2020 và những năm tiếp theo.

NĂM 2020 ĐA DẠNG HÓA NGUỒN CUNG KHÍ

Thưa Quý cổ đông!

Thế giới đang đứng trước rủi ro bất ngờ từ Đại dịch Covid-19 đã tác động sâu sắc toàn diện tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của các quốc gia trong đó có Việt Nam.

Năm 2020 là năm cuối thực hiện kế hoạch 05 năm 2016-2020, với tinh thần quyết tâm cao nhất, nhiệm vụ trọng tâm của Tổng Công ty là đảm bảo các nhà máy nhiệt điện than và khí vận hành tin cậy trong cao điểm mùa khô, các nhà máy thủy điện sử dụng hiệu quả nguồn nước để đạt hiệu quả cao nhất trong thị trường điện. Tổng Công ty tiếp tục nâng cao năng lực sửa chữa bảo dưỡng thiết bị hướng tới nâng cao hoạt động tin cậy và ổn định thiết bị, hệ thống điện (RCM).

Đối với nhiên liệu khí, Tổng Công ty hiện nay đang đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp khí LNG dự kiến tiếp nhận trong nửa đầu năm 2021 để cấp cho các NMTĐ Phú Mỹ khi lượng khí thiên nhiên trong nước thiếu hụt.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty sẽ tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư Nhà máy điện khí LNG Long Sơn, tiến tới nhập khẩu LNG trong tương lai để hoàn thiện chuỗi giá trị.

Ngoài ra, sẽ thực hiện phương án tái cơ cấu nâng cao năng lực tài chính, phát hành tăng vốn, ứng dụng khoa học công nghệ trong mọi hoạt động quản trị giúp bộ máy hoạt động tối ưu.



Một lần nữa, Tổng Công ty Phát điện 3 xin gửi lời tri ân chân thành đến Quý vị đã tin tưởng, đồng hành cùng Tổng Công ty trong thời gian qua. Tổng Công ty tin tưởng rằng, EVNGENCO 3 sẽ thực hiện thành công mục tiêu năm 2020 và trong 5 năm tới, mục tiêu phấn đấu gia tăng công suất nguồn 10-20%, đảm bảo tối thiểu 10-15% tỷ suất lợi nhuận cốt lõi trên vốn chủ sở hữu, giảm hệ số nợ xuống dưới ba lần, tăng trưởng lợi ích cho Quý cổ đông cũng như đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch HĐQT

Đinh Quốc Lâm

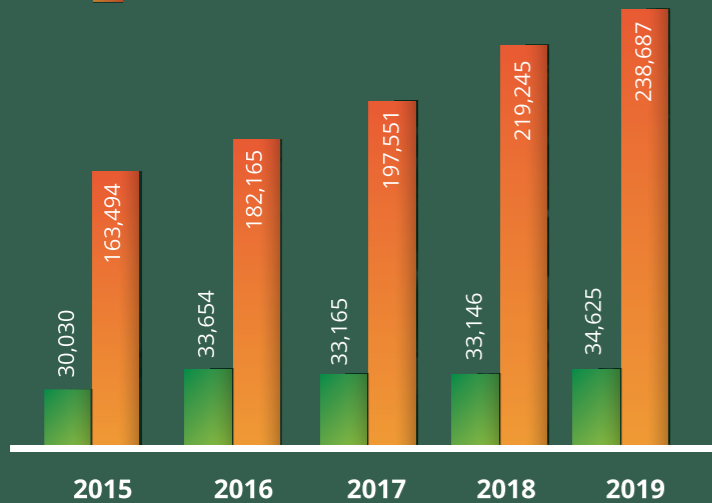
Tổng Giám đốc

Lê Văn Danh

ĐIỂM NHẤN EVNGENCO3 NĂM 2019

Sản lượng điện sản xuất (tỷ kWh)

■ EVNGENCO 3
■ Cả nước

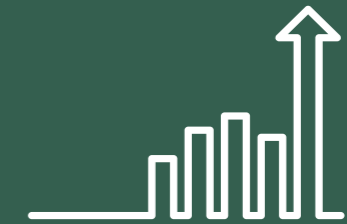
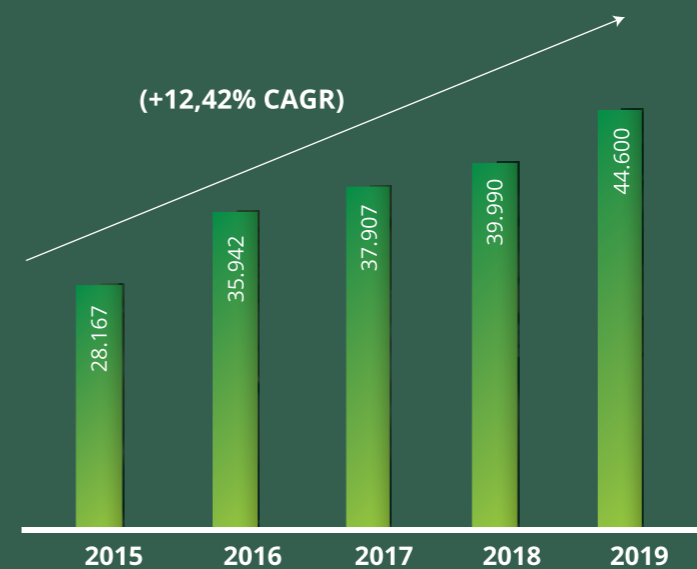


SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT NĂM 2019 CHIẾM

14,51%

sản lượng điện cả nước

Tổng doanh thu (tỷ đồng)



TỔNG DOANH THU NĂM 2019

44.600 tỷ đồng

Tăng 11,50 % so với năm 2018



42,65 MWP

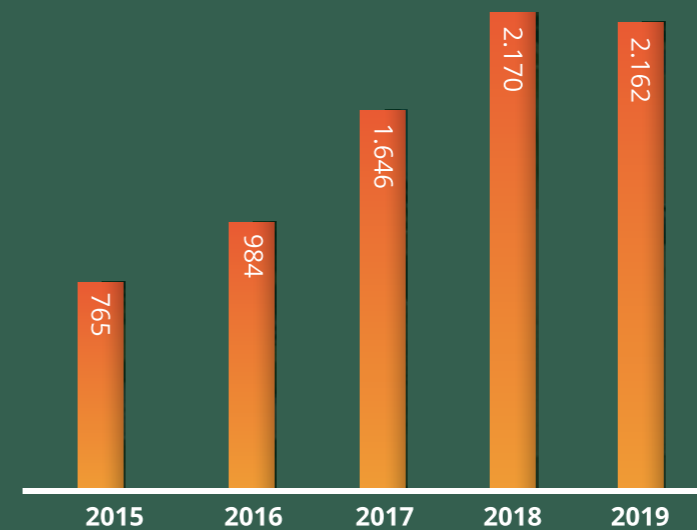
CÔNG SUẤT ĐIỆN MẶT TRỜI ĐƯA VÀO
VẬN HÀNH THƯƠNG MẠI TRƯỚC NGÀY
30/06/2019



90 ngày

VƯỢT TIẾN ĐỘ THI CÔNG NHÀ MÁY NHIỆT
ĐIỆN VĨNH TÂN 4 MỞ RỘNG

Tổng lợi nhuận
(không bao gồm chênh lệch tỷ giá)
(tỷ đồng)



TỔNG LỢI NHUẬN

2.162 tỷ đồng

Không bao gồm chênh lệch tỷ giá



HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2019



NGÀY 14/02/2019 KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH



Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình do EVN làm Chủ đầu tư, Tổng Công ty Phát điện 3/Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình được giao nhiệm vụ quản lý dự án. Công trình được chính thức khởi công xây dựng vào ngày 22/02/2014. Nhà máy nhiệt điện Thái Bình có hai tổ máy với tổng công suất lắp đặt là 600 MW (2x300 MW), là một trong 02 nhà máy của Trung tâm điện lực Thái Bình, thuộc Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tổng mức đầu tư của dự án là 26,5 nghìn tỷ VNĐ (tương đương với 1,27 tỷ USD), trong đó vốn vay ODA của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) là 85%, còn lại 15% là vốn đối ứng của EVN. Tổng

thầu thực hiện dự án là tập đoàn Marubeni Corporation (MC) – Nhật Bản.

Sau thời gian hơn 4 năm thi công, xây dựng, lắp đặt các thiết bị, cả 2 tổ máy của nhà máy đã đi vào vận hành thương mại từ tháng 4/2018. Dự án được đánh giá đảm bảo chất lượng và tuân thủ tốt các quy định về môi trường... Khi đi vào hoạt động, nhà máy góp phần tăng cường năng lực cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đồng Bằng sông Hồng, qua đó nâng cao mức độ an toàn, ổn định, kinh tế cho vận hành hệ thống điện... Dự kiến, mỗi năm nhà máy sẽ phát lên lưới điện quốc gia sản lượng điện từ 3,6 đến 3,9 tỷ kWh.



NGÀY 22/06/2019 MỪNG PHÁT ĐIỆN THƯƠNG MẠI NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH TÂN 2



Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 có công suất lắp đặt 42,65 MWp với tổng mức đầu tư 986,2 tỷ đồng. Hợp đồng EPC về thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, xây dựng và lắp đặt - Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 đã được ký kết giữa Tổng Công ty Phát điện 3 (đại diện là Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân) với Liên danh nhà thầu SINOHYDRO - KHIDI, nhà thầu phụ đặc biệt là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2). Nhà máy được xây dựng tại khu vực phía Tây Bãi xỉ của NMNĐ Vĩnh Tân 2, với diện tích 49,2 ha thuộc xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Đầu ra nguồn điện của Nhà máy được đấu nối lên lưới điện 110 kV thông qua trạm biến áp 22/110kV để kết nối vào đường dây mạch kép 110kV Tuy

Phong (Bình Thuận) - Ninh Phước (Ninh Thuận). Dự kiến sản lượng điện mỗi năm của Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 cung cấp cho Hệ thống điện quốc gia là khoảng 68,4 triệu kWh.

Việc triển khai đầu tư xây dựng Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 ngoài hiệu quả kinh tế còn mang tính chất đặc thù về an sinh xã hội nhằm ổn định, giảm thiểu ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân đang sống gần khu vực NMNĐ Vĩnh Tân 2; giúp người dân khu vực dự án chuyển đến nơi ở mới có điều kiện tốt hơn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và an ninh trật tự chung cho toàn Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân và địa phương.



HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2019



NGÀY 21/09/2019 KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 4



Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 là dự án cấp bách, nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (Tổng sơ đồ quy hoạch Điện 7) của Chính phủ, được xây dựng tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Với tổng mức đầu tư dự án là trên 36.000 tỷ đồng, Nhà máy có tổng công suất 1200 MW gồm 2 tổ máy (2 x 600 MW), là nhà máy nhiệt điện than sử dụng công nghệ ngưng hơi truyền thống với thông số hơi siêu tới hạn (Supper Critical), đốt

than nhập khẩu. Đây là loại công nghệ hiện đại, công suất, hiệu suất cao, chi phí hợp lý và đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, đã được áp dụng nhiều trên thế giới. Nhà máy được đấu nối với hệ thống điện Quốc gia thông qua lưới điện đồng bộ 500kV, với sản lượng điện sản xuất bình quân hằng năm khoảng 7,2 tỷ kWh, phục vụ cung cấp điện chủ yếu cho phụ tải khu vực phía Nam, góp phần quan trọng cho việc vận hành kinh tế hệ thống điện quốc gia, nhất là vào mùa khô hàng năm.

Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư, Tổng Công ty Phát điện 3/ Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân được giao nhiệm vụ Tư vấn quản lý dự án. Dự án được thực hiện bởi tổ hợp Nhà thầu DOOSAN (Hàn Quốc) – Mitsubishi Corporation (Nhật Bản) – Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (PECC2) – PACIFIC. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (PECC3) phối hợp với tư vấn phụ nước ngoài làm tư vấn giám sát thi công xây dựng.

Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 được khởi công vào tháng 3/2014. Các mốc tiến độ quan

trọng của công trình đều đạt và vượt sớm hơn kế hoạch: Tổ máy S2 và các hạng mục dùng chung đã bàn giao và đưa vào vận hành thương mại từ ngày 06/12/2017, sớm hơn kế hoạch 20 ngày và cấp PAC. Tổ máy S1 và toàn bộ Nhà máy đã bàn giao và đưa vào vận hành thương mại từ ngày 31/3/2018, sớm hơn kế hoạch gần 03 tháng, có ý nghĩa quan trọng cho việc đảm bảo cung ứng điện của cả nước, đặc biệt cho khu vực miền Nam.



THÁNG 02/2019, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ ĐÃ ĐỒNG Ý VỀ MẶT NGUYÊN TẮC BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH ĐIỆN VII ĐIỀU CHỈNH, ĐƯA DỰ ÁN TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC LONG SƠN VÀO QUY HOẠCH ĐIỆN LỰC QUỐC GIA

Dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn tại xã Long Sơn, TP. Vũng Tàu, do Tổ hợp Nhà thầu **GENCO3-TTC-PACIFIC-PECC2-MC-GE** (Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP; CTCP Đầu tư Thành Thành Công; CTCP Tập đoàn Thái Bình Dương; CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2; Tập đoàn Mitsubishi Corporation; Tập đoàn General Electric International Inc.) đầu tư với tổng công suất khoảng 3.600 - 4.500 MW. Dự án có cảng LNG đầu mối, kho chứa khí hoá lỏng LNG công suất hoá hơi khí hoá lỏng LNG giai đoạn 1 là 3,5 triệu tấn/năm; gian đoạn 2 tăng lên 6,5 triệu tấn /năm để cung cấp điện cho các tỉnh miền Đông Nam bộ. Giá trị đầu tư giai đoạn 1 là 3,78 tỷ USD và bổ sung 646,5 triệu USD trong gian đoạn 2.





THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG



THÀNH TỰU GIẢI THƯỞNG



Cờ thi đua của **Chính phủ**

về việc hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Điện lực Việt Nam hai năm liên tiếp 2013-2014

Cờ thi đua của **Bộ Công Thương**

năm 2016 về việc hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác năm 2016

Cờ thi đua của **Tập đoàn Điện lực Việt Nam**

cho thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2017 và năm 2019

Và nhiều Bằng khen của **Bộ Công Thương** **Tập đoàn Điện lực Việt Nam**

trao cho các tập thể, cá nhân xuất sắc vì đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Tổng Công ty nói riêng và ngành Điện nói chung.



ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU



EVN PECC2



EVN PECC3



02



GIỚI THIỆU VỀ EVNGENCO 3

Thông tin chung	20
Các dấu mốc phát triển	22
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	24
Văn hoá doanh nghiệp	26
Lĩnh vực hoạt động chính	28
Hệ thống nhà máy và các đơn vị thành viên	34
Cơ cấu tổ chức	46
Hội đồng Quản trị	48
Ban Tổng Giám đốc	50



THÔNG TIN CHUNG

EVNGENCO 3

Tên đầy đủ	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ Phần
Tên tiếng Anh	Power Generation Joint Stock Corporation 3
Tên viết tắt	EVNGENCO 3
Mã chứng khoán	PGV
Ngày giao dịch đầu tiên trên UPCoM	21/03/2018
Giấy CNĐKDN	Số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 7 ngày 17/01/2020 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	10.699.695.770.000 đồng
Bảng chữ	Mười nghìn sáu trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Quận 2, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại	(84.28) 3636 7449
Fax	(84.28) 3636 7450
Email	genco3@evn.com.vn
Website	http://www.genco3.com

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TCT: Tổng Công ty, EVNGENCO 3, GENCO3
CTCP: Công ty Cổ phần
TNHH MTV: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
CBCNV: Cán bộ Công nhân viên
CNĐKDN: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CPNĐ: Cổ phần Nhiệt điện
CTTĐ: Công ty Thủy điện
KD - TTĐ: Kinh doanh - Thị trường điện
CPĐT PTĐ: Cổ phần Đầu tư Phát triển điện
CTCP ĐT: Công ty Cổ phần Đầu tư
CTCP ĐT & PT: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
TTĐL: Trung tâm điện lực
QTKD: Quản trị kinh doanh
HĐQT: Hội đồng Quản trị
TGD: Tổng giám đốc
QLDA: Quản lý Dự án
CP: Cổ phần
ĐMT: Điện mặt trời
CPH: Cổ phần hóa
TN-MT: Tài nguyên - Môi trường
KTKT: Kinh tế kỹ thuật
DVSC: Dịch vụ sửa chữa
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng Cổ đông
NMNĐ: Nhà máy nhiệt điện
NMTĐ: Nhà máy thủy điện
NMĐ: Nhà máy điện
HĐTV: Hội đồng thành viên
NLĐ: Người lao động

NSLĐ: Năng suất lao động
ĐT-XĐ: Đầu tư - Xây dựng
SXKD: Sản xuất kinh doanh
CNVCLĐ: Công nhân viên chức lao động
ATVSLĐ: An toàn vệ sinh lao động
QLVH: Quản lý vận hành
CLTG: Chênh lệch tỷ giá
LN: Lợi nhuận
LNTT: Lợi nhuận trước thuế
LNST: Lợi nhuận sau thuế
HĐKD: Hoạt động kinh doanh
DTT: Doanh thu thuần
QCQLNB: Quy chế quản lý nội bộ
HTPT: Hạch toán phụ thuộc
SCL: Sửa chữa lớn
SLĐ: Sản lượng điện
NĐT: Nhà đầu tư
VCSH: Vốn chủ sở hữu
BVMT: Bảo vệ môi trường
PTNNL: Phát triển nguồn nhân lực
PCCC: Phòng cháy chữa cháy
ANXH: An toàn xã hội
KSV: Kiểm soát viên
BCTC: Báo cáo tài chính
CNTT: Công nghệ thông tin
TU'LĐTT: Thỏa ước lao động tập thể
VSTBPN: Vì sự phát triển phụ nữ
CSHT: Cơ sở hạ tầng

CÁC DẤU MỐC PHÁT TRIỂN



EVNGENCO 3

2012

Chính thức thành lập Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO 3) theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ Công thương. Tổng Công ty chính thức hoạt động từ 01/01/2013.



2013

Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình.



2014

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP. Bàn giao Ban QLDA Thủy điện 1 và Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chất về lại EVN quản lý.



2015

- (1) Thành lập: Công ty Nhiệt điện Mông Dương kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1; Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện;
- (2) Chuyển chủ đầu tư dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 về lại EVN từ ngày 01/5/2015;
- (3) Tiếp nhận Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ EVN.



2016

Thành lập Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ



2017

Thành lập Công ty Nhiệt điện Thái Bình (kiêm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình).



2018

Tổng Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình CTCP; Thực hiện IPO và đăng ký giao dịch cổ phiếu PGV của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP trên UPCoM vào ngày 21/3/2018; Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức về EVN quản lý.



2019

Bàn giao Công ty Nhiệt điện Thái Bình về EVN quản lý, chuyển trụ sở Tổng Công ty từ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đến Thành phố Hồ Chí Minh.





TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hướng đến mục tiêu vì sự phát triển bền vững, **EVNGENCO 3** luôn lấy hệ thống giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam, là chuẩn mực cho mọi hoạt động của Tổng Công ty.

Những giá trị mà **EVNGENCO 3** luôn hướng tới:



TẦM NHÌN

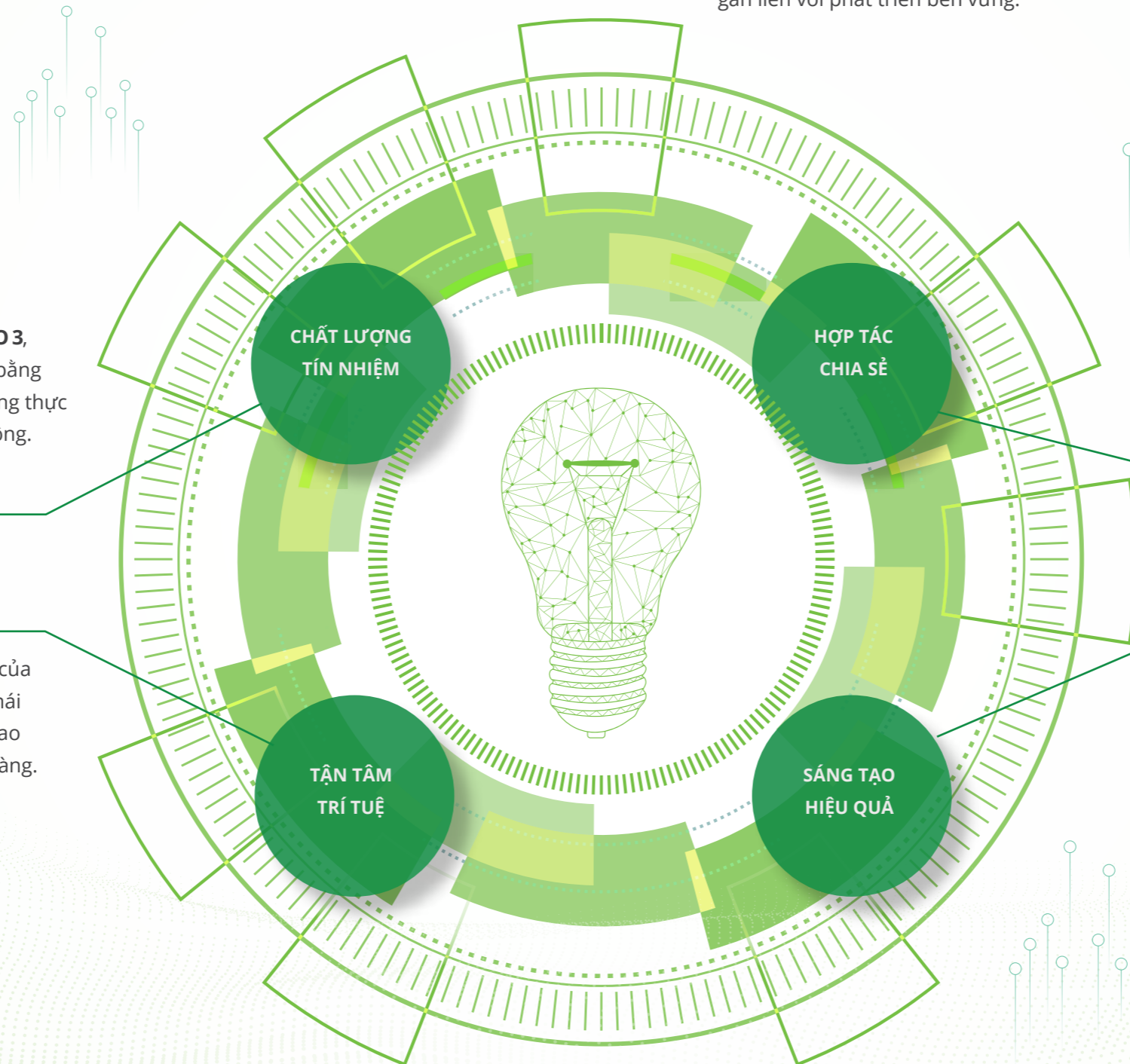
Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP trở thành đơn vị có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao, hoạt động hiệu quả, bền vững, giữ vai trò trọng yếu đối với nền kinh tế đất nước và



SỨ MỆNH

đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, **phấn đấu trở thành doanh nghiệp phát triển hàng đầu tại Việt Nam và khu vực ASEAN** trong ứng dụng công nghệ năng lượng sạch, bảo đảm môi trường gắn liền với phát triển bền vững.

Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế; đầu tư nguồn điện hiệu quả, góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia.



Luôn là nền tảng hoạt động của **EVNGENCO 3**, chúng tôi xây dựng niềm tin với xã hội bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, sự trung thực và tinh thần trách nhiệm trong hành động.

Là giá trị phong cách phục vụ, làm việc của **EVNGENCO 3**. Luôn cố gắng thể hiện thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, hết lòng phục vụ khách hàng.

CHẤT LƯỢNG TÍN NHIỆM

HỢP TÁC CHIA SẺ

TẬN TÂM TRÍ TUỆ

SÁNG TẠO HIỆU QUẢ

Là tinh thần chủ đạo mà **EVNGENCO 3** muốn đạt được để hướng đến sự phát triển, thành công của EVNGENCO 3, của EVN và các đối tác của EVNGENCO 3.

Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thuận lợi cho sự phát huy sáng tạo chính là đòn bẩy mang lại hiệu quả cao giúp **EVNGENCO 3** hoàn thành được sứ mệnh và mục tiêu đề ra.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

VĂN HÓA CÔNG VIỆC

Luôn tâm niệm với triết lý kinh doanh: “Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín”, chúng tôi luôn cố gắng làm hết trách nhiệm được giao, luôn hợp tác, chia sẻ kiến thức, thông tin để giải quyết công việc đạt hiệu quả cao nhất, vì lợi ích chung, vì sự phát triển của EVNGENCO 3, EVN.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Với mục tiêu trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đầu tư phát triển nguồn điện tại Việt Nam và khu vực, mọi hoạt động của chúng tôi luôn tuân thủ triết lý kinh doanh: “Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín”, tạo ra những giá trị phát triển bền vững cho EVNGENCO 3.

VĂN HÓA GIAO TIẾP

Mọi thành viên trong EVNGENCO 3 đối xử với nhau trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng, sống có tình nghĩa; đoàn kết, hợp tác trên mọi phương diện. Chúng tôi có văn hóa xử sự luôn xuất phát từ nguyên tắc lấy con người làm gốc, luôn lịch thiệp và đúng mực trong giao tiếp.

QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG

Luôn xem sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng chính là thành công của EVNGENCO 3. Chúng tôi luôn giải quyết nhanh chóng, chính xác những vấn đề mà khách hàng yêu cầu trên quy định của Nhà nước, của Tập đoàn, của EVNGENCO 3.

QUAN HỆ VỚI CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN, BÁO CHÍ

Trong mỗi quan hệ này, EVNGENCO 3 luôn luôn tôn trọng người đại diện của chính quyền, cơ quan báo chí, truyền thông; giữ phong thái đúng mực, hòa nhã, lịch sự, cung cấp thông tin ngắn gọn, dễ hiểu, đúng theo chức trách, nhiệm vụ.

QUAN HỆ VỚI ĐỐI TÁC

EVNGENCO 3 xây dựng mối quan hệ thân thiện, bền vững với các đối tác trên cơ sở bình đẳng, hai bên cùng có lợi và tin tưởng lẫn nhau. Luôn coi trọng sự tuân thủ pháp luật, cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm tốt.

CAM KẾT VỚI CẤP TRÊN

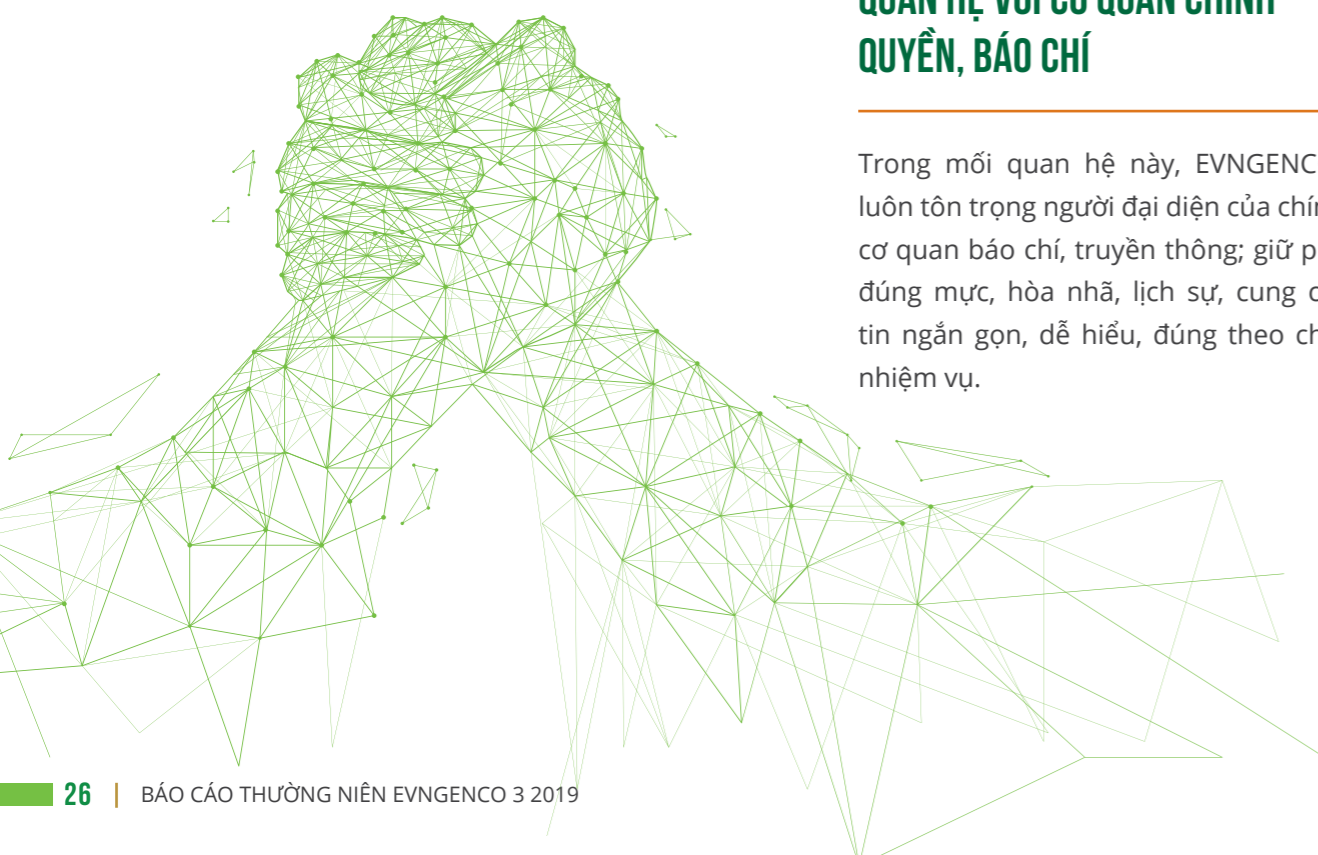
“An toàn, liên tục và kinh tế” – EVNGENCO 3 cam kết hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao, đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, kinh tế, góp phần hưng thịnh quốc gia, cam kết tận tâm và trách nhiệm, sáng tạo và hiệu quả khi thực hiện nhiệm vụ.

CAM KẾT VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

EVNGENCO 3 luôn đảm bảo việc làm và đời sống của người lao động ổn định, được quan tâm, chăm sóc đầy đủ quyền lợi về vật chất và tinh thần theo quy định của pháp luật, đồng thời luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng để phát triển.

CAM KẾT GIỮ GÌN MÔI TRƯỜNG

EVNGENCO 3 cam kết luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ ngôi nhà chung của nhân loại. Không ngừng nâng cao nhận thức và tham gia tích cực vào các hoạt động nhằm cải tạo, giữ gìn môi trường trong lành, sạch đẹp tại cơ quan cũng như trong cộng đồng.





LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH



SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐIỆN NĂNG

TỔNG CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT

TOP

3

TRONG HỆ THỐNG ĐIỆN

EVNGENCO 3 là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2019 ~ 6.340 MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời).

Khởi đầu từ cụm các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, EVNGENCO 3 hôm nay đang vận hành các nhà máy điện công suất lớn trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, Mông Dương và cụm 03 nhà máy thủy điện công suất 586 MW khai thác dòng sông Srêpôk.

Sản lượng điện bình quân hàng năm của công ty mẹ giai đoạn 2013-2019 liên tục tăng trưởng 12% và hiện nay giữ ổn định ở mức khoảng 32 tỷ kWh.



QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG SUẤT QUẢN LÝ DỰ ÁN:

> 4.979 MW

EVNGENCO 3 có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong công tác quản lý, đầu tư xây dựng. Các dự án đưa vào vận hành thương mại trong giai đoạn 2013-2019: Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1, Vĩnh Tân 4 & Vĩnh Tân 4 mở rộng, Thái Bình, Bản Chát, Cơ sở hạ tầng các Trung tâm Điện lực: Vĩnh Tân, Mông Dương, Thái Bình, Điện mặt trời Vĩnh Tân 2.

Bên cạnh nhiệm vụ chính là quản lý, đầu tư xây dựng, EVNGENCO 3 còn chuẩn bị sản xuất cho các dự án nguồn điện đảm bảo tiếp quản vận hành

Ngoài hiệu quả kinh tế, các dự án EVNGENCO 3 quản lý phải đảm bảo về an sinh xã hội nhằm ổn định, giảm thiểu ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân địa phương, góp phần bảo vệ và an ninh trật tự tại khu vực.



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH



DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVNGENCO 3

Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3 (viết tắt là EPS) là một thương hiệu thuộc Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO 3) với hơn **22 năm kinh nghiệm** trong lĩnh vực quản lý vận hành, sửa chữa các nhà máy điện (chạy khí, than và thủy điện), chức năng chính là cung cấp dịch vụ vận hành, sửa chữa chuyên nghiệp cho các nhà máy điện và các nhà máy công nghiệp khác.

Tên công ty: Công Ty Dịch Vụ Sửa Chữa Các Nhà Máy Điện EVNGENCO 3

Tên giao dịch quốc tế: EVNGENCO 3 Power Service

Tên viết tắt: EPS

Địa chỉ: 332 Độc Lập (Quốc lộ 51), Phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tel: (84-254) 3924 0436

Fax: (84-254) 3924 437

Email: business@eps.genco3.vn



CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

EPS hôm nay đã kế thừa và phát triển phong cách văn hóa sửa chữa của lực lượng kỹ sư, công nhân Phú Mỹ. Nguồn nhân lực của EPS có kinh nghiệm và năng lực vượt trội, làm chủ được các kỹ thuật sửa chữa nhà máy điện thuộc hàng hiện đại, tiên tiến trên thế giới. Trên lộ trình phát triển, EPS đã đạt được các chứng nhận tiêu biểu:

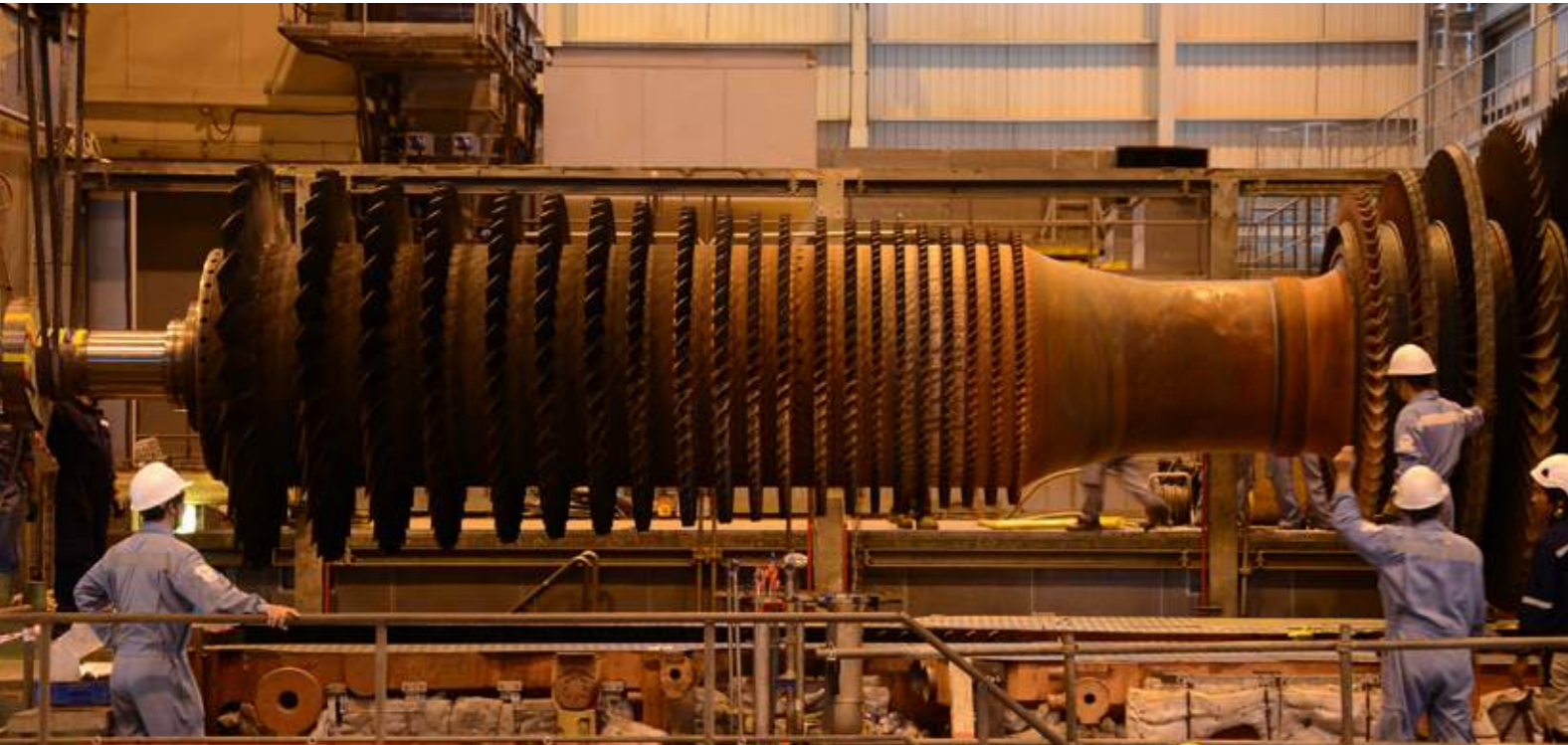
- ▶ **Tiêu chuẩn về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015**
- ▶ **Tiêu chuẩn về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001: 2018**
- ▶ **Tiêu chuẩn về Hệ thống quản lý bảo mật thông tin ISO/IEC 27001: 2013**
- ▶ **Phòng Hiệu chuẩn và Thí nghiệm điện đạt ISO/IEC 17025:2017 – Vilas 504.**
- ▶ **Phòng Thử nghiệm NDT vật liệu đạt ISO/IEC 17025:2017 – Vilas 510**
- ▶ **Giấy chứng nhận kiểm định an toàn thiết bị dụng cụ điện có cấp điện áp từ 01 KV-500KV theo thông tư 33/2015/TT-BCT về quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và Nghị định số 107/ND-CP của Chính phủ về việc điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp**

Trong tương lai EPS vẫn sẽ tiếp tục phát triển để trở thành thương hiệu hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực dịch vụ sửa chữa nhà máy điện.

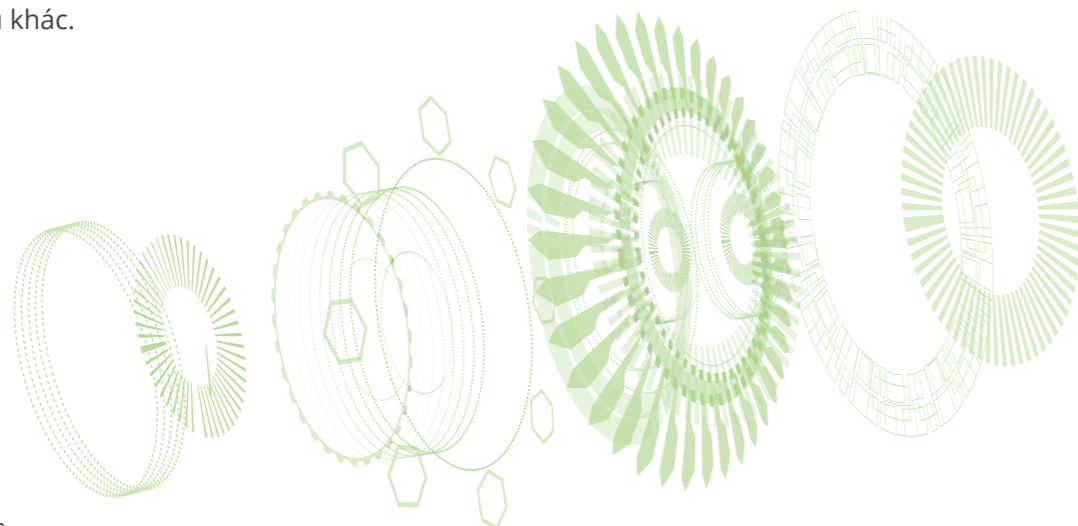


LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



- ▶ Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao Nhà máy điện.
- ▶ Đào tạo vận hành, sửa chữa nhà máy điện. Vận hành thuê nhà máy nhiệt điện.
- ▶ Phục hồi vật tư thay thế, gia công chế tạo.
- ▶ Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện.
- ▶ Các dịch vụ khác.



NĂNG LỰC DỊCH VỤ



- Bảo trì turbine khí, turbine hơi - Nhà máy nhiệt điện
- Bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi, lò thu hồi nhiệt (HRSG)
- Sửa chữa lớn máy phát điện
- Vận hành nhà máy điện
- Thí nghiệm điện - sửa chữa điện
- Thử nghiệm phá hủy và không phá hủy
- Hóa nghiệm
- Nhân sự kỹ thuật cao
- Phân tích, chẩn đoán nguyên nhân gây rung động máy, xử lý rung động máy
- Gia công và phục hồi

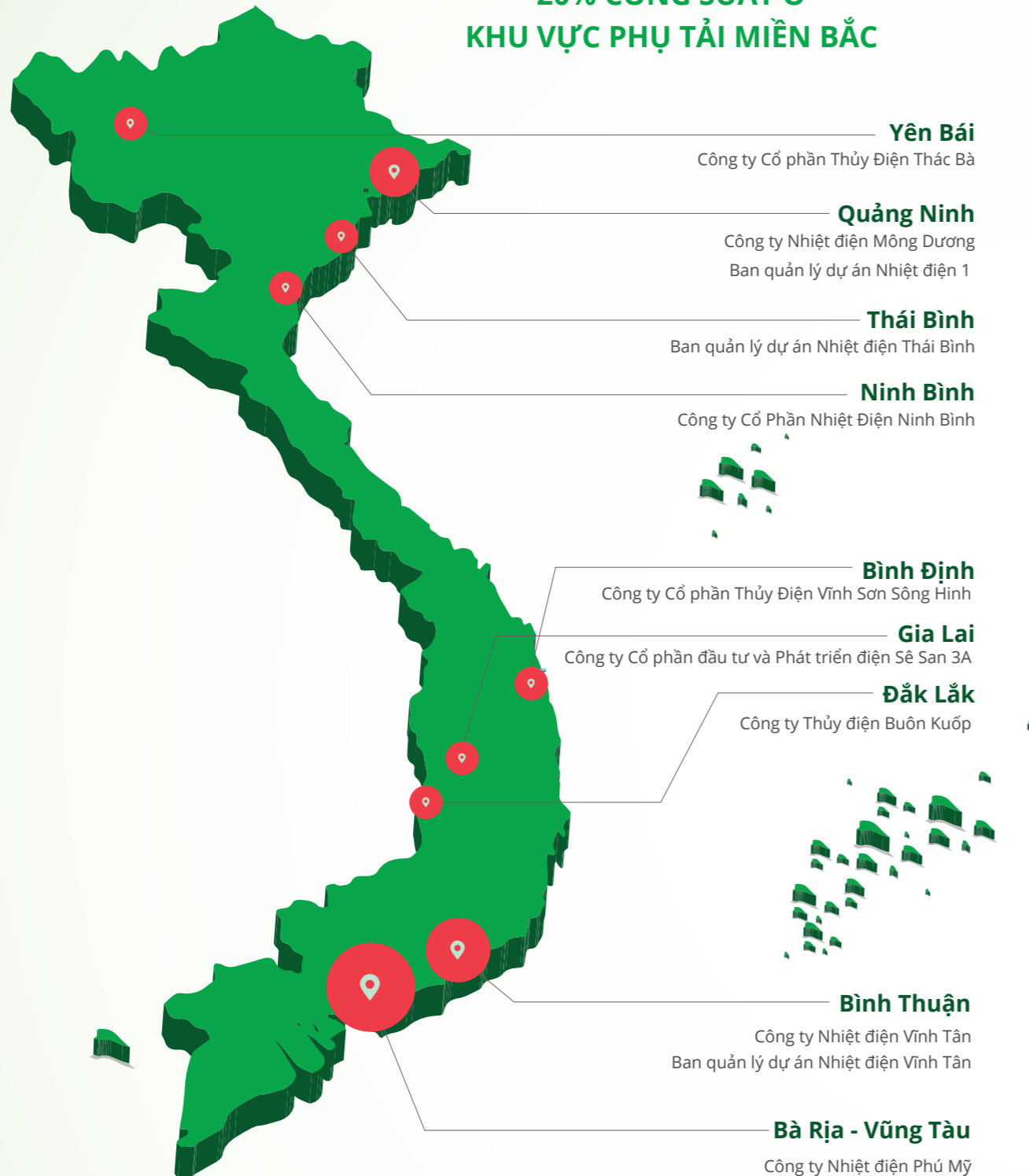
DỊCH VỤ KHÁC

- ▶ Đại tu, sửa chữa động cơ điện, bơm, van, quạt, máy nén...Sửa chữa thường xuyên và xử lý sự cố thiết bị trong các nhà máy công nghiệp. Bảo trì van an toàn trong nhà máy nhiệt điện
- ▶ Hàn (6G Certificate), nhiệt luyện, gia công cơ khí, phun phủ phục hồi chi tiết máy
- ▶ Hiệu chuẩn thiết bị đo lường, kiểm nhiệt
- ▶ Phân tích, kiểm tra, đánh giá và hiệu chỉnh thiết bị phần cứng hệ thống điều khiển DCS, PLC
- ▶ Hiệu chỉnh và thiết kế mới chương trình điều khiển hệ thống, thiết bị
- ▶ Nghiên cứu, nâng cấp và cải tiến hệ thống điều khiển
- ▶ Lọc dầu máy biến thế
- ▶ Lọc dầu bôi trơn turbine khí, turbine hơi. Vệ sinh bồn dầu bôi trơn
- ▶ Mua bán vật tư, thiết bị
- ▶ Quản lý dự án đầu tư xây dựng
- ▶ Tư vấn kỹ thuật các nhà máy điện



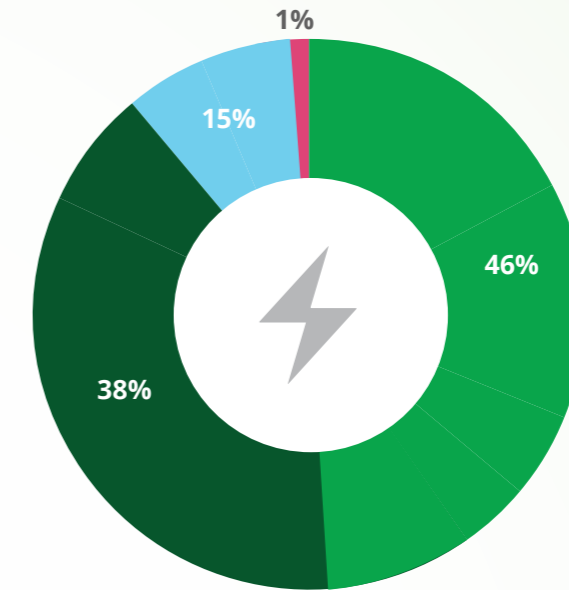
HỆ THỐNG NHÀ MÁY VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TẠI NGÀY 31/12/2019

20% CÔNG SUẤT Ở KHU VỰC PHỤ TẢI MIỀN BẮC

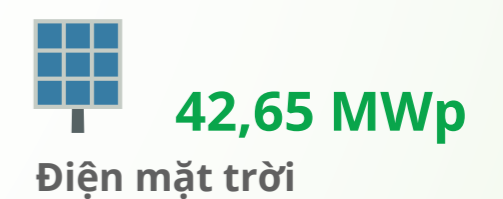
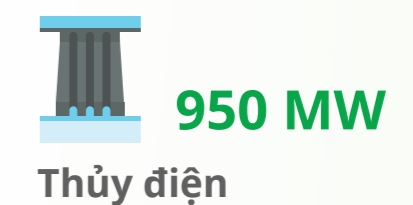
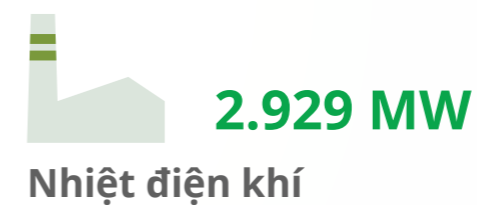


80% CÔNG SUẤT Ở KHU VỰC PHỤ TẢI MIỀN NAM

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NGUỒN EVNGENCO 3



■ Nhiệt điện khí
 ■ Nhiệt điện than
 ■ Thủy điện
 ■ Điện mặt trời





HỆ THỐNG NHÀ MÁY VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TẠI NGÀY 31/12/2019

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ CHI NHÁNH EVNGENCO 3

Địa chỉ: Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Hoạt động: Quản lý và vận hành 04 nhà máy với tổng công suất 2.540 MW (bao gồm các hệ thống nâng công suất 110 MW) trong Trung tâm Điện lực Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Tỷ lệ sở hữu: 100%



NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 1

CÔNG SUẤT 1.090 MW

Cấu hình máy: 3-3-1, 701F (MHI)
Nhiên liệu sử dụng: khí thiên nhiên
Năm vận hành thương mại: 2002



NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 4

CÔNG SUẤT 450 MW

Cấu hình máy: 2-2-1, GT13E2 (Alstom)
Nhiên liệu sử dụng: khí thiên nhiên
Năm vận hành thương mại: 2004



NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1

CÔNG SUẤT

450 MW

Cấu hình máy: 2-2-1, GT13E2 (Alstom)

Nhiên liệu sử dụng: khí thiên nhiên

Năm vận hành thương mại (Chu trình đơn): 1997

Năm vận hành thương mại (Chu trình hỗn hợp): 2003

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1 MỞ RỘNG

CÔNG SUẤT

440 MW

Cấu hình máy: 2-2-1, V94.2 (Siemens)

Nhiên liệu sử dụng: khí thiên nhiên

Năm vận hành thương mại (Chu trình đơn): 1999

Năm vận hành thương mại (Chu trình hỗn hợp): 2006



CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN CHI NHÁNH EVNGENCO 3

Địa chỉ: Khuôn viên nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận
Hoạt động: Quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 với tổng công suất 1.279 MW trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, tỉnh Bình Thuận
Tỷ lệ sở hữu: 100%

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2

CÔNG SUẤT 2x622 MW

Nhiên liệu sử dụng: Than cám 6a.1 trong nước và than nhập khẩu
Năm vận hành thương mại: 2015



NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH TÂN 2

CÔNG SUẤT 42,65 MWp
~ 35 MW

Năm vận hành thương mại: ngày 24/6/2019.



CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG CHI NHÁNH EVNGENCO 3

CÔNG SUẤT 2x540 MW

Địa chỉ: Khu 8, Phường Mong Duong, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
Hoạt động: Quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Mong Duong 1 với tổng công suất 1.080 MW trong Trung tâm Điện lực Mong Duong, tỉnh Quảng Ninh
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Nhiên liệu sử dụng: Than cám 6a.1 trong nước và than nhập khẩu
Năm vận hành thương mại: 2015



CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP CHI NHÁNH EVNGENCO 3

Địa chỉ: 22, Đường Mai Xuân Thưởng,
Phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột,
Đắk Lắk

Hoạt động: Quản lý và vận hành 03 nhà máy
Thủy điện với tổng công suất 586 MW trên
lưu vực sông Srêpốk, khu vực Tây Nguyên

Tỷ lệ sở hữu: 100%

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP

CÔNG SUẤT 2x140 MW

Năm vận hành thương mại: 2009

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUÔN TUA SRAH

CÔNG SUẤT 2x43 MW

Năm vận hành thương mại: 2010

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SRÊPỐK 3

CÔNG SUẤT 2x110 MW

Năm vận hành thương mại: 2010



CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVNGENCO 3 (EPS) CHI NHÁNH EVNGENCO 3

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Trụ sở chính: Số 332 Độc Lập (Quốc lộ 51), Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động: Cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các nhà máy điện

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN 1 (BAN ANĐ1)

Trụ sở chính: Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
Hoạt động: Ban ANĐ1 đã thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Mông Dương 1



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN (BAN AVT)

Trụ sở chính: Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Hoạt động: Hiện nay Ban AVT đang thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành trong trung tâm Điện lực Vĩnh Tân



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH (BAN ATB)

Trụ sở chính: Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình
Hoạt động: Hiện nay Ban ATB đang thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Thái Bình



CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA (BTP) CÔNG SUẤT 389 MW

Tỷ lệ sở hữu: 79,56%
Nhiên liệu sử dụng: khí thiên nhiên
Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

CÔNG TY CP NĐ NINH BÌNH (NBP) CÔNG SUẤT 4x25 MW

Tỷ lệ sở hữu: 54,76%
Nhiên liệu sử dụng: Than cám trong nước và than nhập khẩu
Địa chỉ: Số 1 đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, TP Ninh Bình

CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của EVNGENCO 3 (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3	Hoạt động
1	CTCP TĐ Thác Bà (TBC)	Quốc lộ 37, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	120	635.000	190.500	30	Sản xuất điện năng
2	CTCP TĐ Vĩnh Sơn Sông Hinh (VSH)	21 Nguyễn Huệ, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	136	2.062.412	517.058	30,55	Sản xuất điện năng
3	CTCP ĐT&PT điện Sê San 3A	96 Phạm Văn Đồng, TP Pleiku, Gia Lai	108	280.000	84.000	30	Sản xuất điện năng
4	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)	Phước Khánh, Nhơn Trạch, Đồng Nai	750	2.878.760	83.022	2,47	Sản xuất điện năng
5	CTCP Điện Việt - Lào	Tầng 9, khu B, Tòa nhà HH4, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	651	3.250.000	19.600	0,60	Sản xuất điện năng
6	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP	KCN Phú Mỹ 1, Thị xã Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	—	496.424	74.464	15	Dịch vụ ngành năng lượng
Tổng cộng					968.644		



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





ÔNG ĐINH QUỐC LÂM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đinh Quốc Lâm - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện, sinh năm 1973, hiện là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (trước đó Ông là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc TCT Phát điện 3 - CTCP).

Số cổ phần EVNGENCO 3 mà Ông sở hữu và đại diện là 424.569.193 cổ phần (chiếm 39,68% vốn điều lệ).



ÔNG LÊ VĂN DANH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Văn Danh - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử, sinh năm 1974, hiện đang là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (trước đó Ông là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP).

Số cổ phần EVNGENCO 3 mà Ông sở hữu và đại diện là 318.418.570 cổ phần (chiếm 29,76% vốn điều lệ).



ÔNG TRƯƠNG QUỐC PHÚC
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trương Quốc Phúc - cử nhân Tài chính kế toán và đã hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD, sinh năm 1961, hiện đang là Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Số cổ phần EVNGENCO 3 mà Ông sở hữu và đại diện là 159.209.685 cổ phần (chiếm 14,88% vốn điều lệ).



ÔNG NGUYỄN MINH KHOA
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Minh Khoa - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật Quốc tế, Cử nhân Tiếng Anh, sinh năm 1974, hiện đang là Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Số cổ phần EVNGENCO 3 mà Tập đoàn điện lực Việt Nam ủy quyền đại diện là 159.203.285 cổ phần (chiếm 14,88% vốn điều lệ).



ÔNG ĐỖ MỘNG HÙNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đỗ Mộng Hùng - Kỹ sư Nhiệt điện, sinh năm 1958, hiện đang là thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG LÊ VĂN DANH
TỔNG GIÁM ĐỐC

Thông tin chi tiết xem tại Phần Giới thiệu chung EVNGENCO3 - Mục HĐQT



ÔNG PHAN THANH XUÂN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KỸ THUẬT - SẢN XUẤT

Ông Phan Thanh Xuân - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Thiết bị điện. sinh năm 1961, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



ÔNG CAO MINH TRUNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
SỬA CHỮA VÀ CÔNG NGHỆ

Ông Cao Minh Trung - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, sinh năm 1963, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa và Công nghệ Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



ÔNG NGUYỄN THANH TRÙNG DƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH - THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương - Thạc sĩ Mạng và Hệ thống Điện, Kỹ sư Kỹ thuật Điện, sinh năm 1970, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Thị trường điện Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



BÀ NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ - Tiếng Anh, sinh năm 1977, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Tài chính Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

03



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Tình hình kinh tế năm 2019	54
Kết quả cung ứng điện năm 2019	56
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019	58
Công tác tái cấu trúc tài chính	64
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	65
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019	66
Mục tiêu nhiệm vụ - kế hoạch năm 2020	78
Chiến lược phát triển	82





TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2019



KINH TẾ TOÀN CẦU

Kinh tế toàn cầu tiếp tục trầm lắng với tăng trưởng kinh tế và lưu lượng thương mại thấp hơn dự kiến.

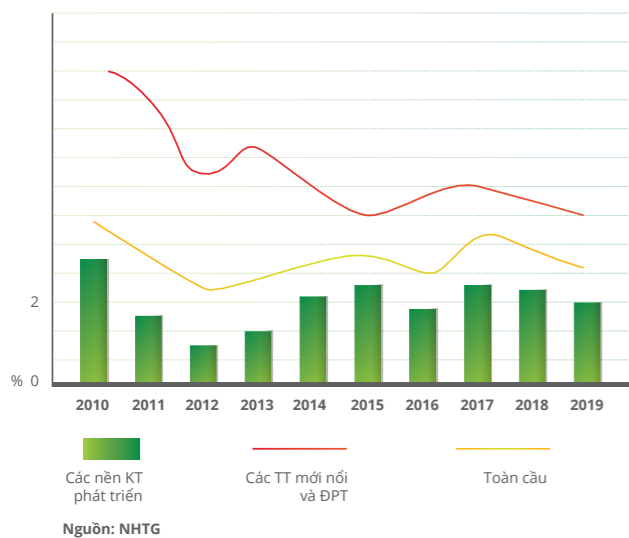
Trong năm 2019, tăng trưởng GDP chỉ đạt 2,6% cho cả thế giới và 4,0% cho các quốc gia thị trường mới nổi, giảm lần lượt từ mức 3,0% và 4,3% trong năm 2018. Các hoạt động kinh tế trầm lại đi kèm với suy giảm liên tục về lưu lượng thương mại thế giới, mặc dù hầu hết các ngân hàng trung ương đều đã áp dụng chính sách tiền tệ tạo thuận lợi. Những chính sách đó chưa đủ để bù đắp cho tình trạng bất định ngày càng tăng do căng thẳng thương mại giữa Mỹ và các đối tác lớn của họ, bên cạnh những rủi ro liên quan đến quá trình Brexit.

Tăng trưởng ở khu vực Đông Á vẫn theo hướng suy giảm chung trên toàn cầu vì hầu hết các nền kinh tế trong khu vực đều phụ thuộc nhiều vào thị trường toàn cầu. Tăng trưởng ở các nền kinh tế đang phát triển ở Đông Á và Thái Bình Dương

giảm còn 6,0% (so cùng kỳ) trong nửa đầu năm 2019 so với 6,5% nửa đầu năm 2018. Sức cầu bên ngoài yếu đi kết hợp với bất định về chính sách thương mại trên toàn cầu tạo sức ép lên các hoạt động kinh tế trong khu vực, thể hiện qua xuất khẩu suy giảm, lòng tin của doanh nghiệp giảm và đầu tư yếu đi.

Có thể thấy, trong suốt năm 2019, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung dù tạm lắng dịu, song vẫn có nguy cơ bùng phát và đe dọa tăng trưởng kinh tế thế giới. Các điểm nóng an ninh, đối ngoại cùng các nguy cơ tài chính vẫn đang tạo nên "rào cản" với tăng trưởng của nhiều nền kinh tế lớn. Ở thời điểm "bản lề" chuyển giao năm mới, các dự báo về triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2020 vẫn không mấy lạc quan.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu



Sản lượng công nghiệp và thương mại thế giới



KINH TẾ VIỆT NAM

Mặc dù môi trường bên ngoài không thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam vẫn vững vàng

Cho dù môi trường toàn cầu có nhiều thách thức, nền kinh tế Việt Nam đã thể hiện sự vững vàng, nhờ vào tiêu dùng tư nhân và xuất khẩu ở các ngành chế tạo và chế biến được duy trì tốt.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng, với tốc độ tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường (như ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%).

Cơ cấu kinh tế năm 2019 cũng có những chuyển biến tích cực với tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm xuống 13,96% GDP, so với mức 14,68% của năm 2018. Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%.



KẾT QUẢ CUNG ỨNG ĐIỆN NĂM 2019

NĂNG LỰC HỆ THỐNG ĐIỆN

TỔNG CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT NGUỒN ĐIỆN TOÀN HỆ THỐNG

54.880 MW

QUI MÔ HỆ THỐNG ĐIỆN VIỆT NAM ĐÚNG

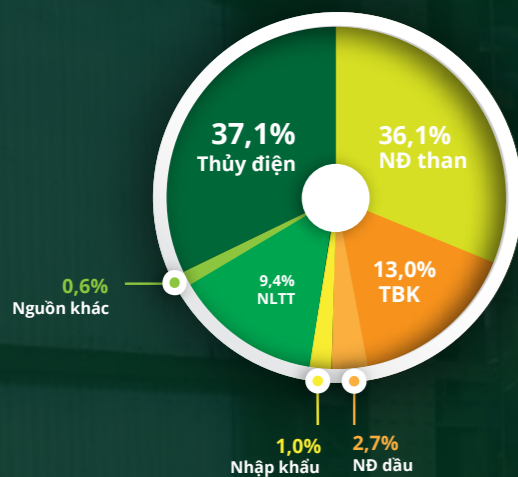
THỨ 2 KHU VỰC ASEAN (SAU INDONESIA)

TĂNG SO VỚI NĂM 2018

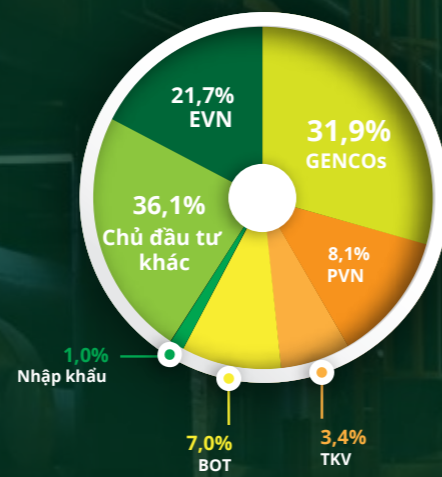
6.320 MW

THỨ 23 THẾ GIỚI

Cơ cấu công suất nguồn điện toàn hệ thống đến cuối năm 2019



Theo loại hình nguồn điện



Theo chủ sở hữu

VỀ ĐIỆN SẢN XUẤT CỦA HỆ THỐNG

SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT CỦA HỆ THỐNG NĂM 2019

238,69 TỶ KWH

TĂNG SO VỚI NĂM 2018

8,87 %

VỀ CUNG ỨNG ĐIỆN

DIỆN THƯƠNG PHẨM ĐẠT

209,42 TỶ KWH

TĂNG SO VỚI NĂM 2018

8,87 %

DIỆN THƯƠNG PHẨM NỘI ĐỊA

207,7 TỶ KWH

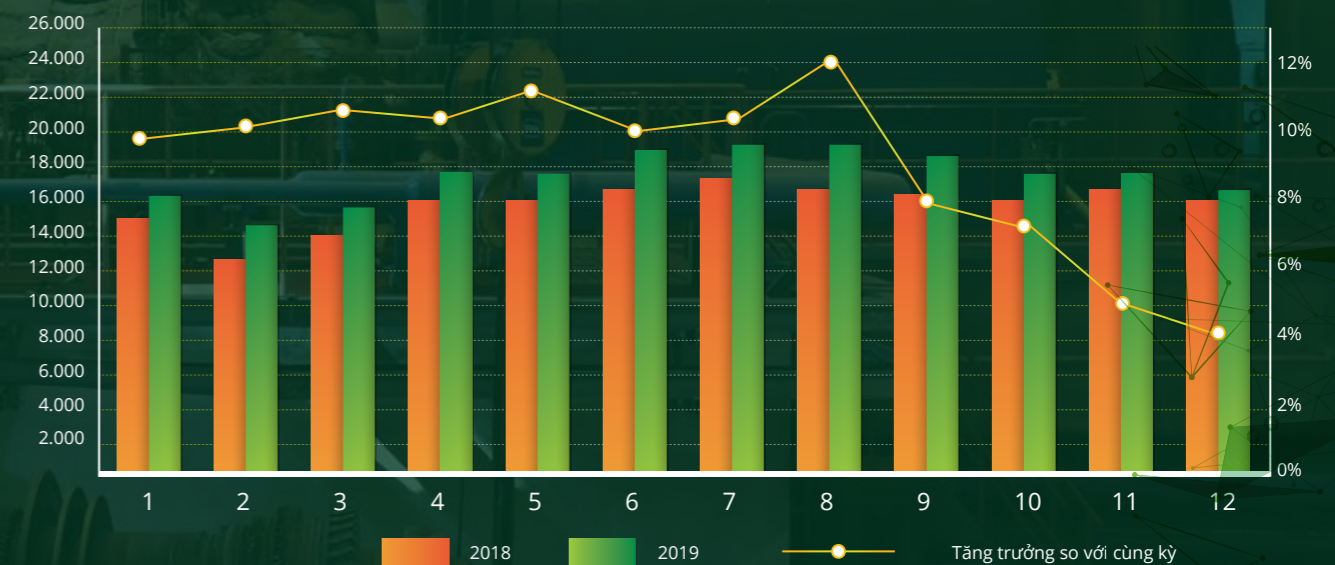
TĂNG SO VỚI NĂM 2018

8,65 %

- ▶ MIỀN BẮC TĂNG 8,9%,
- ▶ MIỀN TRUNG TĂNG 9,31%
- ▶ MIỀN NAM TĂNG 8,3%

VỀ CƠ CẤU ĐIỆN THƯƠNG PHẨM

- ▶ Điện cấp cho Công nghiệp - Xây dựng chiếm 53,8%, tăng 6,5%;
- ▶ Điện cấp cho quản lý tiêu dùng chiếm 32,9%, tăng 10,8%;
- ▶ Điện cấp cho TM-KS-NH chiếm 5,6%, tăng 9,3%;
- ▶ Điện cấp cho nông nghiệp chiếm 3,1%, tăng 20,4%;
- ▶ Thành phần khác chiếm 4,6%, tăng 18,3%.



DIỆN THƯƠNG PHẨM VÀ TĂNG TRƯỞNG THEO TỪNG THÁNG NĂM 2019



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019



TẬP TRUNG ĐẢM BẢO ĐỦ NHIÊN LIỆU CHO VẬN HÀNH CÁC NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN

Đối với các nhà máy Nhiệt điện khí Phú Mỹ, nguồn nguyên liệu sử dụng chính là khí từ các mỏ Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mộc Tinh, Thiên Ưng - Đại Hùng; Trong năm 2019 lượng khí cấp cho các NMD Phú Mỹ bình quân đạt là 8,0 triệu m³/ngày, trong khi nhu cầu cần khoảng 10-11 triệu m³/ngày do đó các nhà máy chỉ vận hành đạt 60% - 66% công suất thiết kế; EVNGENCO 3 đã nghiên cứu các Phương án cấp bổ sung khí LNG và đang tiến hành lựa chọn nhà cung cấp, dự kiến trong Quý II/2021 sẽ nhận bổ sung khí LNG cho các nhà máy điện Phú Mỹ.

Các nhà máy Nhiệt điện than của EVNGENCO 3 theo thiết kế ban đầu đều sử dụng nguồn than cám 6a.1 trong nước để vận hành. Tuy nhiên, trong biểu đồ cấp than từ nay đến năm 2030, các nhà cung cấp trong nước không cân đối được than cấp cho các nhà máy điện. Trước tình hình khó khăn về nguồn than, EVNGENCO 3 đã nghiên cứu các giải pháp như sau:

Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2:

- ▶ Nghiên cứu ứng dụng Đề án đốt than trộn với các thành phần than trong nước pha trộn với than Antracite nhập khẩu theo tỷ lệ phù hợp. Nguồn than nhập khẩu chủ yếu từ Nam Phi với các thông số tương đồng với than 6a.1. Giải pháp này là bước tiến đột phá vừa giải quyết được bài toán thiếu nguồn cung trong nước vừa nâng cao hiệu quả vận hành lò hơi giúp nhà máy giảm suất hao nhiệt và nhiều chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật lò máy được cải thiện.
- ▶ Song song đó Tổng Công ty thực hiện mở rộng mái kho than (tiến độ thực hiện đạt 90%) và nghiên cứu lập dự án đầu tư Nâng cấp cảng nhập than để tăng công suất bốc dỡ đáp ứng đủ nhiên liệu cho sản xuất.

Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1:

- ▶ Triển khai thử nghiệm đốt trộn than nhằm cải thiện các chỉ tiêu KTKT, nâng cao tính chủ động về nguồn cung nhiên liệu than và đặc biệt là nâng cao chất lượng tro xỉ để tăng khả năng tiêu thụ, giảm tồn trữ tại bãi xỉ.



Bảng tổng hợp nhiên liệu tiêu thụ các nhà máy năm 2019

Stt	Nhà máy	Đơn vị tính	Khối lượng tiêu thụ
1	Các nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ	Triệu BTU	109.231.434
2	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	Tấn	3.771.740
3	Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1	Tấn	3.600.245



CÁC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN ĐẠT VÀ VƯỢT TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH

Năm 2019, Công ty EPS và các đơn vị sản xuất điện đã thực hiện 17 công trình sửa chữa lớn các tổ máy phát điện đều đạt và vượt tiến độ đề ra.

Đặc biệt tập trung tối đa các công trình Đại tu tổ máy GT11 nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1, tổ máy S1 nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2. Hơn nữa Tổng Công ty đã phát huy được tối ưu hóa vật tư, gia công phục hồi và nhân công theo mô hình sửa chữa tập trung.



CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT NGÀY Càng HIỆU QUẢ

Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019
1. Hệ số khả dụng					
Nhiệt điện khí	%	92,09	91,34	91,46	93,21
Nhiệt điện than	%	83,99	79,12	83,09	88,14
Thủy điện	%	96,47	96,68	96,18	96,19
2. Tỷ lệ điện tự dùng					
Nhiệt điện khí	%	1,99	2,08	2,07	2,09
Nhiệt điện than	%	8,23	9,14	8,41	8,55
Thủy điện	%	0,44	0,53	0,64	0,56
3. Suất tiêu hao nhiệt					
Nhiệt điện khí	BTU/kWh	7.385	7.453	7.442	7.432
Nhiệt điện than	kJ/kWh	11.088	10.939	11.510	10.962



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019



CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT NGÀY Càng HIỆU QUẢ

Năm 2019, Tổng Công ty có 13/14 chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt và vượt kế hoạch (gồm suất hao nhiệt, tỷ lệ điện tự dùng, hệ số khả dụng, tỷ lệ dừng máy sửa chữa bảo dưỡng).

Trong đó chỉ tiêu suất hao nhiệt điện than đã được giảm đáng kể so với các năm trước đây do đã triển khai các giải pháp củng cố thiết bị, nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành, cùng với kết quả của việc thử nghiệm, vận hành đốt than trộn cho NMNĐ Vĩnh Tân 2.

Hiện nay, Tổng Công ty đang xây dựng một đề án riêng về giảm sự cố chủ quan với mục tiêu giảm số lần và tỷ lệ dừng máy do sự cố mỗi năm khoảng 20% và đến năm 2022 phấn đấu thì tỷ lệ này $\leq 2,0\%$ năm (tương đương với thời gian dừng máy do sự cố mỗi năm không quá 7,3 ngày).

Bảng chỉ tiêu năng suất lao động

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	TH2018	TH 2019
1	Điện sản xuất/lao động	Tr.kWh/ng	12,84	12,61	14,75	16,11
	Trong đó Công ty mẹ	Tr.kWh/ng	18,13	20,48	22,01	23,43
2	Số lao động/đơn vị	Người/MW	0,42	0,40	0,36	0,35
	Trong đó Công ty mẹ	Người/MW	0,31	0,27	0,25	0,25



KẾT QUẢ SẢN XUẤT ĐIỆN

Sản xuất điện là lĩnh vực cốt lõi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3. Do đó ngay từ đầu năm Tổng Công ty đã chuẩn bị sẵn sàng các phương án đáp ứng nhu cầu sử dụng điện có thể tăng cao hơn dự kiến, chuẩn bị các giải pháp sẵn sàng ứng phó với những diễn biến bất thường, các tình huống phát sinh trong năm.

SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT TOÀN TỔNG CÔNG TY TĂNG

4,46%

so với cùng kỳ năm 2018

Đến hết năm 2019, sản lượng điện sản xuất năm của EVNGENCO 3 (bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các đơn vị EVNGENCO 3 có cử người đại diện) là 34.625 triệu kWh, trong đó:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc là 31.940 triệu kWh, đạt 98,07% so với kế hoạch được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên (32.570 triệu kWh), tăng 4,72% so với cùng kỳ năm 2018:

- ▶ Mặc dù các tổ máy luôn vận hành ổn định theo yêu cầu hệ thống tuy nhiên nhiên liệu khí cấp ngày càng suy giảm đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất điện của các nhà máy điện Phú Mỹ, kết quả sản lượng điện sản xuất năm 2019 chỉ đạt 96,04% so với cùng kỳ năm 2018.
- ▶ Sản lượng điện các nhà máy Nhiệt điện than huy động cao theo yêu cầu hệ thống, do đó năm 2019 sản lượng điện NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1 đều đạt cao lần lượt là 7.203 triệu kWh và 7.050 triệu kWh.
- ▶ Lưu lượng nước trung bình về các hồ Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, SrêPốk 3 chỉ bằng 69%-86% so với năm 2018 và tương đương với giá trị trung bình nhiều năm đã làm sản lượng điện của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp giảm 4,22% so với cùng kỳ.

SẢN LƯỢNG ĐIỆN CÁC CÔNG TY CON

1.487

 triệu kWh

SẢN LƯỢNG ĐIỆN CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

1.198

 triệu kWh



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

SẢN XUẤT ĐIỆN NĂNG

Bảng sản lượng điện sản xuất các nhà máy

ĐVT: triệu kWh

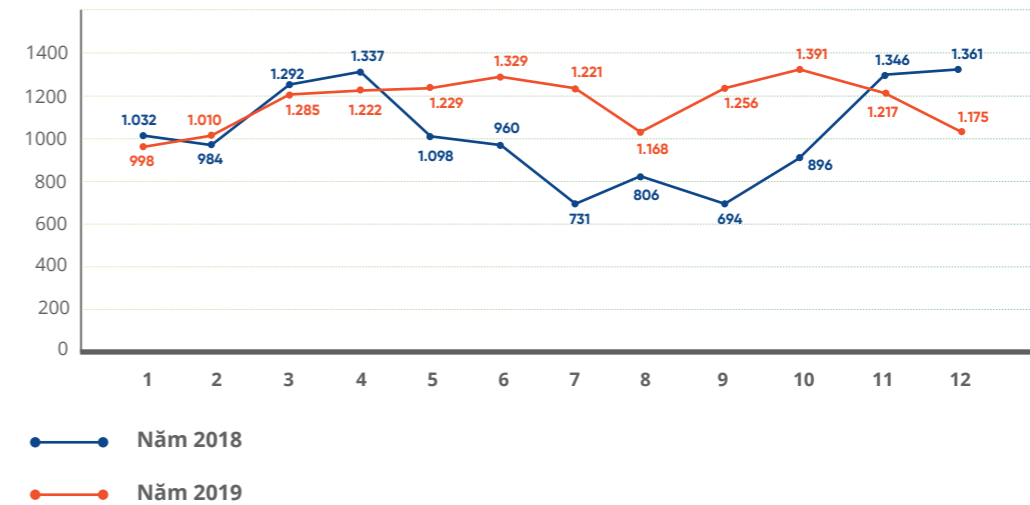
Stt	Đơn vị	TH 2018	KH 2019	TH 2019	So sánh (%)	
					TH 2019/ 2018	TH/KH 2019
		(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
Tổng		33.146	35.875	34.625	104,46	96,52
I Công ty mẹ		30.502	32.570	31.940	104,72	98,07
1	Công ty NĐ Phú Mỹ	15.451	15.910	15.280	98,89	96,04
2	Công ty TĐ Buôn Kuốp	2.514	2.324	2.408	95,78	103,61
3	Công ty NĐ Vĩnh Tân	6.813	7.370	7.203	105,72	97,74
3.1	NMĐ Vĩnh Tân 2	6.813	7.370	7.184	105,44	97,48
3.2	ĐMT Vĩnh Tân 2	-	-	19	-	-
4	Công ty NĐ Mông Dương	5.724	6.966	7.050	123,17	101,20
II Công ty con		975	1.909	1.487	152,48	77,87
1	CTCP NĐ Bà Rịa	591	1.392	841	142,43	60,43
2	CTCP NĐ Ninh Bình	384	517	645	167,93	124,82
III Công ty liên kết		1.669	1.396	1.198	71,78	85,81
1	CTCP TĐ Vĩnh Sơn - Sông Hinh	730	608	494	67,62	81,22
2	CTCP TĐ Thác Bà	446	368	320	71,70	86,88
3	CTCP ĐT & PT Điện Sê San 3A	493	420	384	78,01	91,52

Thị trường bán buôn điện cạnh tranh (VWEM) chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2019 và vận hành theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Năm 2019, EVNGENCO 3 có 4 Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc (Phú Mỹ, Buôn Kuốp, Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1) và 2 Công ty phát điện liên kết (Thác Bà, Vĩnh Sơn - Sông Hinh) tham gia chào giá trực tiếp trên thị trường điện; 02 công ty phát điện con (Bà Rịa, Ninh Bình) tham gia cung cấp dịch vụ phụ trợ. Tổng Công ty đã chỉ đạo các Đơn vị tham gia Thị trường điện tuân thủ đúng quy định hiện hành và đạt được những hiệu quả nhất định, góp phần vào tăng trưởng doanh thu và ổn định kết quả sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3.



Giá thanh toán toàn phần (FMP) bình quân trên TTĐ năm 2019 là 1.209 đồng/kWh, cao hơn 16% so với năm 2018 (1.046 đồng/kWh).



VƯỢT TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN

Nhằm đảm bảo hòa lưới các dự án Điện mặt trời trước ngày 30/6/2019 để hưởng chính sách ưu đãi giá điện, EVNGENCO 3 đã nỗ lực tối đa đưa vào vận hành thương mại nhà máy ĐMT Vĩnh Tân 2 công suất 42,65 MWp tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận vào ngày 24/6/2019. Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 sử dụng công nghệ pin quang điện (PV) của một trong 5 hãng năng lượng mới hàng đầu thế giới, thiết bị chất lượng cao theo tiêu chuẩn của các nước G7, tỷ lệ nội địa hóa đạt 47,29% với tổng vốn đầu tư 982 tỷ đồng. Sản lượng điện bình quân năm khoảng 66,8 triệu kWh.

Lĩnh vực quản lý dự án năm 2019 cũng đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, đặc biệt là tại Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân - đơn vị Tư vấn quản lý dự án của Tổng Công ty Phát điện 3 tại TTĐL Vĩnh Tân.

Ngày 05/10/2019 đã đưa vào vận hành thương mại dự án NMĐ Vĩnh Tân 4 mở rộng vượt tiến độ 90 ngày. Đây là dự án cấp bách phục vụ cấp điện cho miền Nam. Thành công này thể hiện được năng lực, tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý dự án của Tổng Công ty Phát điện 3. Dự án đi vào hoạt động sẽ cung cấp khoảng 3,6 tỷ kWh/năm cho lưới điện Quốc gia.





CÔNG TÁC TÁI CẤU TRÚC TÀI CHÍNH



Thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành điện và quyết định phê duyệt phương án CPH của EVNGENCO 3. Nhằm đảm bảo từng bước lành mạnh hóa tài chính của EVNGENCO 3, giảm hệ số nợ, giúp doanh nghiệp từng bước tăng cường năng lực tài chính và đủ điều kiện triển khai các dự án đầu tư mới nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển lâu dài của EVNGENCO 3.

EVNGENCO 3 đã chủ động tìm hiểu, trao đổi thông tin, gặp gỡ các quỹ đầu tư, các đơn vị tư vấn uy tín và giàu kinh nghiệm trên thị trường nhằm tìm ra giải pháp cho quá trình tăng vốn/giảm tỷ lệ sở hữu của EVN tại EVNGENCO 3.

EVNGENCO 3 đã phối hợp với đơn vị tư vấn KPMG hoàn thành báo cáo hiện trạng tài chính của EVNGENCO 3 và xây dựng mô hình tài chính dựa trên các điều kiện hiện tại của EVNGENCO 3.

EVNGENCO 3 đã xây dựng Phương án tái cơ cấu trên cơ sở phân tích, đánh giá ưu nhược điểm và tính khả thi của các phương án và trình EVN xem xét.

Đối với Phương án chuyển nhượng vốn tại các Công ty cổ phần:

Chuyển nhượng vốn tại CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh:

- ▶ Ngày 13/3/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông lớn cho EVNGENCO 3 tại văn bản số 39/GCN-UBCK.
- ▶ Tổng Công ty đã phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) triển khai các hồ sơ, thủ tục liên quan theo quy định. Tuy nhiên tình hình thị trường chứng khoán hiện nay gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, không có nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá, dẫn đến cuộc đấu giá không đủ điều kiện tổ chức.
- ▶ Đối với công tác chuyển nhượng vốn tại các công ty khác: Tổng Công ty tiếp tục nghiên cứu lộ trình và kế hoạch chuyển nhượng vốn tại các công ty này trong giai đoạn thích hợp, phù hợp với quy định và hướng dẫn cụ thể từ cơ quan có thẩm quyền



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng Công ty luôn xác định nhiệm vụ bảo vệ môi trường là công tác trọng tâm, xuyên suốt, song hành với hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời gian qua, các nhà máy điện chấp hành, tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan.

Kết quả quan trắc, giám sát, phân tích định kỳ chất lượng khí thải, nước thải, nước làm mát và môi trường xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép theo các quy chuẩn môi trường hiện hành. Các NMNĐ Phú Mỹ, Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1 đã hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường online và truyền về Sở TN&MT địa phương theo đúng quy định, đồng thời kết nối về Tổng Công ty để kiểm soát.

Công tác quản lý, xử lý tro, xỉ tiếp tục được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. Tình hình tiêu thụ tro, xỉ phát sinh của các NMNĐ than đến tháng 4 năm 2020 tiếp tục được cải thiện đáng kể



NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG 1

TIÊU THỤ ĐẠT HƠN

100%

Đã hoàn thành lắp đặt các bộ trộn ẩm tro, xỉ sau các Silo để tăng tính cơ động trong việc lấy tro, xỉ tại nhà máy đi tiêu thụ.

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2

TIÊU THỤ ĐẠT HƠN

27,09%

Hiện nay, nhờ áp dụng giải pháp đốt than trộn, hàm lượng carbon cháy không hết trong tro bay đã đạt < 6%, đồng thời chất lượng tro, xỉ cũng được cải thiện đáng kể, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân đã ký hợp đồng với các đối tác để sử dụng tro, xỉ làm phụ gia bê tông và xi măng, vật liệu xây dựng với khối lượng từ 250.000 tấn - 350.000 tấn/năm.

Trong thời gian tới sẽ tiếp tục ký hợp đồng tiêu thụ với các đối tác lớn khác với khối lượng ít nhất khoảng 250.000 tấn/năm, đồng thời triển khai các giải pháp để đa dạng hóa phương thức tiêu thụ như: hoàn thành các thủ tục để xuất tro bay theo đường biển (thông qua cảng nhập dầu 1.000 DWT); xây dựng phương án hoàn nguyên các mỏ vật liệu xây dựng đã hoàn thành việc khai thác; thí nghiệm tro bay đắp nền đường để có thể đưa vào thi công dự án đường cao tốc,... khối lượng tro, xỉ tiêu thụ của NMNĐ Vĩnh Tân 2 dự kiến sẽ tăng lên rất đáng kể.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019



TỔNG QUAN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG DOANH THU (Tỷ đồng)

43.813	44.600	39.990	101,8%	11,5%
Kế hoạch năm 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019/Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019/Thực hiện 2018

TỔNG LỢI NHUẬN SẢN XUẤT ĐIỆN/ Không bao gồm chênh lệch tỷ giá (Tỷ đồng)

1.447	1.967	1.860	135,94%	105,75%
Kế hoạch năm 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019/Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019/Thực hiện 2018

TỔNG LỢI NHUẬN/ Không bao gồm chênh lệch tỷ giá (Tỷ đồng)

1.614	2.162	2.169	133,95%	99,68%
Kế hoạch năm 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019/Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019/Thực hiện 2018



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THỰC HIỆN NĂM 2019

1.189 tỷ đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ THỰC HIỆN NĂM 2019

904 tỷ đồng



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DOANH THU

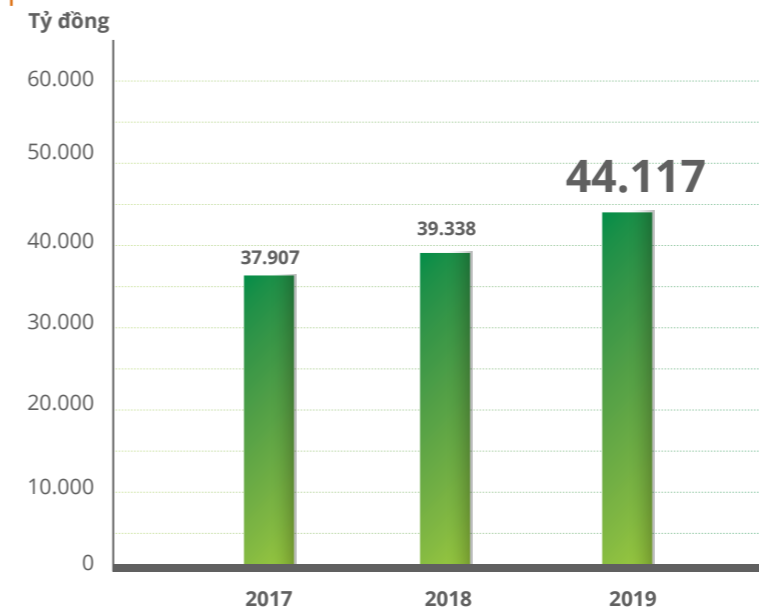
DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ HỢP NHẤT

44.117 tỷ đồng

GIA TĂNG

12,15%

so với cùng kỳ năm 2018



BIỂU ĐỒ DOANH THU DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ HỢP NHẤT CỦA EVNGENCO 3 GIAI ĐOẠN 2017-2019 (Tỷ đồng)

Năm 2019, Tổng Công ty ghi nhận 44.117 tỷ đồng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất, tăng 12.15% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng doanh thu hợp nhất năm 2019 đạt 44.600 tỷ đồng hoàn thành 101,8% KH và cao hơn 11,5% so với cùng kỳ năm 2018, cụ thể như sau:

STT	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2017 (tỷ đồng)	2018 (tỷ đồng)	2019 (tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
1	Doanh thu hợp nhất	37.907	39.338	44.117	12,15%
2	Doanh thu SXĐ của các nhà máy trực thuộc	34.432	37.044	40.649	9,73%
2.1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	17.589	18.556	19.911	7,30%
2.2	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.575	2.001	1.922	-3,95%
2.3	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	7.578	8.912	9.560	7,27%
2.4	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	6.691	7.575	9.256	22,19%
3	Các công ty con	3.215	1.853	3.087	66,57%
4	Doanh thu khác	261	441	381	-13,53%



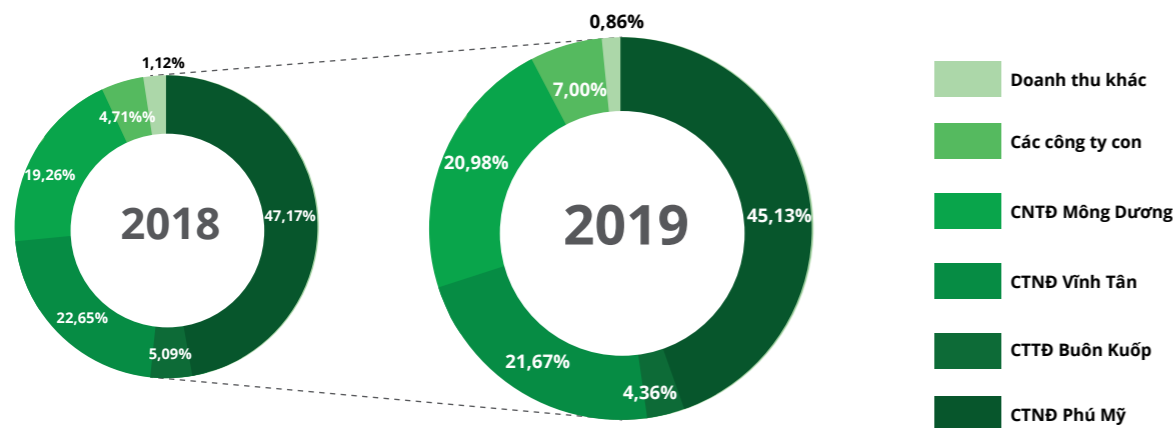
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019



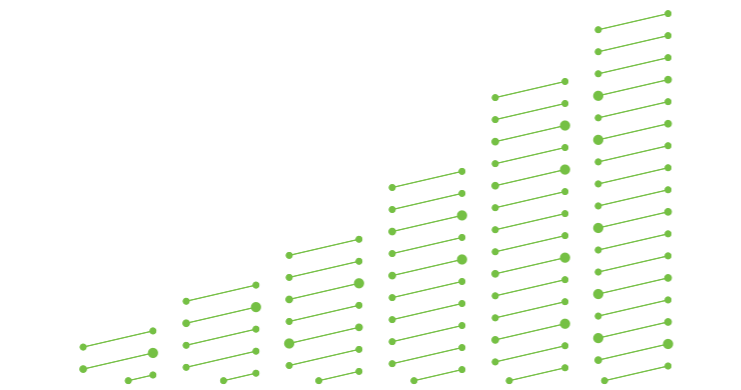
PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

Năm 2019, trước tình hình giá nhiên liệu khí tăng dẫn đến mức đóng góp vào doanh thu của CTNĐ Phú Mỹ đạt 19.911 tỷ đồng tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2018. Doanh thu Nhiệt điện Vĩnh Tân và Mông Dương lần lượt tăng 7,27% và 22,19% do hệ thống huy động cao sản lượng điện trong cao điểm mùa khô 2019.

Thủy điện Buôn Kuốp ghi nhận doanh thu thấp hơn năm 2018 do lưu lượng nước về thấp dẫn đến sản lượng giảm so với cùng kỳ năm 2018.



CƠ CẤU DOANH THU CỦA EVNGENCO3 NĂM 2018-2019



LỢI NHUẬN

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2018	TH 2019
Công ty mẹ				
1	Lợi nhuận sản xuất điện (Không bao gồm CLTG)	1.350	1.703	1.759
2	Lợi nhuận trước thuế	409	(519)	888
3	Lợi nhuận sau thuế		(628)	650
Hợp nhất				
4	Lợi nhuận sản xuất điện (Không bao gồm CLTG)	1.447	1.860	1.967
5	Lợi nhuận trước thuế	521	(417)	1.189
6	Lợi nhuận sau thuế		(565)	904

Lợi nhuận sản xuất điện của Công ty mẹ năm 2019 là 1.759 tỷ đồng, đạt 130,28% kế hoạch năm 2019 được ĐHĐCĐ thông qua và tăng 3,26% so với cùng kỳ năm 2018. Trong năm 2019, Công ty mẹ Tổng Công ty cũng ghi nhận sự tăng trưởng lợi nhuận trước thuế lên mức 888 tỷ đồng đạt 217,03% kế hoạch.

Tại kết quả SXKD hợp nhất của Tổng Công ty, lợi nhuận sản xuất điện hợp nhất của Tổng Công ty năm 2019 là 1.967 tỷ đồng, đạt 135,94% kế hoạch năm 2019 và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2018. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 1.189 tỷ đồng đạt 83,67% so với kế hoạch, tăng 385,1% so với cùng kỳ năm 2018.



PHÂN TÍCH CƠ CẤU TÀI SẢN NGUỒN VỐN

Tổng Công ty luôn tuân thủ 03 nguyên tắc trong quản trị tài chính:

1. Tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện
2. Không đầu tư vốn dàn trải
3. Ưu tiên sử dụng nguồn vốn dài hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh

Luôn thấu hiểu bản chất của hoạt động sản xuất điện là chi phí đầu tư tài sản cố định lớn, thời gian hoàn vốn dài do đó EVNGENCO 3 luôn ưu tiên sử dụng nguồn vốn dài hạn để tài trợ hoạt động kinh doanh.

ĐVT: Tỷ đồng

	2017	2018	2019
Tổng tài sản	81.385	77.446	74.979
Tài sản ngắn hạn	18.797	18.377	19.161
Tài sản dài hạn	62.589	59.069	55.818
Nợ phải trả	71.595	67.354	62.914
Nợ ngắn hạn	12.903	11.303	11.728
Nợ dài hạn	58.691	56.050	51.185
Vốn chủ sở hữu	9.790	10.093	12.065



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

CƠ CẤU TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng

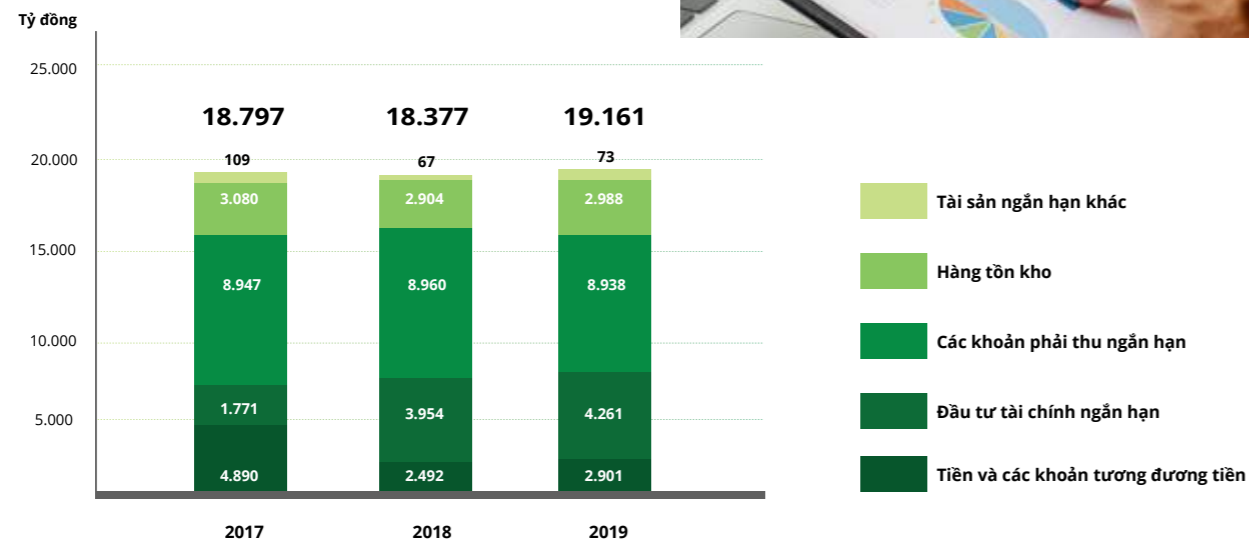
Năm	2017	2018	2019
Tài sản ngắn hạn	18.797	18.377	19.161
Tài sản dài hạn	62.589	59.069	55.818

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng tài sản của EVNGENCO 3 đạt 74.979 tỷ đồng, giảm 2.467 tỷ đồng tương đương 3,2% so với năm 2018 chủ yếu do trích khấu hao tài sản cố định hàng năm

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT
74.979 tỷ đồng

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN

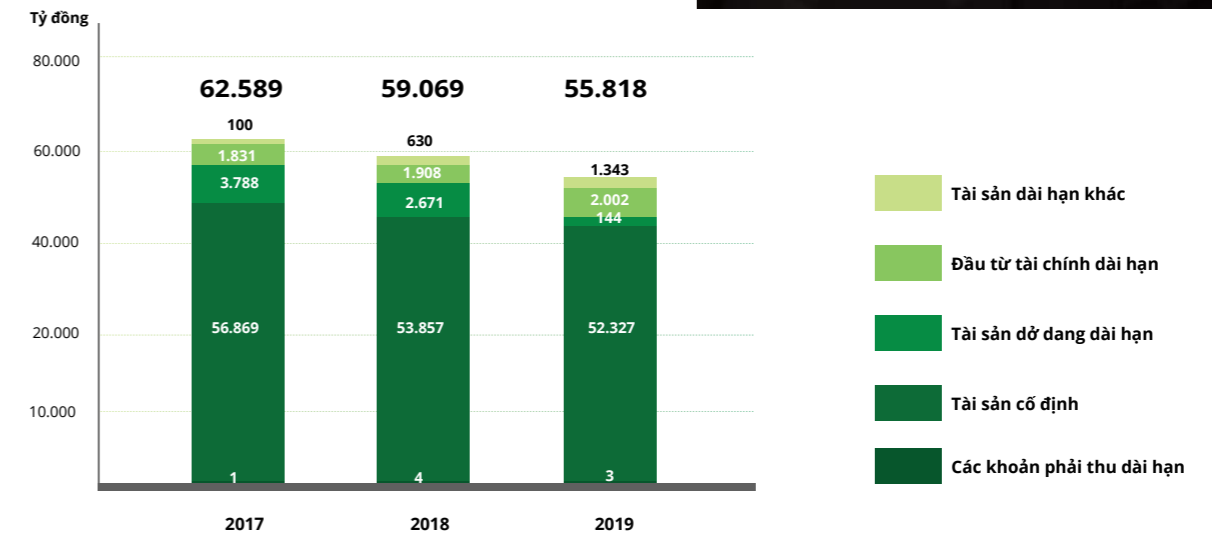
Cuối năm 2019, tài sản ngắn hạn của EVNGENCO 3 đạt 19.161 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 25,56% trong cơ cấu tổng tài sản) tăng 4,27% so với 2018. Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 7,77% là một dấu hiệu tốt thể hiện hiệu quả tận dụng nguồn lực trong quản trị tài chính, dòng tiền.



CƠ CẤU TSNH CỦA EVNGENCO 3

CƠ CẤU TÀI SẢN DÀI HẠN

Tài sản dài hạn đạt 55.818 tỷ đồng (chiếm 74,4% tổng cơ cấu), giảm 5,50% so với cùng kỳ năm 2018, tương đương mức giảm 3.251 tỷ đồng. Tài sản cố định, bao gồm các công trình nhiệt điện và thủy điện luôn là tài sản lớn nhất của Tổng Công ty với trên 93,8% tỷ trọng và tạo ra lợi nhuận hàng năm cho Tổng Công ty. Tài sản dở dang dài hạn đã giảm mạnh 94,7% trong năm 2019 do Tổng Công ty đã quyết toán hoàn thành các công trình dự án điện.

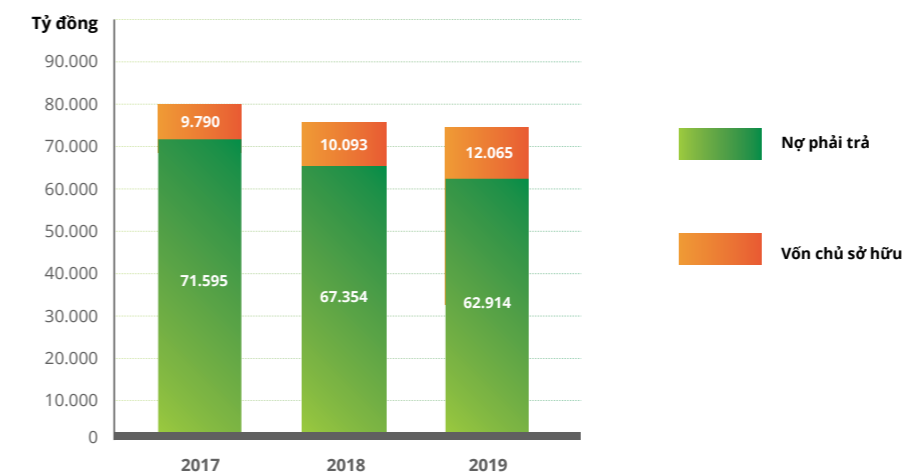


CƠ CẤU TSDH CỦA EVNGENCO 3

CƠ CẤU NGUỒN VỐN

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	2017	2018	2019
Nợ phải trả	71.595	67.354	62.914
Vốn chủ sở hữu	9.790	10.093	12.065



CƠ CẤU NGUỒN VỐN CỦA EVNGENCO 3



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

NỢ PHẢI TRẢ

Tính đến cuối năm 2019, nợ phải trả giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2018, chủ yếu tập trung tại nhóm nợ dài hạn với 51.185 tỷ đồng, chiếm 81,36% trong tổng nợ phải trả.

Nợ ngắn hạn đạt 11.728 tỷ đồng, chiếm 18,64% trong tổng nợ phải trả, tăng 425 tỷ đồng tương đương 3,7% so với cuối năm 2018.

NỢ NGẮN HẠN

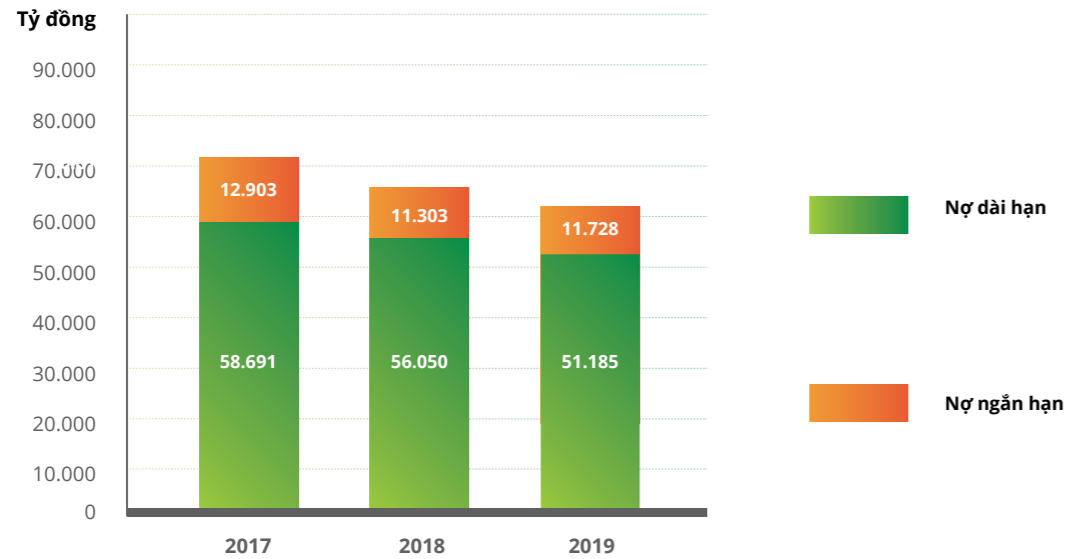
11.728 tỷ đồng

Tăng 3,7% so với năm 2018

NỢ DÀI HẠN

51.185 tỷ đồng

Giảm 6,6% so với năm 2018



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ CỦA EVNGENCO 3

VỐN CHỦ SỞ HỮU

ĐVT: Tỷ đồng

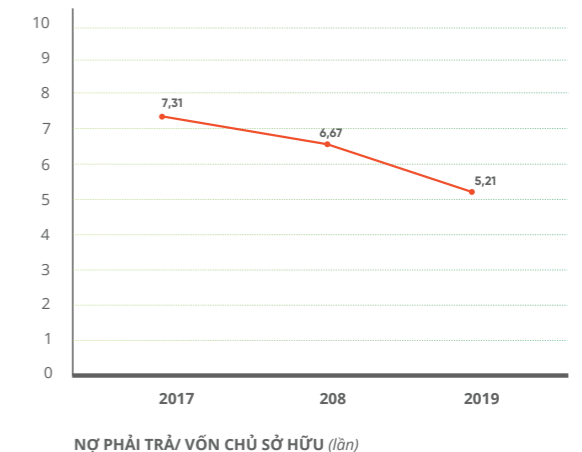
Năm	2017	2018	2019
Vốn góp của chủ sở hữu	10.562	67.354	10.700
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(2.449)	(1.098)	-
Các quỹ	796	511	576
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	881	(20)	789
Tổng cộng	9.790	10.093	12.065

Cuối năm 2019, tổng nguồn vốn chủ sở hữu của EVNGENCO 3 là 12.065 tỷ đồng, tăng 1.973 tỷ đồng chủ yếu do trong năm 2019, Tổng Công ty tập trung xử lý dứt điểm lỗ CLTG còn treo, đồng thời, LNST chưa phân phối ở mức 789 tỷ đồng so với mức -20 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.



NĂM	2017	2018	2019
Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu (lần)	7,31	6,67	5,21

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu EVNGENCO 3 liên tục giảm dần qua các năm và giảm mạnh năm 2019, còn 5,21 lần năm 2019 so với mức 7,31 lần năm 2017. Tổng Công ty có nguồn thu ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, Tổng Công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ trong năm và đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh hiệu quả. Trong năm 2019 Tổng Công ty tiếp tục tập trung tái cơ cấu và giảm hệ số nợ/VCSH.





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN LƯU CHUYỂN



Trong năm 2019, lưu chuyển tiền thuần của EVNGENCO 3 đạt 409 tỷ đồng. Các chỉ tiêu trọng yếu của dòng tiền được thể hiện cụ thể như sau:

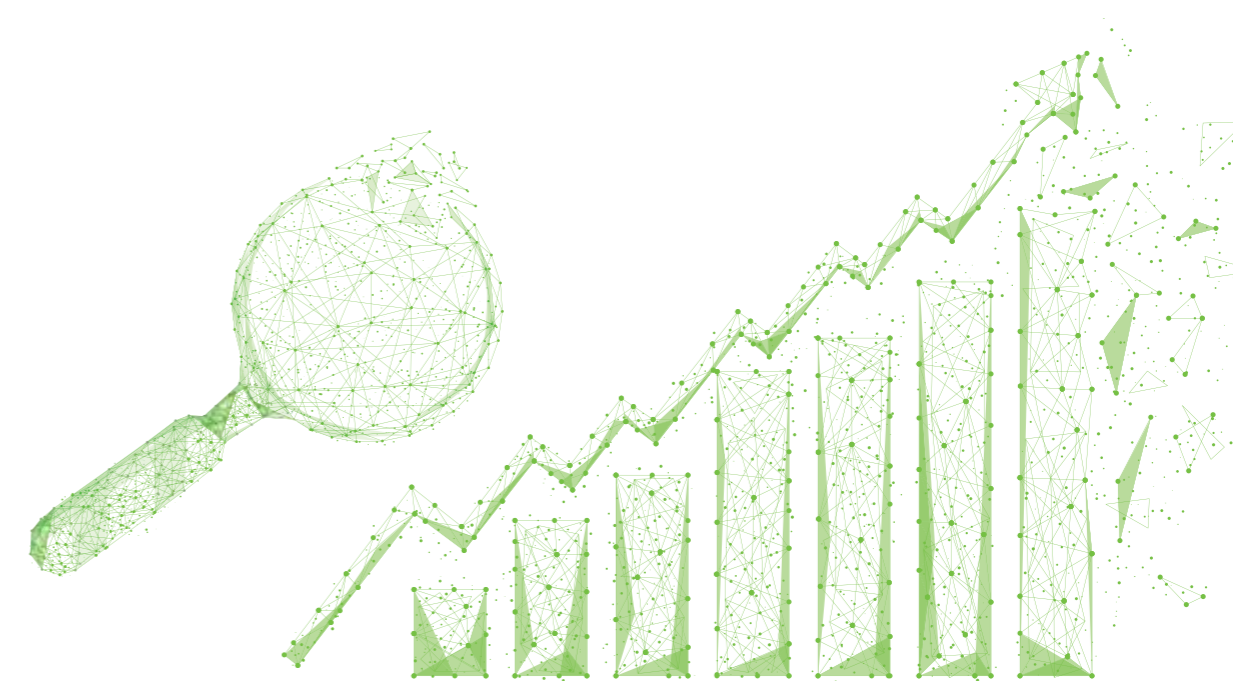
Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	2017	2018	2019
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	6,720	1,516	1,987
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1,927)	(4,389)	(1,067)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1,961)	475	(511)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	2,831	(2,397)	409
Tiền và tương đương tiền đầu năm	2,059	4,890	2,492
Tiền và tương đương tiền cuối năm	4,890	2,492	2,901

Hoạt động kinh doanh chính tiếp tục là động lực mang lại nguồn tiền chủ đạo cho EVNGENCO3 với 1.987 tỷ đồng trong năm 2019. Dòng tiền chi cho hoạt động đầu tư giảm so với năm 2018. Tương ứng, tiền và tương đương tiền cuối kỳ đạt 2.901 tỷ đồng, tăng 16,42% so với năm 2018 chủ yếu là do tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.



BẢNG PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đvt	2017	2018	2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,46	1,63	1,63
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,21	1,37	1,38
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,38	0,22	0,25
2. Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động				
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	75,47	78,43	74,04
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	33,24	31,74	27,49
Vòng quay tổng tài sản	lần	0,45	0,50	0,58
Vòng quay tài sản cố định	lần	0,64	0,71	0,77
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận gộp	%	11,36	12,54	11,36
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,10	-1,19	2,76
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD (đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)/DTT	%	4,20	5,39	4,96
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,84	-1,44	2,05
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,15	-6,31	7,99
Hệ số LNTT (đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)/Vốn Chủ sở hữu	%	17,78	21,49	17,92
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	0,38	-0,71	1,19

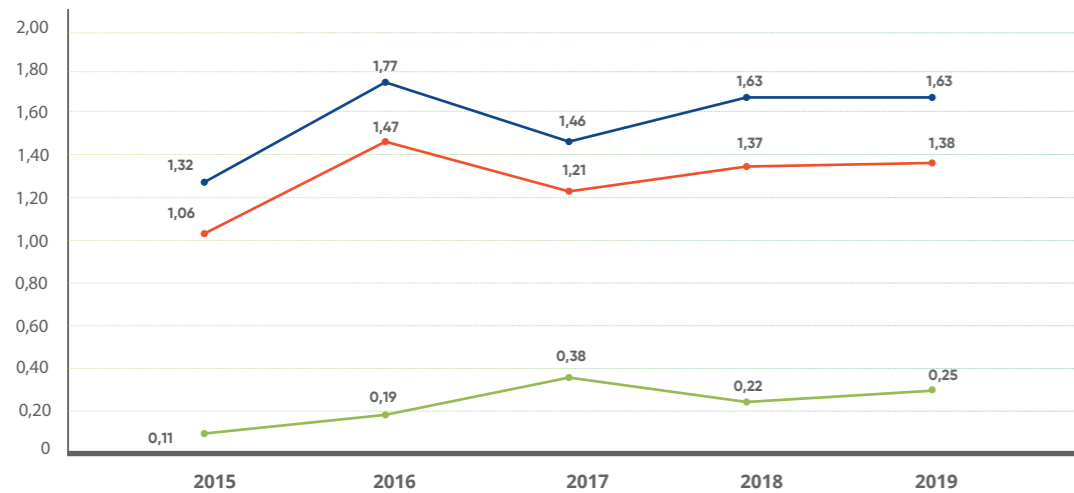




ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2019 của EVNGENCO 3 đều lớn hơn 1 lần, với các chỉ số thanh toán ngắn hạn là 1,63 lần, điều này cho thấy sự tích cực trong công tác quản lý dòng tiền khi giữ ở mức an toàn về thanh khoản. Hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán tiền mặt tăng nhẹ so với 2018 với chỉ số lần lượt đạt là 1,38 lần và 0,25 lần trong năm 2019.

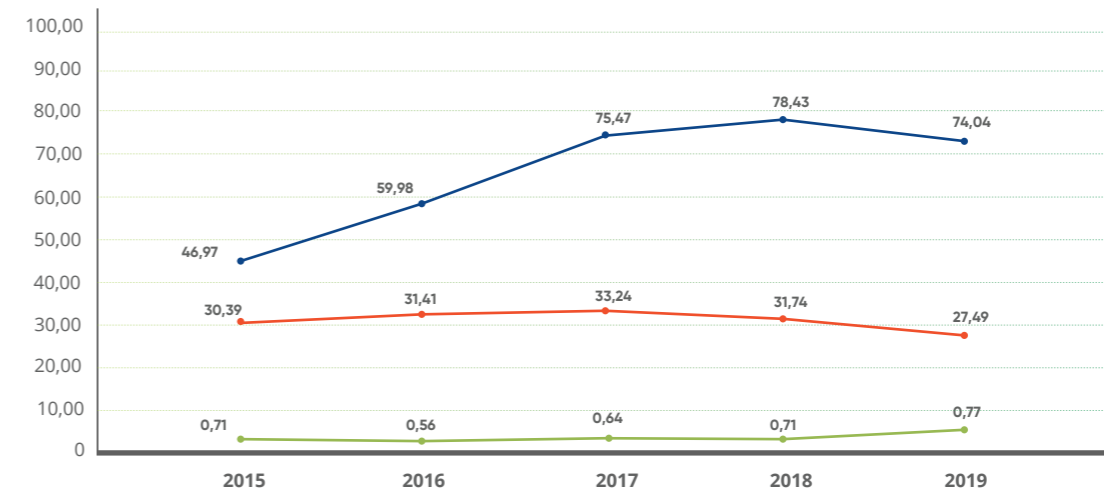


CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN CỦA EVNGENCO 3 GIAI ĐOẠN 2015 - 2019

- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)
- Hệ số thanh toán tiền mặt (lần)

CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nhìn chung các số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động đều tốt hơn so với năm 2018, cụ thể: Kỳ thu tiền bình quân giảm hơn 4 ngày cho thấy khả năng thu nợ của Tổng Công ty hiệu quả hơn năm 2018. Kỳ lưu kho bình quân giảm 4 ngày, khả năng thanh khoản hàng tồn đã được cải thiện tốt hơn. Hệ số vòng quay tổng tài sản và vòng quay tài sản cố định đều tăng cho thấy Tổng Công ty đang sử dụng tài sản hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Với đặc thù hoạt động kinh doanh có tính chất thâm dụng tài sản cố định lớn, EVNGENCO 3 luôn chú trọng đến việc quản trị chi phí hoạt động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của tài sản. Các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa máy móc luôn được EVNGENCO 3 chú trọng trong những năm qua.



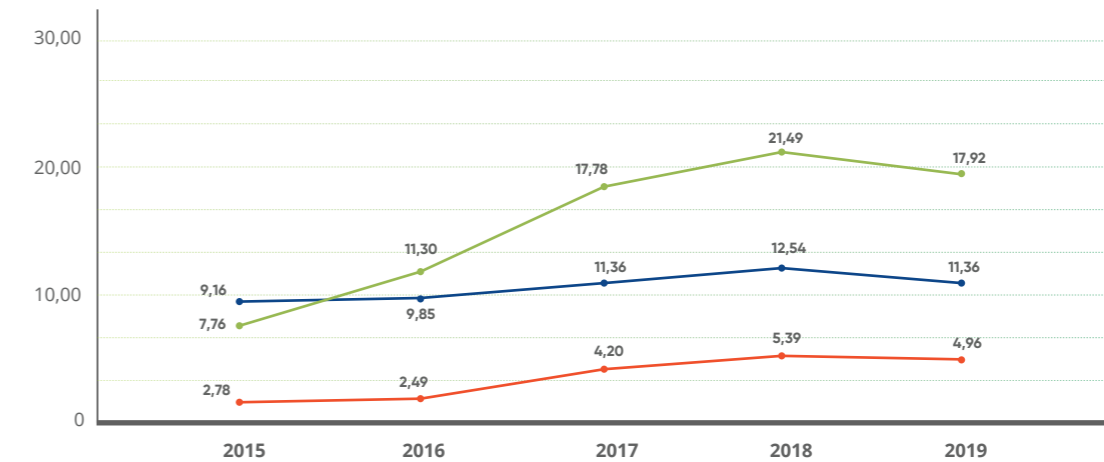
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA EVNGENCO 3 GIAI ĐOẠN 2015 - 2019

- Kỳ thu tiền bình quân (ngày)
- Kỳ lưu kho bình quân (ngày)
- Vòng quay tài sản cố định (lần)

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 1,18%; hệ số lợi nhuận từ HĐKD giảm nhẹ 0,43%; hệ số LNNT/VCSH cũng giảm 3,57% so với năm 2018 chủ yếu là do tỷ trọng giá vốn/doanh thu tăng.

Năm 2019 cho thấy EVNGENCO 3 đã thực hiện tái cơ cấu, tối ưu hiệu quả trong việc sử dụng tài sản và nguồn vốn của chủ sở hữu một cách hợp lý biểu hiện qua các hệ số ROE và ROA tăng mạnh so với 2018.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA EVNGENCO 3 GIAI ĐOẠN 2015 - 2019

- Hệ số lợi nhuận gộp (%)
- Hệ số LNNT (đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)/Vốn Chủ sở hữu (%)
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD (đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)/DTT (%)

KẾT LUẬN CHUNG

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của EVNGENCO 3 đã ghi nhận một năm thành công, ngoài việc cải thiện đáng kể hệ số nợ, xử lý hết lỗ chênh lệch tỷ giá còn treo, EVNGENCO 3 còn duy trì được đà tăng trưởng về nhiều mặt từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng sinh lời cho đến hiệu quả sử dụng tài sản - nguồn vốn của chủ sở hữu.



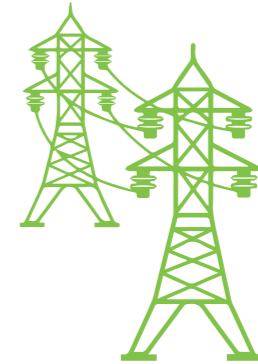
MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2020



Tiếp tục bổ sung than pha trộn và nhập khẩu than đảm bảo sản xuất điện.



Thực hiện **18** CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN CÁC TỔ MÁY



Triển khai đấu thầu, đàm phán và ký Hợp đồng mua khí sau tái hóa LNG cung cấp cho các NMD Phú Mỹ để bổ sung cho lượng khí thiên nhiên suy giảm.



Tập trung xây dựng phương án chi tiết và triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu nâng cao năng lực tài chính của EVNGENCO 3



Xúc tiến đầu tư Dự án TTĐL Long Sơn và các dự án điện mặt trời





MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2020

SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT CÔNG TY MẸ

32.616

triệu kWh

tăng 676 triệu kWh so với thực hiện năm 2019

ĐVT: triệu kWh

Stt	Đơn vị phát điện	TH 2019	KH 2020	So Sánh
		(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
I	Công ty mẹ	31.940	32.616	102,11
1	Công ty NĐ Phú Mỹ	15.280	15.187	99,39
2	Công ty TĐ Buôn Kuốp	2.408	2.398	99,58
3	Công ty NĐ Vĩnh Tân	7.203	7.984	110,84
3.1	NMĐ Vĩnh Tân 2	7.184	7.964	110,86
3.2	ĐMT Vĩnh Tân 2	19	20	105,26
4	Công ty NĐ Mông Dương	7.050	7.047	99,96
II	Công ty con (*)	1.487	1.510	101,55
1	NĐ Bà Rịa	841	892	106,03
2	NĐ Ninh Bình	645	618	95,71
III	Công ty liên kết (**)	1.198	1.237	103,23
1	TĐ Vĩnh Sơn - Sông Hinh	494	564	114,22
2	TĐ Thác Bà	320	256	80,20
3	TĐ Sê San 3A	384	416	108,28
IV	Tổng Công ty	34.625	35.362	102,13

Ghi chú: (*) và (**) Sản lượng điện Công ty con và Công ty liên kết căn cứ Quyết định 3733/QĐ-BCT ngày 16/12/2019 của Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2020



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020(*)
Doanh thu		
Tổng Công ty	Tỷ đồng	44.744
Công ty mẹ	Tỷ đồng	41.970
Lợi nhuận trước thuế		
Tổng Công ty	Tỷ đồng	1.457
Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.299

(*) Kế hoạch SXKD và chia cổ tức năm 2020 sẽ được ĐHCĐ thường niên năm 2020 quyết định



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

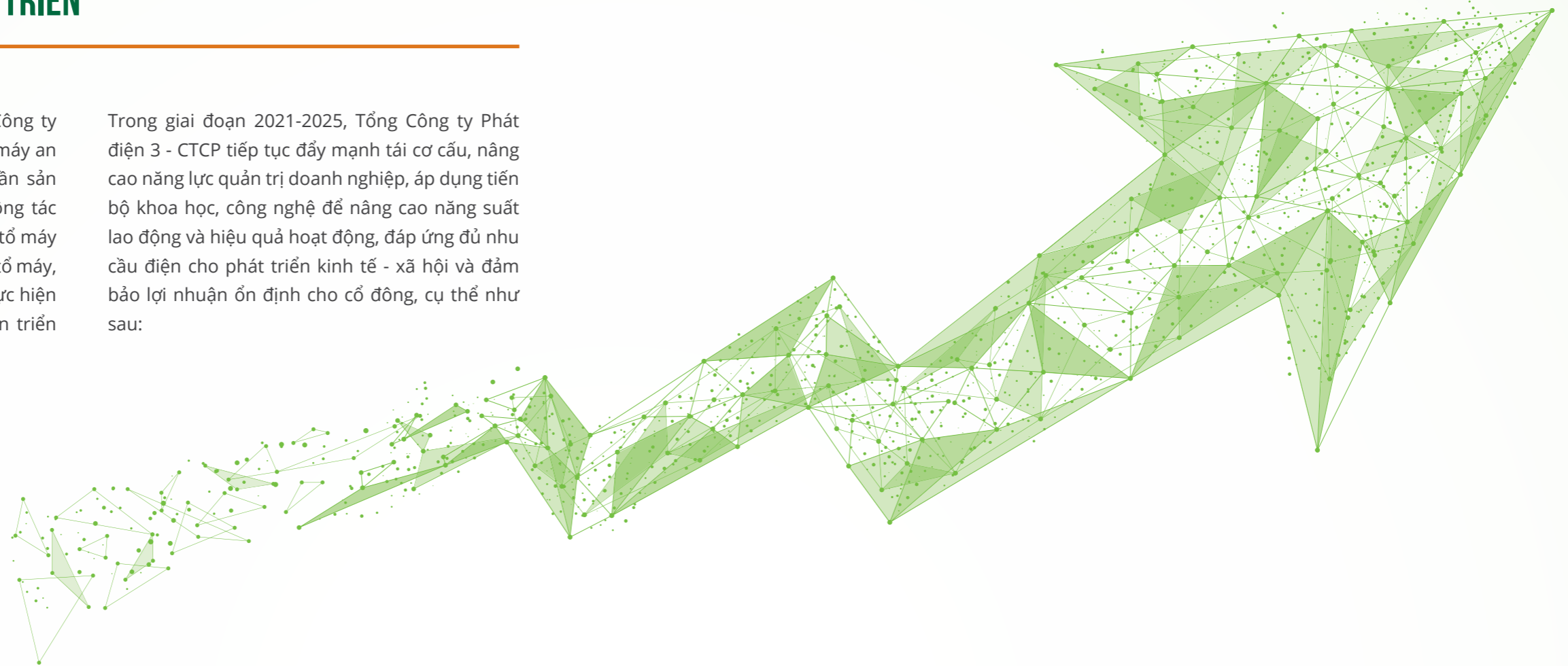
TT	GENCO3 làm chủ đầu tư	KH 2020 (tỷ đồng)
1	Tổng cộng	5.696.184
1.1	Trả nợ gốc, lãi vay	5.313.660
1.2	Đầu tư thuần	382.524



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Nhìn lại chặng đường 2016-2020, Tổng Công ty Phát điện 3 đã đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục, kinh tế, đóng góp một phần sản lượng lớn cho hệ thống, thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn các tổ máy với khối lượng rất lớn các công trình chính tổ máy, hầu hết đều đạt tiến độ và chất lượng. Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư xây dựng, các dự án triển khai cơ bản đạt tiến độ và chất lượng.

Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động, đáp ứng đủ nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo lợi nhuận ổn định cho cổ đông, cụ thể như sau:



SẢN XUẤT ĐIỆN

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đảm bảo các nhà máy điện vận hành an toàn, tin cậy, ổn định.

Triển khai nhập khẩu than và LNG sau tái hóa khí để bổ sung khối lượng thiếu hụt trong ngắn và dài hạn, đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất điện

Thực hiện công tác sửa chữa các tổ máy đảm bảo chất lượng, tiến độ, tối ưu hóa chi phí.

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước của các hồ thủy điện để phát điện trong mùa khô và cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp tại các địa phương, vận hành bám qui trình hồ chứa và liên hồ được phê duyệt. Phối hợp tốt với các địa phương để điều tiết nước, xả lũ đúng quy định.

ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG

Tiếp tục triển khai thực hiện quyết toán các dự án đảm bảo tiến độ.

Nghiên cứu xúc tiến và triển khai đầu tư các dự án Điện mặt trời, NMNĐ Khí LNG tại Trung tâm Điện lực Long Sơn.

QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Duy trì vận hành tin cậy, ổn định các hệ thống xử lý môi trường, thiết bị quan trắc, giám sát môi trường online (khí thải, nước thải và nước làm mát) đã được trang bị đồng bộ tại các nhà máy điện. Đảm bảo công tác quản lý môi trường chặt chẽ và xuyên suốt, tổ chức giám sát, phân tích và báo cáo định kỳ theo đúng quy định.

Đảm bảo hệ thống quan trắc môi trường online và truyền số liệu về Sở TN&MT địa phương hoạt động thông suốt.

Tiếp tục tìm kiếm đối tác có đủ năng lực trong việc tiêu thụ tro, xỉ của NMNĐ Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1 với khối lượng lớn, ổn định và lâu dài.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Triển khai tái cơ cấu, nâng cao năng lực tài chính của EVNGENCO 3 theo phương án được duyệt.

Tiếp tục nâng cao công tác quản trị, tập trung giữ ổn định hoạt động của các đơn vị thành viên, tuân thủ Điều lệ, các QCQLNB của EVNGENCO 3.

Tiếp tục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của EVNGENCO 3; tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nâng cao NSLĐ, đảm bảo việc làm và thu nhập cho NLĐ trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả SXKD.

Tiếp tục phối hợp với công đoàn tăng cường thực hiện công tác ATVSLĐ; chăm lo cho CB-CNV bằng những hoạt động thiết thực, hiệu quả.

04



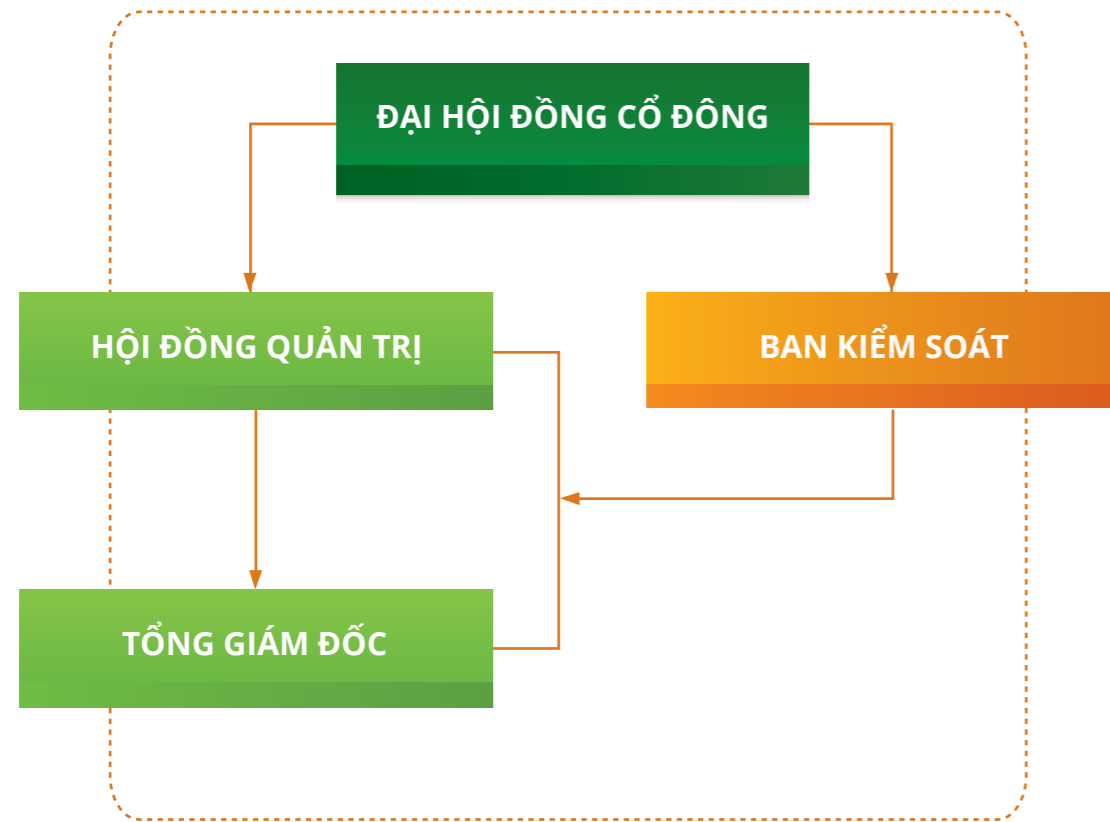
QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Mô hình Quản trị Tổng Công Ty	86
Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019	90
Thông tin và hoạt động của Hội đồng Quản trị	92
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị năm 2020	104
Ban Kiểm soát	108
Quản trị rủi ro	114
Quan hệ Nhà đầu tư	120



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Nhằm đảm bảo cho Tổng Công ty được đặt dưới sự quản lý và điều hành của một bộ máy có cơ cấu, tổ chức chặt chẽ, dễ dàng trong việc quản lý theo chức năng, EVNGENCO 3 đã nhất quán mô hình quản trị theo sơ đồ sau:



CƠ CẤU QUẢN TRỊ

Đại hội Cổ đông là gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông ra quyết định trên cơ sở biểu quyết hoặc thực hiện thông qua lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét các quyết định những vấn đề chủ yếu và quan trọng của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám Đốc phụ trách điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty. Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội Cổ đông. Quyết định của hội được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông về những sai phạm trong quản lý gây thiệt hại cho công ty.

Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY



NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ

Hợp tác tích cực giữa doanh nghiệp và các bên có quyền lợi liên quan góp phần giúp doanh nghiệp phát triển bền vững và nâng cao giá trị doanh nghiệp trong trung và dài hạn.

Tích cực giám sát hiệu quả công tác quản lý, hệ thống quản trị rủi ro nhằm đem lại lợi nhuận thỏa đáng cho cổ đông



Đối xử bình đẳng với cổ đông đảm bảo tính công bằng

Công bố thông tin phù hợp, tuân thủ theo pháp luật và các quy định liên quan chính xác, kịp thời và minh bạch

Nghiêm túc tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội.



CÁC QUY CHẾ QUẢN TRỊ

Các văn bản cùng với Điều lệ công ty sẽ tạo ra một hệ thống quản trị đồng bộ nhất quán, quy định nội bộ chặt chẽ. Vì vậy, Tổng Công ty đã soạn thảo bộ quy chế quản trị doanh nghiệp bao gồm:

- 01 Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP
- 02 Phân công nhiệm vụ trong HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP
- 03 Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP
- 04 Quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP
- 05 Quy định về phân cấp của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP



CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Mọi hoạt động quản trị và điều hành Công ty đều nằm dưới sự chỉ đạo và giám sát chặt chẽ của Hội đồng Quản trị. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ. Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình tài chính, tình hình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động Công ty đều được Ban Tổng Giám đốc báo cáo ngay cho Hội đồng Quản trị nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời chỉ đạo khi cần thiết.

Hội đồng Quản trị tham gia vào các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc và các đối tác có liên quan khi gặp phải các vấn đề quan trọng.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng Cổ đông bầu, hoạt động theo Điều lệ và các quy chế, quy định của Tổng Công ty, quản trị Tổng Công ty - CTCP thông qua các nghị quyết, quyết định, chỉ thị và chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện. Hội đồng Quản trị làm việc theo quy chế làm việc của Hội đồng Quản trị và theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo & cá nhân phụ trách, trong đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện việc phân công cho từng thành viên Hội đồng Quản trị phụ trách và chỉ đạo trực tiếp các nội dung được phân công.

Hội đồng Quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và có đủ thời gian thảo luận để quyết định.

Các thành viên Hội đồng Quản trị đều tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp bận đi công tác đột xuất (khi không thể tham dự được thì đều ủy quyền cho người khác tham dự để nắm tình hình cho ý kiến, biểu quyết bằng phiếu lấy ý

kiến); nội dung các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản được các thành viên Hội đồng Quản trị nghiên cứu sâu về vấn đề được phân công, thảo luận cụ thể để thống nhất trước khi biểu quyết. Các nghị quyết, quyết định có sự đồng thuận cao và được Tổng Công ty, các đơn vị nghiêm túc thực hiện.

Hội đồng Quản trị thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các quy chế, quy định quản lý nội bộ. Chỉ đạo xây dựng, ban hành Chương trình làm việc của Hội đồng Quản trị năm 2019 và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện; chỉ đạo xây dựng, ban hành các QCQLNB phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm của Công ty cổ phần. Trong năm 2019 đã ban hành toàn bộ các QCQLNB của Tổng Công ty, trong đó ban hành quy định phân cấp của Hội đồng Quản trị trên nguyên tắc các nội dung liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, định mức, đấu thầu, đầu tư - xây dựng và một số nội dung trọng yếu khác thì Hội đồng Quản trị sẽ kiểm soát chặt chẽ đảm bảo hiệu quả cao nhất cho hoạt động của CTCP.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 10 phiên họp và tổ chức nhiều đợt lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành 134 nghị quyết và 45 quyết định trên cơ sở tập trung dân chủ để thảo luận, thống nhất các nội dung có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty về các lĩnh vực:

- ▶ Về kế hoạch sản xuất điện: Với mục tiêu đảm bảo công tác sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế, hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững, trong năm 2019 Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019. Đặc biệt là công tác đảm bảo nhiên liệu than, khí cho các nhà máy điện thuộc Tổng Công ty.
- ▶ Công tác tổ chức bộ máy, nhân sự: Ổn định tổ chức nhân sự và hoạt động của

CTCP, triển khai công tác cán bộ chặt chẽ và phù hợp với thực tế (trong năm đã luân chuyển/điều động 04 lượt cán bộ, bổ nhiệm/bổ nhiệm lại cán bộ và cử/cử lại NĐD/KSV 09 lượt người). Đặc biệt là việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Người đứng đầu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nghỉ chế độ) kịp thời, đã góp phần quan trọng, tạo sự thống nhất, đoàn kết chặt chẽ, là tiền đề vững chắc để Tổng Công ty thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong thời gian tới.

- ▶ Triển khai công tác chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty tại các CTCP và công tác tái cơ cấu nhằm lành mạnh hóa tài chính để đảm bảo vốn cho công tác đầu tư xây dựng nguồn điện mới.
- ▶ Và các nội dung khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Tổng Công ty.





THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
I. NGHỊ QUYẾT			
1	04/NQ-GENCO3	05/01/2019	Nghị quyết: v/v thông qua mẫu dấu của Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần sau khi trụ sở Văn phòng Tổng Công ty chuyển về TP. Hồ Chí Minh
2	10/NQ-GENCO3	11/01/2019	Nghị quyết: v/v gia hạn thời gian áp dụng mức phân cấp Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
3	13/NQ-HĐQT	11/01/2019	Nghị quyết Thông qua kế hoạch đàm phán trực tiếp mua than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 Quý I-2019.
4	19/NQ-HĐQT	18/01/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 Hợp đồng mua bán điện số 01/2016/HĐ-NMĐ-MD1 của NMĐ Mông Dương 1
5	20/NQ-HĐQT	18/01/2019	Nghị quyết: về việc triển khai hạng mục bãi chứa chất nạo vét Dự án Cảng nhập than TTĐL Vĩnh Tân
6	26/NQ-HĐQT	31/01/2019	Nghị quyết: v/v thông qua dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua than nhập khẩu phục vụ sản xuất cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019
7	27/NQ-HĐQT	01/02/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt huy động vốn vay vốn thương mại tài trợ dự án NMĐMT Vĩnh Tân 2
8	35/NQ-GENCO3	15/02/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng mua bán điện các Nhà máy điện trực thuộc EVNGENCO 3
9	37/NQ-HĐQT	18/02/2019	Nghị quyết: v/v thông qua Hồ sơ mời thầu gói thầu "Cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất điện cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019"
10	46/NQ-HĐQT	26/02/2019	Nghị quyết: v/v thông qua các nội dung theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị
11	49/NQ-HĐQT	28/02/2019	Nghị quyết: v/v thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà
12	52/NQ-HĐQT	28/02/2019	Nghị quyết: v/v thông qua quyết toán quỹ lương SXKD điện năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
13	57/NQ-HĐQT	14/03/2019	Nghị quyết: về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm toán của Tổng Công ty Phát điện 3 (giai đoạn 01/10/2018 - 31/12/2018)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
14	104/NQ-HĐQT	14/03/2019	Nghị quyết: v/v ký hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Công ty tài chính cổ phần Điện lực
15	65/NQ-HĐQT	18/03/2019	Nghị quyết: v/v thông qua dự toán sửa chữa lớn năm 2019 - Công trình đại tu tổ máy S1 của Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
16	67/NQ-HĐQT	19/03/2019	Nghị quyết: v/v thông qua quyết toán quỹ tiền lương SXKD điện năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
17	70/NQ-GENCO3	19/03/2019	Nghị quyết: v/v thông qua Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 Hợp đồng mua bán điện số 01/2016/HĐ-NMĐ-MD1 của NMĐ Mông Dương 1
18	71/NQ-HĐQT	20/03/2019	Nghị quyết: về việc ủy quyền tham dự thầu gói thầu "SCTX thiết bị Nhà máy giai đoạn 2019 - 2023" tại CTCP Nhiệt điện Phả Lại
19	73/NQ-HĐQT	20/03/2019	Nghị quyết: v/v thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của công ty EPS, NMNĐ Vĩnh Tân 4 và NMNĐ Thái Bình
20	78/NQ-HĐQT	25/03/2019	Nghị quyết: về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: "Cung cấp than Sub Bitum nhập khẩu phục vụ sản xuất điện NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019"
21	80/NQ-HĐQT	25/03/2019	Nghị quyết thông qua việc tạm giao nhiệm vụ chuẩn bị sản xuất và quản lý vận hành, sửa chữa NMĐ Mặt trời Vĩnh Tân 2
22	84/NQ-HĐQT	27/03/2019	Nghị quyết: về việc chấm dứt hoạt động Công ty Nhiệt điện Thái Bình - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
23	86/NQ-HĐQT	27/03/2019	Nghị quyết: về việc tuyển dụng lao động thay thế của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
24	88/NQ-HĐQT	27/03/2019	Nghị quyết: v/v phê duyệt kế hoạch kiểm toán giám sát năm 2019 trong Tổng Công ty Phát điện 3
25	91/NQ-HĐQT	29/03/2019	Nghị quyết: v/v tạm duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện 3 tháng cuối năm 2018 của Tổng Công ty Phát điện 3
26	94/NQ-HĐQT	29/03/2019	Nghị quyết: v/v phê duyệt phân phối tiền lương cho các đơn vị trực thuộc năm 2018
27	99/NQ-HĐQT	01/04/2019	Nghị quyết: v/v thông qua tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính - đầu tư xây dựng năm 2019 cho các đơn vị
28	108/NQ-HĐQT	03/04/2019	Nghị quyết: v/v thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông EVNGENCO3; Quy định chi trả tiền lương trong cơ quan EVNGENCO3 (ban hành tạm)
29	109/NQ-HĐQT	03/04/2019	Nghị quyết: v/v thông qua Quy định quản lý vật tư trong EVNGENCO3; Quy định làm việc của Cơ quan EVNGENCO3



THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
30	114/NQ-HĐQT	04/04/2019	Nghị quyết: v/v thông qua Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07 Hợp đồng mua bán điện số 01/2015/HĐ-NMĐ-VT2 của NMĐ Vĩnh Tân 2
31	116/NQ-HĐQT	04/04/2019	Nghị quyết v/v họp HĐQT lần 1/2019 và thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
32	121/NQ-HĐQT	08/04/2019	Nghị quyết: v/v thông qua chương trình làm việc năm 2019 của Hội đồng quản trị
33	123/NQ-HĐQT	08/04/2019	Nghị quyết: về việc hiệu chỉnh Hồ sơ mời thầu gói thầu "Cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019"
34	126/NQ-HĐQT	09/04/2019	Nghị quyết: v/v thông qua phương án Chuẩn bị sản xuất NMĐ mặt trời Vĩnh Tân 2
35	134/NQ-HĐQT	18/04/2019	Nghị quyết: Về phương án nhân sự kiêm nhiệm Giám đốc Ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình thuộc EVNGENCO 3
36	132/NQ-HĐQT	19/04/2019	Nghị quyết: v/v quyết toán quỹ tiền lương làm thêm giờ và ca đêm SXKD điện thực hiện 3 tháng cuối năm 2018 của Tổng Công ty Phát điện 3
37	140/NQ-HĐQT	23/04/2019	Nghị quyết: v/v thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của CTCP Nhiệt điện Bà Rịa
38	143/NQ-HĐQT	23/04/2019	Nghị quyết: v/v giải quyết Tờ trình 1209/TTr-GENCO3 ngày 12/4/2019 (V/v cung cấp than Sub Bitum nhập khẩu phục vụ sản xuất điện NMNĐ Vĩnh Tân năm 2019)
39	149/NQ-HĐQT	24/04/2019	Nghị quyết: về việc thông qua nội dung chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
40	157/NQ-HĐQT	26/04/2019	Nghị quyết: v/v thông qua Dự thảo Hợp đồng mua bán điện của Nhà máy điện Mặt trời Vĩnh Tân 2
41	155/NQ-HĐQT	02/05/2019	Nghị quyết: v/v ký Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Công ty tài chính cổ phần Điện lực
42	159/NQ-HĐQT	06/05/2019	Nghị quyết: v/v thông qua quyết toán Công trình đại tu tổ máy S2 Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân năm 2018
43	161/NQ-HĐQT	06/05/2019	Nghị quyết: v/v thông qua tạm giao quỹ tiền lương năm 2019 cho các đơn vị trực thuộc
44	163/NQ-HĐQT	06/05/2019	Nghị quyết: v/v phương án nhân sự Kiểm soát viên tại các công ty cổ phần

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
45	173/NQ-HĐQT	10/05/2019	Nghị quyết về việc thông qua quy định phân cấp của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
46	177/NQ-HĐQT	13/05/2019	Nghị quyết: v/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ/Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
47	182/NQ-HĐQT	14/5/2019	Nghị quyết: Về việc thông qua Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 14 Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-PM của các NMĐ Phú Mỹ về quy định thanh toán tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
48	179/NQ-HĐQT	14/05/2019	Nghị quyết: v/v thông qua các quy chế QLNB của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (1)
49	188/NQ-HĐQT	16/05/2019	Nghị quyết Về việc thông qua các quy chế QLNB của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (2)
50	196/NQ-HĐQT	21/05/2019	Nghị quyết: v/v thông qua kết quả đánh giá HSĐXKT Gói thầu: "Cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất điện cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019"
51	207/NQ-HĐQT	27/05/2019	Nghị Quyết: về việc thông qua Phương án kỹ thuật sửa chữa lớn năm 2019 - Công trình trung tu tổ máy GT21 -NMĐ Phú Mỹ 2.1 (hiệu chỉnh)
52	209/NQ-HĐQT	28/05/2019	Nghị quyết về việc thông qua danh sách xếp hạng nhà thầu - Gói thầu: "cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất điện cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019"
53	214/NQ-HĐQT	29/05/2019	Nghị Quyết Về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
54	216/NQ-HĐQT	30/05/2019	Nghị quyết Về việc thông qua tạm giao kế hoạch chi phí năm 2019 cho các đơn vị
55	217/NQ-HĐQT	03/06/2019	Nghị quyết: về việc thông qua phương án hỗ trợ Công ty CPTĐ Vĩnh Sơn - Sông Hinh
56	220/NQ-HĐQT	03/06/2019	Nghị quyết: về việc thông qua chủ trương về huy động vốn còn lại cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum
57	225/NQ-HĐQT	07/06/2019	Nghị Quyết: Về việc thông qua quyết toán Công trình đại tu tổ máy tuabin khí GT12 Phú Mỹ 1 năm 2018 (chuyển tiếp năm 2019)
58	227/NQ-HĐQT	10/06/2019	Nghị quyết: v/v thông qua các quy chế QLNB của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (3)
59	228/NQ-HĐQT	07/06/2019	Nghị quyết: Về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Điện Sê San 3A
60	229/NQ-HĐQT	11/06/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng mua bán điện của các NMĐ Phú Mỹ, Buôn Kuốp, Vĩnh Tân 2



THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
61	233/NQ-HĐQT	14/06/2019	Nghị quyết: về việc thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
62	235/NQ-HĐQT	14/06/2019	Nghị quyết: v/v phê duyệt thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: "Cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất điện cho NMTĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019"
63	239/NQ-HĐQT	16/05/2019	Nghị quyết: về việc phương án điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ
64	241/NQ-HĐQT	25/06/2019	Nghị quyết: về việc ký Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN 02 - TP. Hồ Chí Minh
65	244/NQ-HĐQT	25/06/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Dự thảo Hợp đồng thế chấp tài sản Dự án Thủy điện Srêpôk 3
66	248/NQ-HĐQT	26/06/2019	Nghị quyết về việc thông qua Dự thảo Hợp đồng thế chấp tài sản Dự án NMTĐ Mông Dương 1
67	249/NQ-HĐQT	26/06/2019	Nghị quyết: Về việc thông qua sửa đổi nội dung Điều lệ CTCP Nhiệt điện Bà Rịa
68	2140/NQ-ĐHĐCĐ	27/06/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
69	253/NQ-HĐQT	05/07/2019	Nghị quyết: về việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành các Nghị quyết liên quan đến hợp đồng tiền gửi
70	254/NQ-HĐQT	05/07/2019	Nghị quyết: v/v ký Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh 2 - TP. Hồ Chí Minh
71	256/NQ-HĐQT	05/07/2019	Nghị quyết v/v thông qua hồ sơ bổ nhiệm trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt bổ nhiệm lại Giám đốc CTTĐ Buôn Kuốp
72	261/NQ-HĐQT	15/07/2019	Nghị quyết: v/v thông qua KHLCNT - Gói thầu dịch vụ tư vấn khảo sát, đánh giá ổn định thấm và kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước thủy điện Buôn Kuốp
73	263/NQ-HĐQT	18/07/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Phương án kỹ thuật sửa chữa lớn năm 2020 - Đại tu tổ máy Tuabin khí GT24-NMĐ Phú Mỹ 2.1 MR
74	269/NQ-HĐQT	25/07/2019	Nghị quyết: v/v thông qua nội dung trình cấp có thẩm quyền về phương án lựa chọn nhà thầu cung cấp vật tư, dịch vụ phục hồi và dịch vụ kỹ thuật phục vụ sửa chữa các tổ máy thuộc NMTĐ PM2.1 & PM4

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
75	274/NQ-HĐQT	25/07/2019	Nghị quyết: về việc thông qua phương án hỗ trợ CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
76	271/NQ-HĐQT	25/07/2019	Nghị quyết: v/v thông qua KHLCNT Gói thầu: Đánh giá hệ thống an ninh bảo mật và dò quét điểm yếu về an toàn thông tin của hệ thống CNTT tại cơ quan Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc
77	275/NQ-HĐQT	29/07/2019	Nghị quyết: về việc ký hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với các Ngân hàng
78	277/NQ-HĐQT	30/07/2019	Nghị quyết: về việc thông qua chủ trương góp vốn và thỏa thuận hợp tác để đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thác Bà 2
79	280/NQ-HĐQT	31/07/2019	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm lại Phó Giám đốc CTTĐ Buôn Kuốp
80	284/NQ-HĐQT	08/08/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Phương án kỹ thuật sửa chữa lớn năm 2020 các Tổ máy thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
81	287/NQ-HĐQT	12/08/2019	Nghị quyết: về việc bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
82	290/NQ-HĐQT	19/08/2019	Nghị quyết về việc chi trả tiền lương, thù lao còn lại, tiền thưởng cho Người đại diện, Thành viên Ban Kiểm soát
83	292/NQ-HĐQT	19/08/2019	Nghị Quyết về việc thông qua Phương án kỹ thuật trung tu Tổ máy S2- Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 năm 2020
84	300/NQ-HĐQT	29/08/2019	Nghị quyết: Về việc thông qua tổ chức các Đoàn công tác của EVNGENCO 3 tìm hiểu nguồn than Anthracite nhập khẩu
85	298/NQ-HĐQT	28/08/2019	Nghị quyết: Về việc thông qua dự toán đại tu Tổ máy Tuabin khí GT24 - NMĐ Phú Mỹ 2.1 MR năm 2020
86	305/NQ-HĐQT	04/09/2019	Nghị quyết: Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật SCL hệ thống thiết bị, công trình chính Công ty Thủy điện Buôn Kuốp năm 2020
87	307/NQ-HĐQT	05/09/2019	Nghị quyết: về việc ban hành chương trình triển khai thực hiện các kiến nghị sau Giám sát tài chính năm 2018 của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
88	311/NQ-HĐQT	06/09/2019	Nghị quyết: về việc ký kết Phụ lục chuyển đổi chủ thể Itochu Corporation (ITC) sang Itochu Plantech Inc (ITP) của Hợp đồng dài hạn số 11-05/EVN-ITC&MHI/PHUMY
89	315/NQ-HĐQT	15/09/2019	Nghị quyết: Về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi tài trợ cho dự án Thủy điện Thượng Kon Tum của Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
90	318/NQ-HĐQT	17/09/2019	Nghị quyết: về việc bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
91	305/NQ-HĐQT	04/09/2019	Nghị quyết: Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật SCL hệ thống thiết bị, công trình chính Công ty Thủy điện Buôn Kuốp năm 2020



THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
92	319/NQ-HĐQT	16/09/2019	Nghị quyết: về việc ký Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Công ty Tài chính CP Điện Lực
93	321/NQ-HĐQT	23/09/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2019 của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
94	323/NQ-HĐQT	23/09/2019	Nghị quyết: về việc thông qua dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua than nhập khẩu phục vụ sản xuất cho NMMĐ Vĩnh Tân 2 đợt 2 năm 2019
95	326/NQ-HĐQT	08/10/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất điện cho NMMĐ Vĩnh Tân 2 đợt 2 năm 2019
96	327/NQ-HĐQT	09/10/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Tổng hợp Hội đồng quản trị EVNGENCO 3
97	336/NQ-HĐQT	18/10/2019	Nghị quyết: về việc phê duyệt kết quả thực hiện của đơn vị Tư vấn thẩm định giá: Giá trị phần vốn góp của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP tại Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
98	342/NQ-HĐQT	23/10/2019	Nghị quyết: về việc thông qua dự toán trùng tu (CI) Tổ máy GT12 - Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 năm 2020
99	344/NQ-HĐQT	23/10/2019	Nghị quyết: về việc thông qua KHLCNT gói thầu: Cung cấp vật tư phụ tùng, dịch vụ phục hồi và dịch vụ kỹ thuật phục vụ sửa chữa các Tổ máy thuộc NMMĐ Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 4
100	338/NQ-HĐQT	23/10/2019	Nghị quyết Hội đồng Quản trị Phiên họp lần 8 năm 2019
101	340/NQ-HĐQT	23/10/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Phương án kỹ thuật thay thế Máy biến áp chính cho Tổ máy GT12-Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 năm 2020
102	346/NQ-HĐQT	25/10/2019	Nghị quyết: về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân
103	348/NQ-HĐQT	25/10/2019	Nghị quyết: về việc thông qua dự toán trung tu (TI) tổ máy GT13-Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 năm 2020
104	352/NQ-HĐQT	29/10/2019	Nghị quyết: về việc thông qua KHLCNT gói thầu: Cung cấp và lắp đặt máy biến thế chính cho Tổ máy GT12 - NMMĐ Phú Mỹ 1
105	354/NQ-HĐQT	29/10/2019	Nghị quyết: về việc thông qua Phương án kỹ thuật Đại tu tổ máy GT42 thuộc Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 4 năm 202
106	355/NQ-HĐQT	30/10/2019	Nghị quyết: về việc ký Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Công ty tài chính cổ phần Điện lực
107	357/NQ-HĐQT	30/10/2019	Nghị quyết Hội đồng quản trị Phiên họp Thứ 9-2019

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
108	358/NQ-HĐQT	31/10/2019	Nghị quyết về nhân sự Hội đồng quản trị EVNGENCO 3
109	361/NQ-HĐQT	08/11/2019	Nghị quyết: về việc bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân
110	363/NQ-HĐQT	11/11/2019	Nghị quyết: Về việc thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2019/DVPT/EVNGENCO 3-PM-EVN và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 18 Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-PM của các NMMĐ Phú Mỹ
111	371/NQ-HĐQT	15/11/2019	Nghị quyết: về việc thông qua dự toán đại tu Tổ máy GT42 và Phụ lục hợp đồng 06-19/LTSA mua vật tư đường khí nóng để thay thế đại tu Tổ máy GT42 - NMMĐ Phú Mỹ 4 năm 2021
112	374/NQ-HĐQT	19/11/2019	Nghị quyết: thông qua việc ký kết Phụ lục hợp đồng số 04-19/LTSA mua vật tư đường khí nóng để thay thế trong TI GT13 - NMMĐ Phú Mỹ 1 năm 2020
113	377/NQ-HĐQT	21/11/2019	Nghị quyết: về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Khảo sát, đánh giá hiện trạng bồi lắng hồ chứa (chu kỳ 0) - Công trình Thủy điện Buôn Kuốp
114	378/NQ-HĐQT	21/11/2019	Nghị quyết: về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với Gói thầu: "Cung cấp dầu DO phục vụ sản xuất kinh doanh điện năm 2020" của Công ty Nhiệt điện Mông Dương và Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
115	379/NQ-HĐQT	21/11/2019	Nghị quyết Hội đồng quản trị Phiên họp thứ 10-2019
116	385/NQ-HĐQT	25/11/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp dịch vụ Tư vấn đánh giá các phương án và xây dựng lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu vốn của EVN tại EVNGENCO 3
117	386/NQ-HĐQT	25/11/2019	Nghị quyết Về việc VSH rút đơn khởi kiện vụ kiện 76/19 HCM
118	389/NQ-HĐQT	25/11/2019	Nghị quyết: Về việc chủ trương kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3
119	393/NQ-HĐQT	29/11/2019	Nghị quyết: về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với Gói thầu: "Cung cấp dầu DO phục vụ sản xuất điện năm 2020" của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
120	399/NQ-HĐQT	02/12/2019	Nghị Quyết: V/v thông qua các nội dung biểu quyết họp HĐQT định kỳ Quý 3/2019 của CTCP Nhiệt điện Bà Rịa
121	400/NQ-HĐQT	02/12/2019	Nghị quyết: thông qua các nội dung để Người đại diện phần vốn của EVNGENCO3 tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà biểu quyết trong Hội đồng quản trị
122	401/NQ-HĐQT	02/12/2019	Nghị quyết: Thông qua Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07 Hợp đồng mua bán điện số 01/2016/HĐ-NMĐ-MD1 của Nhà máy điện Mông Dương 1
123	402/NQ-HĐQT	03/12/2019	Nghị quyết: Về việc thông qua các nội dung biểu quyết họp HĐQT định kỳ lần 3/2019 của CTCP Nhiệt điện Ninh Bình



THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
124	407/NQ-HĐQT	09/12/2019	Nghị quyết: thông qua việc ký kết Hợp đồng mua bán than dài hạn cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 với Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
125	408/NQ-HĐQ	09/12/2019	Nghị quyết: Về việc thông qua Giá cung cấp dịch vụ phụ trợ năm 2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 07 Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy điện Bà Rịa
126	409/NQ-HĐQT	09/12/2019	Nghị quyết: về việc phê duyệt kết quả thực hiện của đơn vị Tư vấn định giá: Giá trị phần vốn góp của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP tại Công ty cổ phần điện Việt Lào nhằm xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn
127	411/NQ-HĐQT	12/12/2019	Nghị quyết: về việc Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 - Tổng Công ty Phát điện 3
128	413/NQ-HĐQT	13/12/2019	Nghị quyết: về việc phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương SXKD điện năm 2019 đối với người lao động của Công ty mẹ - EVNGENCO 3
129	417/NQ-HĐQT	17/12/2019	Nghị quyết: về việc thông qua việc triển khai hệ thống giám sát và chẩn đoán từ xa trong chương trình ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN 4.0 vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Phát điện 3
130	419/NQ-HĐQT	17/12/2019	Nghị quyết: về việc thông qua dự toán đại tu tổ máy ST26 - NMTĐ Phú Mỹ 2.1 MR năm 2020
131	422/NQ-HĐQT	20/12/2019	Nghị quyết: Về việc ý kiến biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
132	426/NQ-HĐQT	24/12/2019	Nghị quyết: Về việc phương án thoái vốn/giảm tỷ lệ sở hữu của EVN tại EVNGENCO 3
133	431/NQ-HĐQT	26/12/2019	Nghị quyết: Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
134	433/NQ-HĐQT	27/12/2019	Nghị quyết: phê duyệt bổ sung phương án kỹ thuật đại tu Tổ máy H2-NMTĐ Srêpôk 3 năm 2020 thuộc CTTĐ Buôn Kuốp
135	435/NQ-HĐQT	27/12/2019	Nghị quyết: Về việc giao kế hoạch quỹ tiền lương SXKD điện năm 2019 cho Công ty EPS

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
II. QUYẾT ĐỊNH			
1	1022/QĐ-GENCO3	29/03/2019	Quyết định: v/v duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3
2	1023/QĐ-GENCO3	29/03/2019	Quyết định: v/v tạm quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện 3 tháng cuối năm 2018 của công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3
3	1024/QĐ-GENCO3	29/03/2019	Quyết định: v/v duyệt quyết toán tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2018 của Cơ quan Tổng Công ty
4	1025/QĐ-GENCO3	29/03/2019	Quyết định: v/v duyệt quyết toán tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2018 của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
5	1027/QĐ-GENCO3	29/03/2019	Quyết định: v/v duyệt quyết toán tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2018 của Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
6	1028/QĐ-GENCO3	29/03/2019	Quyết định: v/v duyệt quyết toán tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2018 của Công ty Nhiệt điện Mông Dương
7	1029/QĐ-GENCO3	29/03/2019	Quyết định: v/v duyệt quyết toán tiền lương năm 2018 của Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân
8	1103/QĐ-GENCO3	03/04/2019	Quyết định: v/v ban hành áp dụng tạm thời Quy định chi trả tiền lương trong Cơ quan Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
9	1096/QĐ-GENCO3	03/04/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
10	1221/QĐ-GENCO3	12/04/2019	Quyết định: về việc thành lập Đoàn kiểm toán giám sát các hoạt động của Người đại diện phần vốn của EVNGENCO 3 tại Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
11	1287/QĐ-GENCO3	19/04/2019	Quyết định: v/v quyết toán quỹ tiền lương làm thêm giờ và ca đêm SXKD điện thực hiện 3 tháng cuối năm 2018 của công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3
12	1531/QĐ-GENCO3	10/05/2019	Quyết định: v/v ban hành quy định phân cấp của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
13	1550/QĐ-GENCO3	13/05/2019	Quyết định: Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân
14	1551/QĐ-GENCO3	13/05/2019	Quyết định: Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
15	1552/QĐ-GENCO3	13/05/2019	Quyết định: Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3
16	1553/QĐ-GENCO3	13/05/2019	Quyết định: Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ



THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
17	1554/QĐ-GENCO3	13/05/2019	Quyết định: Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Mông Dương
18	1555/QĐ-GENCO3	13/05/2019	Quyết định: Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
19	1571/QĐ-GENCO3	14/05/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy định xét nâng bậc lương chuyên môn, nghiệp vụ trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
20	1572/QĐ-GENCO3	14/05/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy chế về công tác kế hoạch trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
21	1573/QĐ-GENCO3	14/05/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy chế về công tác lao động và tiền lương trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
22	1574/QĐ-GENCO3	14/05/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy chế phân phối tiền lương sản xuất kinh doanh điện trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
23	1687/QĐ-GENCO3	22/05/2019	Quyết định: v/v phê duyệt kết quả đánh giá HSĐXKT Gói thầu: "Cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất điện cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019"
24	1739/QĐ-GENCO3	28/05/2019	Quyết định: Về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu - Gói thầu: "cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất điện cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019"
25	1909/QĐ-GENCO3	10/06/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy chế về công tác Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
26	1910/QĐ-GENCO3	10/06/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy chế huy động vốn, cho vay, cho vay lại và bảo lãnh vay vốn trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
27	1911/QĐ-GENCO3	10/06/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
28	1912/QĐ-GENCO3	10/06/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
29	1913/QĐ-GENCO3	10/06/2019	Quyết định: v/v ban hành Quy chế về công tác cán bộ trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
30	1920/QĐ-GENCO3	11/06/2019	Quyết định: về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của EVNGENCO 3

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
31	1968/QĐ-GENCO3	14/06/2019	Quyết định: v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: "Cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất điện cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2019"
32	3038/QĐ-GENCO3	23/09/2019	Quyết định: về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu cung cấp than Anthracite nhập khẩu phục vụ sản xuất điện cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 đợt 2 năm 2019
33	3199/QĐ-GENCO3	09/10/2019	Quyết định: về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Tổng hợp Hội đồng quản trị EVNGENCO3
34	3398/QĐ-GENCO3	29/10/2019	Quyết định: về việc phê duyệt KHLCNT gói thầu: Cung cấp và lắp đặt Máy biến thế chính cho Tổ máy GT12 - NMNĐ Phú Mỹ 1
35	3416/QĐ-GENCO3	31/10/2019	Quyết định: về việc thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT EVNGENCO 3
36	3417/QĐ-GENCO3	31/10/2019	Quyết định về việc giao nhiệm vụ thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT EVNGENCO 3
37	3419/QĐ-GENCO3	31/10/2019	Quyết định: về việc Điều chỉnh thông tin đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2
38	3501/QĐ-GENCO3	07/11/2019	Quyết định: Về việc thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của EVNGENCO 3
39	3660/QĐ-GENCO3	22/11/2019	Quyết định: về việc phê duyệt dự toán chi phí mua dầu DO phục vụ sản xuất điện năm 2020 của Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
40	3661/QĐ-GENCO3	22/11/2019	Quyết định: về việc phê duyệt dự toán chi phí mua dầu DO phục vụ sản xuất kinh doanh điện năm 2020 của Công ty Nhiệt điện Mông Dương
41	3668/QĐ-GENCO3	22/11/2019	Quyết định: về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu "Cung cấp dầu DO phục vụ sản xuất điện năm 2020" của Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
42	3669/QĐ-GENCO3	22/11/2019	Quyết định: về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: "Cung cấp dầu DO phục vụ sản xuất kinh doanh điện năm 2020" của Công ty Nhiệt điện Mông Dương
43	3707/QĐ-GENCO3	26/11/2019	Quyết định: về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp dịch vụ tư vấn đánh giá các phương án và xây dựng lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu vốn của EVN tại EVNGENCO 3
44	3783/QĐ-GENCO3	29/11/2019	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: "Cung cấp dầu DO phục vụ sản xuất điện năm 2020" của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
45	3962/QĐ-GENCO3	18/12/2019	Quyết định: Về việc ban hành Chương trình công tác Pháp chế năm 2020 của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần



CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020



Đảm bảo nhiên liệu và cân đối nhu cầu than, khí năm 2020 cho sản xuất điện; xúc tiến tìm kiếm nguồn than, khí (bổ sung cho phần thiếu hụt để chủ động đáp ứng cho sản xuất điện trong dài hạn)



Thúc đẩy chủ trương đầu tư, xúc tiến đầu tư các DA nguồn điện mới (tua bin khí chu trình hỗn hợp sử dụng LNG; điện mặt trời, điện gió,...).



Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật tiếp tục nâng cấp CSHT CNTT và xây dựng chiến lược để tham gia hiệu quả Thị trường bán buôn điện cạnh tranh từ năm 2020.



Thực hiện phương án tái cơ cấu EVNGENCO 3 sau khi được các cấp chủ quyền phê duyệt



Đảm bảo công tác môi trường cho các nhà máy nhiệt điện Than



Xây dựng định mức tồn kho nhiên liệu (than, dầu) cho các nhà máy điện và quy định lượng than lưu kho tối thiểu với các nhà máy nhiệt điện than trong Tổng Công ty.





BAN KIỂM SOÁT



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT



Ban Kiểm soát của EVNGENCO 3 hiện tại có 03 thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát đều đáp ứng đủ tư cách và có đủ năng lực thực thi nhiệm vụ của mình. Mỗi thành viên được bầu với nhiệm kỳ 05 năm (theo quy định của luật doanh nghiệp) tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 17/9/2018.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

ÔNG PHẠM HÙNG MINH

Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Phạm Hùng Minh được bầu vào BKS từ tháng 9 năm 2018. Trước đó, ông Phạm Hùng Minh là Kiểm soát viên chuyên trách do EVN cử tại EVNGENCO 3 từ năm 2014 đến năm 2018 (khi EVNGENCO 3 còn là Công ty TNHH một thành viên).

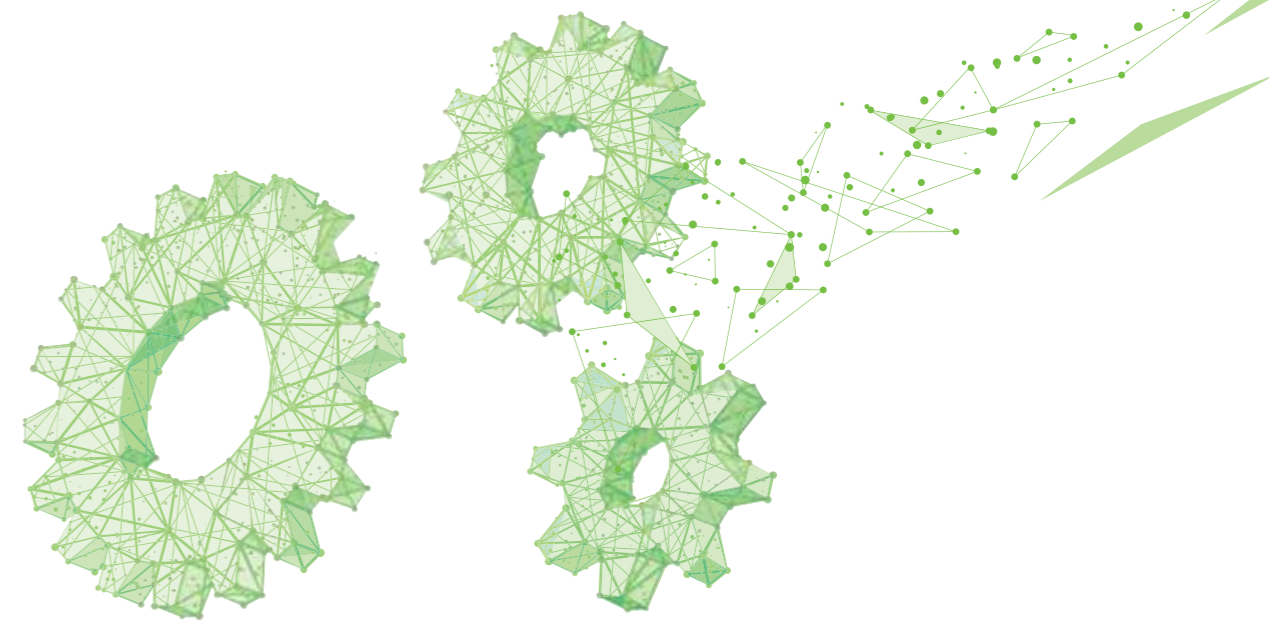
Cử nhân Kinh tế đối ngoại (văn bằng 1)

Cử nhân kế toán (văn bằng 2)

Đã tham dự các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kiểm toán nội bộ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức từ năm 2014 đến nay.

Tham gia các Đoàn kiểm toán nội bộ của Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Trưởng Đoàn kiểm soát trong Đoàn kiểm soát của Kiểm soát viên EVNGENCO 3 tại các Đơn vị thành viên từ năm 2014 đến nay.



ÔNG ĐẬU ĐỨC CHIẾN

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ông Đậu Đức Chiến được bầu vào BKS từ tháng 9 năm 2018. Trước đó, ông Đậu Đức Chiến là kiểm soát viên chuyên trách của EVN tại EVNGENCO 3 (khi EVNGENCO 3 còn là Công ty TNHH một thành viên)

Kỹ sư Hệ thống điện

Thạc sỹ Kỹ thuật điện

Cán bộ thuộc Ban quản lý Xây dựng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tham gia các đợt tập huấn ngắn hạn về công tác kiểm toán nội bộ từ năm 2017 đến năm 2019.

Đã từng tham gia các Đoàn kiểm soát, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Kiểm soát viên Tổng Công ty Phát điện 3

BÀ VŨ HẢI NGỌC

Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Vũ Hải Ngọc được bầu làm thành viên BKS từ tháng 9 năm 2018. Trước đó, bà Vũ Hải Ngọc là Kiểm soát viên không chuyên trách do EVN cử tại Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, giữa năm 2017 EVN cử làm Kiểm soát viên không chuyên trách tại EVNGENCO 3 (khi EVNGENCO 3 còn là Công ty TNHH một thành viên).

Cử nhân Kế toán – Đại Học Kinh tế quốc Dân.

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Chuyên viên chính thuộc Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Đã tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về kiểm toán nội bộ từ năm 2014 đến nay;

Đã từng tham gia các Đoàn kiểm soát, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Kiểm soát viên Tổng Công ty Điện lực miền Trung, Kiểm soát viên Tổng Công ty Phát điện 3.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019



Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát chịu nhiệm vụ và đã triển khai thực hiện các công việc sau:

- ▶ Giám sát việc công bố thông tin của Tổng Công ty theo quy định hiện hành.
- ▶ Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm soát trực tiếp 02 cuộc kiểm soát tại các đơn vị gồm (ghi nhận các hoạt động BKS đã thực hiện năm 2019):
 - Kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3 (Công ty EPS);
 - Kiểm soát công tác tham gia thị trường điện của EVNGENCO 3 và các Công ty phát điện trực thuộc.
- ▶ Thẩm định Báo cáo quyết toán lương sản xuất điện năm 2018 của Tổng công ty trình EVN phê duyệt.
- ▶ Thẩm định Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.
- ▶ Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018 của Tổng công ty đã được kiểm toán.
- ▶ Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Tổng công ty.
- ▶ Thẩm định Kế hoạch quỹ tiền lương sản xuất điện năm 2019 của Tổng công ty.
- ▶ Báo cáo tất cả kết quả thẩm định các báo cáo trên và kết quả các cuộc kiểm soát về Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ▶ Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2018 về Kế hoạch nhiệm vụ của EVNGENCO 3 trong năm 2019. Lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- ▶ Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Công ty TNHH kiểm toán KPMG thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019 của EVNGENCO 3.
- ▶ Tham gia giám sát kiểm toán độc lập trong việc thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính Tổng Công ty và các Đơn vị thành viên năm 2019.
- ▶ Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của EVNGENCO 3 theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.
- ▶ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ EVNGENCO 3 một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.



Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tiến hành họp 04 lần, với sự tham gia đầy đủ của các thành viên với các nội dung sau:

Số lần họp	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	03	Tổng kết công tác kiểm soát năm 2018, thống nhất kế hoạch 2019 vào (ngày 17/01/2019)
2	03	Họp và kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu (từ ngày 02 đến ngày 05/5/2019)
3	03	Họp và thực hiện Kiểm soát trực tiếp các mặt hoạt động của Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3, từ ngày 08 đến ngày 18/7/2019
4	03	Họp và thực hiện kiểm soát trực tiếp công tác tham gia thị trường điện tại GENCO 3 và các Đơn vị trực thuộc (4 Công ty phát điện) trong tháng 10 và 11/2019.

Ngoài 04 phiên họp như liệt kê trên, các thành viên Ban Kiểm Soát cũng thường xuyên thực hiện việc trao đổi thông qua e-mail, điện thoại với các nội dung theo thẩm quyền được giao.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (BTGD) Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.



KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020



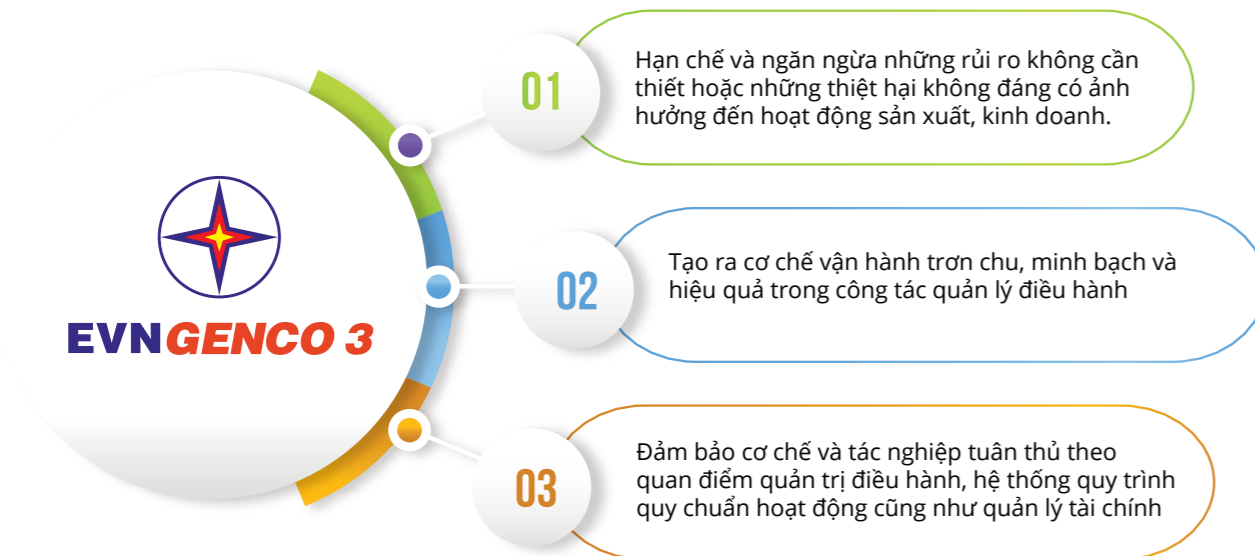
- ▶ Kiểm soát tình hình SXKD năm 2019, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và lập báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sau khi thẩm định BCTC năm 2019.
- ▶ Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của EVNGENCO 3 năm 2020 và các năm tiếp theo.
- ▶ Họp Ban Kiểm soát định kỳ theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty (lần 1: Thẩm định BCTC năm 2019 đã được kiểm toán, lần 2: Rà soát, thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2020, lần 3: Thực hiện cho công tác kiểm soát trực tiếp tại các đơn vị thành viên).
- ▶ Kiểm soát thường xuyên việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2020 tại Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc, các Công ty con;

- ▶ Thực hiện kiểm soát trực tiếp:
 - Kiểm soát công tác SCL năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 tại các Nhà máy Nhiệt điện thuộc Tổng công ty.
 - Kiểm soát tình hình thực hiện trách nhiệm của Người đại diện, KSV do GENCO 3 của tại Công ty CPNĐ Ninh Bình, thông qua đó kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty CPNĐ Ninh Bình; Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 Tổng công ty Phát điện 3 (phối hợp khi thẩm định BCTC bán niên năm 2020).
- ▶ Thẩm định Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương năm 2019 Công ty mẹ Tổng công ty Phát điện 3;
- ▶ Thẩm định Báo cáo Kế hoạch tiền lương năm 2020 Công ty mẹ Tổng công ty Phát điện 3;
- ▶ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 của GENCO 3 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và các Báo cáo khác theo quy định;
- ▶ Thực hiện giám sát Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 của Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3;
- ▶ Tham gia các cuộc họp, các cuộc thẩm định, kiểm toán Báo cáo tài chính và các cuộc họp kết luận của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tập đoàn và các đơn vị bên ngoài như: Kiểm toán độc lập, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra thuế và các cơ quan chức năng khác có thẩm quyền;
- ▶ Tham gia các Đoàn kiểm tra, kiểm soát của Ban lãnh đạo và các Ban của Tổng Công ty tại các Đơn vị thành viên;
- ▶ Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm soát năm 2019 và các năm trước tại các Đơn vị đã kiểm soát.

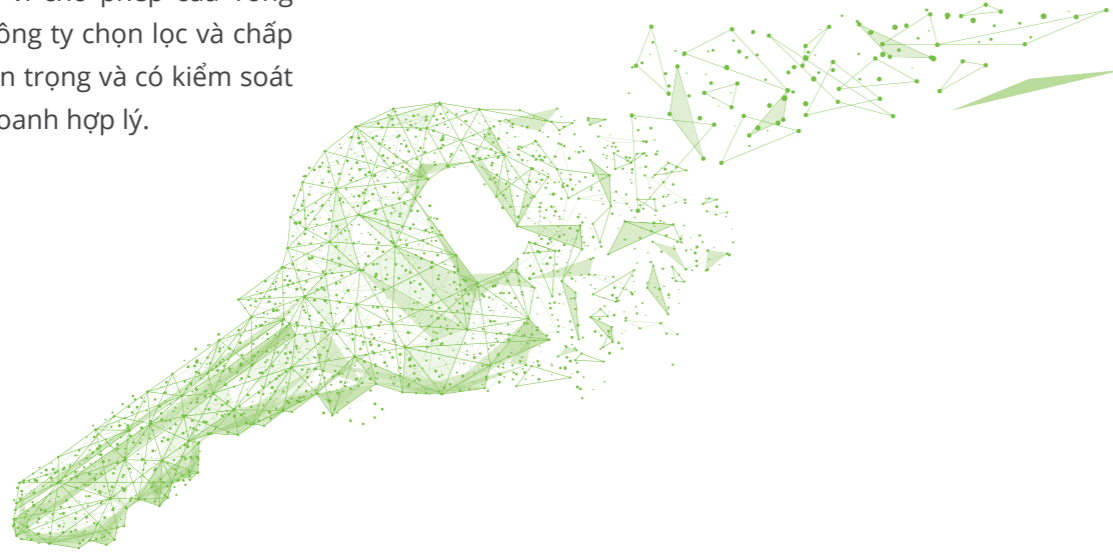


QUẢN TRỊ RỦI RO

EVNGENCO 3 xây dựng khung Quản trị rủi ro hướng đến thông lệ và chuẩn mực quốc tế, nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức và môi trường hoạt động kinh doanh của Việt Nam. Công tác Quản trị rủi ro (“QTRR”) tại EVNGENCO 3 được xây dựng và triển khai nhằm các mục tiêu chính sau đây:



Quan điểm của EVNGENCO 3 là có cơ hội trong rủi ro. Vì vậy, QTRR không phải chỉ bao gồm giảm thiểu rủi ro, mà cần phân tích đầy đủ rủi ro, tối ưu hóa tương quan giữa rủi ro và cơ hội, và chấp nhận rủi ro trong phạm vi cho phép của Tổng Công ty. Nhờ đó, Tổng Công ty chọn lọc và chấp nhận rủi ro một cách thận trọng và có kiểm soát vì những mục tiêu kinh doanh hợp lý.



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO



EVNGENCO 3 có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, toàn diện và đồng bộ, liên thông giữa các cấp, trong đó xác định rõ cơ cấu tổ chức và kế hoạch quản trị rủi ro tại EVNGENCO 3.

Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro được thiết lập tích hợp với cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của EVNGENCO 3 trong đó phải có sự tham gia của cấp quản lý, điều hành cao nhất tại EVNGENCO 3, Đơn vị; các Ban, Phòng chuyên môn nghiệp vụ và bộ phận kiểm soát tuân thủ của EVNGENCO 3.

EVNGENCO 3 đã áp dụng ISO/IEC 27001 là hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS) để đánh giá theo các tiêu chuẩn quốc tế. Chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 27001 sẽ thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý hiệu quả giúp EVNGENCO 3 kiểm soát tính an toàn và bảo mật tài sản thông tin của đơn vị mình.





Rủi ro từ nguồn nhiên liệu than

Năm 2020, nước về các hồ thủy điện được dự báo là thấp nhất trong vòng 30 năm qua; tình hình cung cấp nhiên liệu khí và than vẫn gặp nhiều khó khăn. Theo đánh giá của Bộ Công Thương, nguồn nhiệt điện than tiếp tục chiếm tỷ trọng rất cao nên nhu cầu than cho sản xuất điện cung tăng nhanh. Năm 2020, lượng than cung cấp cho nhiệt điện khoảng 63 triệu tấn. Dự báo đến năm 2025, tiêu thụ khoảng 95 triệu tấn than. Đến 2030, tiêu thụ khoảng 129 triệu tấn than.

Dự báo, năm 2020, lượng than cung cấp cho nhiệt điện khoảng 63 triệu tấn. Dự báo đến năm 2025, tiêu thụ khoảng 95 triệu tấn than. Đến 2030, tiêu thụ khoảng 129 triệu tấn than.

“Với khả năng sản xuất ra các chủng loại than phù hợp sản xuất cho điện chỉ khoảng 40 triệu tấn, dự kiến Việt Nam phải nhập khẩu than với khối lượng lớn (khoảng trên 20 triệu tấn vào năm 2020, trên 50 triệu tấn vào năm 2025, trên 80 triệu tấn vào năm 2030)” – đại diện Bộ Công Thương cho biết.

Dự kiến, năm 2020, nếu các tổ máy phát điện không đáp ứng yêu cầu về độ tin cậy vận hành và không đảm bảo đủ nhiên liệu thì sẽ chịu sức ép rất lớn từ nguồn nhiên liệu nhập khẩu.

Trước thực trạng chung, Tổng Công ty đã mua than nhập khẩu bổ sung cho phần than trong nước thiếu hụt để vận hành sản xuất điện. Và triển khai đề án đốt than trộn để tăng cường sử dụng nhiều nguồn than, giảm áp lực thiếu than (6a.1) trong nước.

Rủi ro từ nguồn nhiên liệu khí

Nhu cầu nhiên liệu khí cho phát điện ngày càng tăng, nhưng nguồn cung ngày càng cạn kiệt. 80% sản lượng khí tiêu thụ tại thị trường Việt Nam dành cho phát điện. Tuy nhiên, theo dự báo, sau 2019, thị trường nhiên liệu khí sẽ rất căng thẳng do sản lượng khai thác khí của Việt Nam giảm mạnh, dẫn đến thiếu sản lượng khí cho sản xuất điện.

Đồng thời, theo tính toán của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Việt Nam sẽ cần nhập khẩu LNG, bù đắp sản lượng khí thiếu hụt cho sản xuất điện theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh. Tới năm 2030, khoảng gần 50% nhiên liệu khí cho phát điện là từ nguồn LNG nhập khẩu.

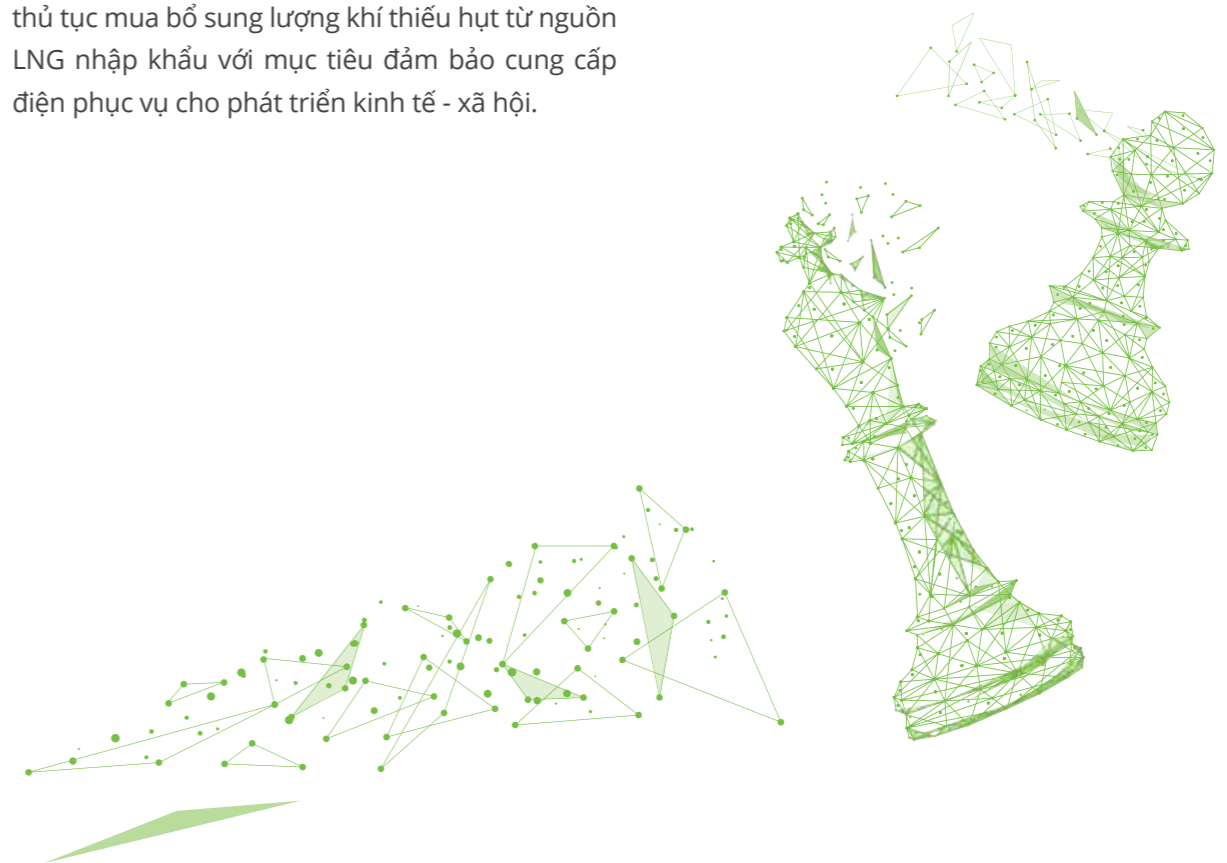
Tuy nhiên, nếu thị trường LNG quốc tế có biến động lớn về giá, sẽ tác động không nhỏ đến giá thành sản xuất điện tại Việt Nam

Vì vậy, Tổng Công ty đã chuẩn bị và đang tiến hành thủ tục mua bổ sung lượng khí thiếu hụt từ nguồn LNG nhập khẩu với mục tiêu đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

Rủi ro về kinh tế

Đối với kinh tế Việt Nam, giai đoạn 2020-2022 là giai đoạn chuyển tiếp từ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm 2016-2020 sang kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm 2021-2025, với nhiều thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen.

Vì vậy, dù có nhiều tín hiệu tích cực, nhưng khi đối diện với sự tăng trưởng chậm trên diện rộng, Việt Nam cũng vẫn cần cẩn trọng và cần phải có đối sách phù hợp. Hơn nữa, nội tại nền kinh tế vẫn đang tiềm ẩn nhiều rủi ro nhất là những bất ổn tài chính - tiền tệ, dịch bệnh.





Rủi ro về cạnh tranh

Với việc công suất tiêu thụ luôn vượt khả năng cung cấp trong nhiều năm trở lại, tính cạnh tranh giữa các nhà máy điện là không đáng kể. Tuy nhiên, sự vận hành của thị trường điện cạnh tranh bán buôn sẽ gia tăng mức độ cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. EVNGENCO 3 có thể phải cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất điện khác trong việc ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với các khách hàng.

Rủi ro về môi trường

Nhận thức công tác bảo vệ môi trường là nhiệm vụ quan trọng. Trong quá trình đầu tư phát triển dự án có thể gây ra những tác động rất lớn đến môi trường như: ô nhiễm không khí, tác động đến nguồn nước, ô nhiễm tiếng ồn,... Nếu Tổng Công ty quản lý, kiểm soát không tốt, nhận diện không đầy đủ, không thực hiện đánh giá đúng các nguy cơ tác động đến môi trường khu vực dự án, kể cả các nguy cơ tiềm ẩn, trước khi phát triển dự án hoặc không tuân thủ đúng quy định về an toàn, vệ sinh sẽ gây ra nhiều thiệt hại đến mức sống của khu dân cư lân cận và cả những người lao động. Đây là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến uy tín và tổn rất nhiều chi phí để khắc phục hậu quả.

Rủi ro về cháy nổ

Theo thống kê của bộ PCCC trong những năm qua tình hình cháy, nổ diễn biến ngày càng phức tạp. Trung bình mỗi năm xảy ra 2.230 vụ cháy, làm chết 72 người, bị thương 191 người, thiệt hại khoảng 1.229 tỉ đồng. Nếu tính cả thiệt hại gián tiếp (ngừng sản xuất kinh doanh; đầu tư khôi phục sau cháy, nổ...) thì tổng thiệt hại sẽ tăng lên gấp nhiều lần. Nhiều vụ cháy đã để lại hậu quả nặng nề cho con người, tác động xấu đến môi trường, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Để đảm bảo an toàn và phòng chống rủi ro cháy nổ, Tổng Công ty sử dụng công cụ tài trợ, mua bảo hiểm cháy nổ đối với tài sản, thiết bị chính trong NMD nhằm hạn chế rủi ro, chuyển giao rủi ro cho các công ty bảo hiểm.

Rủi ro đối với hồ đập thủy điện

Với 385 nhà máy thủy điện đang hoạt động, tổng dung tích hồ chứa khoảng 56 tỷ m³ nước, chiếm 86% tổng dung tích hồ chứa trên cả nước, nhiều chuyên gia đã lên tiếng cho rằng cần thiết phải kiểm tra và đánh giá mức an toàn của tất cả các đập thủy điện trên toàn vùng, từ đó đề ra các biện pháp phù hợp bảo đảm an toàn cho từng hồ - đập.

Công tác quản lý, vận hành an toàn các đập thủy điện không chỉ góp phần quan trọng trong sản xuất điện đảm bảo an ninh năng lượng mà còn cung cấp nước, hỗ trợ cắt, giảm hoặc làm chậm lũ cho vùng hạ du, bảo đảm an ninh lương thực và ổn định trật tự, an toàn xã hội.

Gánh vác trách nhiệm chung với xã hội, cộng đồng, Tổng Công ty luôn tổ chức khảo sát, đánh giá tình trạng hồ đập định kỳ. Giám sát thường xuyên công tác quản lý, vận hành đảm bảo yêu cầu về quy hoạch, kỹ thuật và an toàn.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2019

MÃ CỔ PHIẾU: PGV

Cổ đông	Số lượng cổ phần (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	1.061.355.233	99,19%	10.613.552.330.000
Cổ đông khác	8.614.344	0,81%	86.143.440.000
TỔNG CỘNG	1.069.969.577	100%	10.699.695.770.000



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Đối tượng	Họ tên - Chức vụ	Tổng số lượng đại diện (CP)	Tổng số lượng sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Hội đồng quản trị	Ông Đinh Quốc Lâm Chủ tịch HĐQT	424.542.093	27.100	39,68%
	Ông Lê Văn Danh Thành viên HĐQT	318.406.570	12.000	29,76%
	Ông Trương Quốc Phúc Thành viên HĐQT	159.209.685	6.400	14,88%
	Ông Nguyễn Minh Khoa Thành viên HĐQT	159.209.685	-	14,88%
Ban Tổng Giám Đốc	Ông Đỗ Mộng Hùng Thành viên HĐQT	-	-	-
	Ông Phan Thanh Xuân Phó TGD Kỹ thuật và sản xuất	-	13.500	0,0013%
	Ông Cao Minh Trung Phó TGD Sửa chữa và công nghệ	-	22.300	0,0021%
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương Phó TGD kinh doanh - thị trường điện	-	15.400	0,0014%
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Phó TGD Kinh Tế Tài chính	-	9.600	0,0009%



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG ĐẢM BẢO TÍNH TRUNG THỰC VÀ MINH BẠCH



- ▶ EVNGENCO 3 bảo đảm tính trung thực, minh bạch và thống nhất trong việc cung cấp thông tin và giải đáp câu hỏi cho cổ đông, nhà đầu tư, bảo đảm tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng, bất kể là cổ đông nhỏ lẻ hay tổ chức, trong nước hay nước ngoài.
- ▶ EVNGENCO 3 cam kết cung cấp cho cổ đông và nhà đầu tư các thông tin kịp thời, chính xác về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty qua website chính thức. Các tài liệu dành cho nhà đầu tư, bản tin và thông cáo về tài chính của Tổng Công ty bằng tiếng Việt được cập nhật cùng lúc và có thể được xem và tải từ website <http://www.genco3.com>, mục Quan hệ Nhà đầu tư.
- ▶ Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư duy trì sự tương tác thường xuyên với các cổ đông thông qua các sự kiện như ĐHCĐ thường niên, gặp gỡ nhóm nhà đầu tư, các cuộc họp. Các hoạt động này đã giúp gắn kết và là cầu nối giữa cổ đông và nhà đầu tư với Tổng Công ty. Các sự kiện này còn có sự tham gia thường xuyên của lãnh đạo cấp cao nhằm giúp nhà đầu tư và cổ đông hiểu rõ hơn về định hướng chiến lược của EVNGENCO 3.

05

Hướng đến mục tiêu trở thành doanh nghiệp phát triển hàng đầu tại Việt Nam và khu vực ASEAN trong ứng dụng công nghệ năng lượng sạch, bảo đảm môi trường gắn liền với phát triển bền vững, EVNGENCO 3 đang tiến từng bước vững chắc để xây dựng một cấu trúc quản lý toàn diện và hiệu quả.

Theo đó, báo cáo phát triển bền vững của EVNGENCO 3 được lập với 3 mục tiêu:

- Cung cấp thông tin chính xác, minh bạch cho các bên quan tâm, bao gồm: cổ đông, đối tác, khách hàng, cộng đồng...
- Đánh giá kết quả hoạt động toàn diện và xây dựng kế hoạch cải tiến trong tương lai.
- Thực hiện chính sách cởi mở trong hoạt động, hướng tới sự chuyên nghiệp, ngày càng hoàn thiện.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mô hình quản trị phát triển bền vững	124
Tầm nhìn bền vững	126
Chiến lược phát triển bền vững	128
Các số liệu ấn tượng về phát triển bền vững năm 2019	130
Các hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu	132
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về các mục tiêu tăng trưởng bền vững	134
Phát triển nhân sự bền vững	136
Trách nhiệm an sinh xã hội	141



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Tại EVNGENCO 3, việc định hướng và cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, cũng như việc gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh đều nhận được sự đồng thuận từ cấp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, lãnh đạo quản lý cấp trung đến từng cán bộ nhân viên.



Hội Đồng quản trị: Đưa ra định hướng chiến lược chung và thông qua các mục tiêu chính yếu, kế hoạch phát triển bền vững và chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Ban Điều hành: EVNGENCO 3 tích hợp chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh vào chiến lược phát triển bền vững. Định kỳ thực hiện xác định và phân tích các rủi ro trọng yếu trong ngắn và dài hạn bao gồm các rủi ro phát sinh từ những thay đổi về môi trường, xã hội để đánh giá tần suất và mức độ tác động để đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.

Các đơn vị thành viên/ các ban chức năng: Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Điều hành và HĐQT.

Kiểm soát rủi ro về phát triển bền vững: Trên cơ sở định hướng của HĐQT, nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững. Truyền thông các mục tiêu, kế hoạch chi tiết cho các đơn vị thành viên/Ban chức năng và tổ chức triển khai thực hiện và kiến nghị điều chỉnh để đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.



TẦM NHÌN BỀN VỮNG

Với triết lý kinh doanh: “Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín” là nền tảng để tạo ra các giá trị bền vững, toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên EVNGENCO 3 luôn nhất quán sống và làm việc có trách nhiệm, đảm bảo tính MINH BẠCH - CÔNG BẰNG - HỢP TÁC trên mọi phương diện vì lợi ích chung của Xã hội - Cộng đồng - Người lao động - Cổ Đông/Đối tác, cụ thể:



ĐỐI VỚI XÃ HỘI



ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG



ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG/ ĐỐI TÁC

- ▶ Tôn trọng pháp luật và cam kết tuân thủ các quy tắc đạo đức trong kinh doanh cũng như các chuẩn mực tốt đẹp của xã hội.
- ▶ Tiếp tục thực hiện và nhân rộng các chương trình hỗ trợ địa phương như xây nhà tình nghĩa, xây dựng các công trình phúc lợi, xây dựng và sửa chữa trường học và các cơ sở y tế, giúp đỡ các cảnh đời bất hạnh,...
- ▶ Tiếp tục đồng hành cùng Chính phủ trong các chương trình chung vì cộng đồng như khắc phục hậu quả thiên tai, hiến máu nhân đạo, xóa đói giảm nghèo, phụ dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng,...
- ▶ Tăng cường ngân sách cho công tác khuyến học góp phần phát triển nguồn nhân lực cho nước nhà.
- ▶ Giao tiếp lịch thiệp, đúng mực, luôn lấy con người làm gốc trong tất cả ứng xử hàng ngày.

- ▶ Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ năng lượng sạch trong sản xuất ngày càng sâu rộng hơn, bảo đảm môi trường.
- ▶ Tăng cường các biện pháp tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng; đảm bảo việc khai thác, sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả nhất.
- ▶ Trong quản lý dự án, tăng cường kiểm soát, xử lý chất thải, triệt để.
- ▶ Trong quá trình xây dựng, giảm thiểu và hạn chế tối đa tiếng ồn và ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước.
- ▶ Thường xuyên đào tạo, nâng cao trình độ, nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn bộ nhân viên các cấp để luôn giữ vệ sinh sạch sẽ từ nơi làm việc, nơi sống cho đến nơi sinh hoạt tại địa phương.
- ▶ Tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường chung của Chính phủ để góp phần bảo vệ ngôi nhà chung của nhân loại.

- ▶ Tôn trọng quyền lợi của người lao động.
- ▶ Đảm bảo tính minh bạch, nhất quán trong tất cả chính sách, quy định lao động.
- ▶ Luôn có cơ chế lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ rõ ràng đúng theo quy định pháp luật.
- ▶ Tổ chức môi trường làm việc tốt, phát triển và có văn hóa đặc trưng.
- ▶ Đảm bảo đời sống người lao động luôn được ổn định, được quan tâm, chăm sóc đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần.
- ▶ Luôn tạo cơ hội cho người lao động rèn luyện, trau dồi tri thức, phát triển năng lực cá nhân.
- ▶ Tạo môi trường thăng tiến trên cơ sở công bằng và phát triển.

- ▶ Tôn trọng quyền của Cổ đông/ Đối tác.
- ▶ Đảm bảo tính minh bạch, chính xác về thông tin cho tất cả các bên có liên quan.
- ▶ Xây dựng mối quan hệ thân thiện, bền vững trên cơ sở bình đẳng, hai bên cùng có lợi.
- ▶ Cam kết cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở chất lượng và tuân thủ pháp luật.
- ▶ Luôn sự hài lòng và tin tưởng của Cổ đông/ Đối tác là động lực phát triển và là thành công của EVNGENCO 3.
- ▶ Luôn giữ thái độ đúng mực, hòa nhã trước các bên.
- ▶ Giải đáp thắc mắc rõ ràng và giải quyết nhanh chóng các vấn đề Cổ đông/ Đối tác yêu cầu theo quy định của Nhà nước/ Tập đoàn/ Tổng Công ty.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



KHAI THÁC TIỀM NĂNG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ



Có thể nói đây là giải pháp hữu hiệu nhất mà nhiều nước trên thế giới áp dụng, nhằm giảm nhu cầu điện năng để từ đó giảm chi phí đầu tư vào phát triển nguồn lưới cung cấp điện, giảm tác động xấu đến môi trường sinh thái (giảm phát thải ô nhiễm, chiếm dụng đất đai...) và giảm giá thành điện năng...

Theo nghiên cứu, đánh giá của một số chuyên gia năng lượng trong nước và quốc tế, giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả có thể giảm nhu cầu điện năng của cả nước khoảng 11-12% vào năm 2030.



PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG XANH THẢI ÍT CARBON

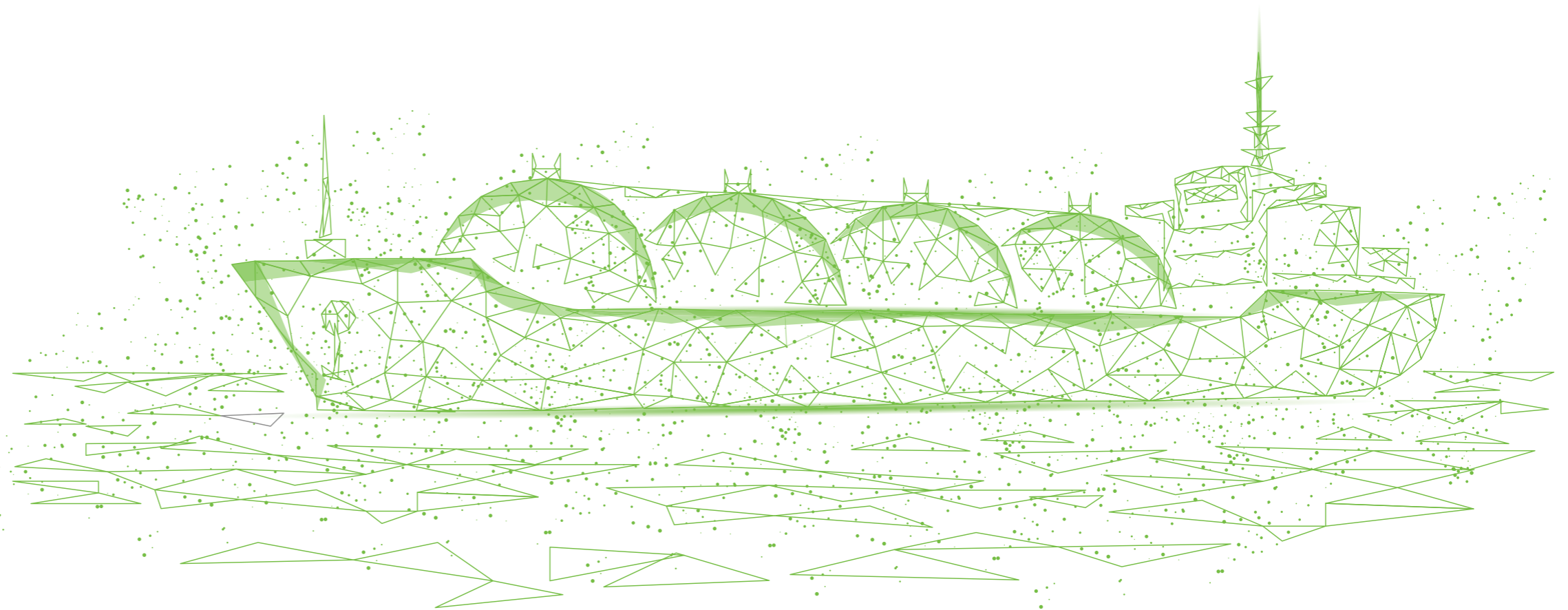
Trong chiến lược phát triển các dự án năng lượng điện mặt trời và nhiên liệu khí LNG là chiến lược đúng đắn, phù hợp với Quyết định “Phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, trong đó đã nêu lên định hướng phát triển các dự án điện sinh khối, gió và mặt trời đến gần 90 tỷ kWh, chiếm tỷ trọng khoảng 15% tổng sản lượng phát điện vào năm 2030.

Chiến lược cũng đề xuất các cơ chế chính sách về ưu tiên, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo, về xây dựng giá bán điện, đảm bảo thu hồi chi phí đầu

tư và lợi nhuận hợp lý đối các dự án năng lượng tái tạo nổi lưới.

Đồng thời, theo nghiên cứu, đánh giá của các chuyên gia năng lượng quốc tế, chi phí đầu tư các dự án điện từ năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió và mặt trời có xu hướng ngày càng giảm mạnh, dẫn tới giá thành điện năng các dự án gió, mặt trời hoàn toàn có thể cạnh tranh được tại một số thị trường, ngay cả khi không có trợ giá và không chỉ vì có nguồn tài nguyên tốt.

Đây sẽ là hứa hẹn tốt để EVNGENCO 3 định vị trên thị trường sản xuất và cấp phát điện năng tại Việt Nam.





CÁC SỐ LIỆU ẢN TƯỢNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2019



05

CỜ THI ĐUA TỪ ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI DOANH NGHIỆP VÀ EVN



14

BẰNG KHEN TỪ ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI DOANH NGHIỆP VÀ EVN



>2 TỶ ĐỒNG

CHO QUỸ PHÚC LỢI XÃ HỘI VÀ
CÔNG TÁC CỘNG ĐỒNG



>600 TRIỆU ĐỒNG

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC



77

CÔNG TÁC XÃ HỘI CHĂM SÓC CỘNG ĐỒNG



19

HOẠT ĐỘNG VIẾNG THĂM VÀ PHỤNG DƯỠNG
BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG



>380 TRIỆU ĐỒNG

ĐÓNG GÓP THỰC HIỆN ĐIỆN MẶT TRỜI



>230 TRIỆU ĐỒNG

ĐÓNG GÓP QUỸ TƯƠNG TRỢ AN SINH XÃ HỘI



05

CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, SỬA CHỮA
TRƯỜNG HỌC, Y TẾ



13

CĂN NHÀ TÌNH NGHĨA, TÌNH THƯƠNG



>160 TRIỆU ĐỒNG

SẺ CHIA QUÀ TẾT ẤM ÁP CHO GIA ĐÌNH KHÓ KHĂN



>120 TRIỆU ĐỒNG

CHO QUỸ ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA, THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ





CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU 2019

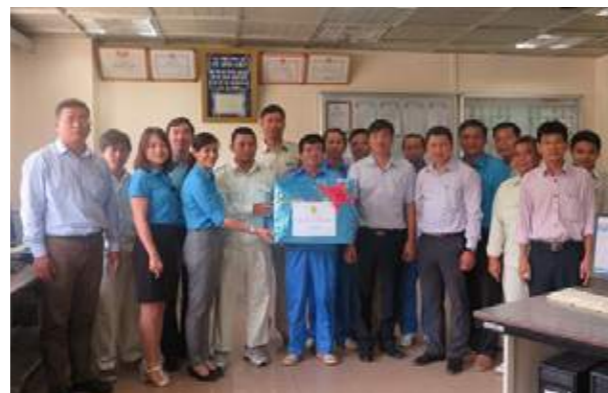
01. HỖ TRỢ XÂY DỰNG NHÀ TÌNH NGHĨA, TÌNH THƯƠNG

Trong năm 2019, EVNGENCO 3 tổng kết hỗ trợ xây dựng cho 13 căn nhà tình nghĩa và nhà Đại Đoàn Kết cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực, cũng như thể hiện trách nhiệm đối với công tác an sinh xã hội tại địa phương.



02. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THĂM VIẾNG TRI ÂN NGHĨA TÌNH

Cùng với việc xây dựng nhà tình nghĩa, EVNGENCO 3 hiện đang nhận phụng dưỡng 19 Mẹ Việt Nam Anh hùng. Và thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ; vận động cán bộ, nhân viên, người lao động ủng hộ Quỹ tương trợ xã hội, Quỹ vì người nghèo,...



03. TRIỂN KHAI MẠNH MẼ CÔNG TÁC GIÁO DỤC TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Năm 2019 là năm EVNGENCO 3 tích cực trong các công tác giáo dục tại địa phương. Tổng công ty không chỉ hỗ trợ chi phí xây dựng-sửa chữa các trường học, đóng góp vào quỹ giáo dục địa phương như các công tác hàng năm mà còn tổ chức tuyên truyền kỹ năng sống cho học sinh, cụ thể là hoạt động tuyên truyền phòng chống đuối nước tại Srêpôk, Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah.



04. THỰC HIỆN ĐIỆN MẶT TRỜI CHO MÁI ẤM TÌNH THƯƠNG

Việc tài trợ và tổ chức thực hiện điện mặt trời cho trường học, mái ấm là món quà rất ý nghĩa mà EVNGENCO 3 đã triển khai được trong năm qua, vừa góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng sống, tiết kiệm điện năng, vừa giúp các cơ sở tiết kiệm được chi phí sử dụng điện; có thêm kinh phí cho mua sắm các nhu yếu phẩm phục vụ các em.



05. TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ CHỨNG CHỈ BÌNH ĐẲNG GIỚI TOÀN CẦU EDGE, TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2017 - 2019

Triển khai kế hoạch đánh giá chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu - EDGE - đây là chứng chỉ uy tín trong công tác bình đẳng giới; ngoài ra, Công đoàn phối hợp chuyên môn tổ chức Hội nghị biểu dương, khen thưởng, biểu dương 29 Nữ CNVCLĐ giỏi tiêu biểu và 20 cán bộ Nữ công tiêu biểu cấp Tổng Công ty năm 2019.

Năm 2020, Tổng công ty sẽ tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động phong trào chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho chị em hơn nữa, nhằm phát huy những kết quả đã đạt được năm 2019, phấn đấu hoàn thành sớm các chỉ tiêu đã đề ra theo chương trình kế hoạch hành động bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020.



06. NHỮNG THÀNH TÍCH XUẤT SẮC ĐẠT ĐƯỢC 2019

Lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã trao tặng 2 cờ thi đua và 6 bằng khen của UBQLVNN tại doanh nghiệp và 3 cờ thi đua, 8 bằng khen của EVN cho các đơn vị, tập thể thuộc EVNGENCO 3 đã có thành tích xuất sắc trong năm 2019 đóng góp cho sự phát triển của Tổng Công ty/EVN.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ CÁC MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG



TỐI ƯU KINH TẾ ĐỂ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Trong năm 2020, Tổng công ty quyết tâm triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao chỉ tiêu kỹ thuật, tối ưu hóa chi phí SXKD, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, góp phần vào sự phát triển của ngành Điện Việt Nam.

01. ĐẢM BẢO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU

Bám sát chiến lược 2016 – 2020 đã đề ra về tăng tỷ trọng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng, EVNGENCO 3 đảm bảo vận hành công suất cao các tổ máy theo yêu cầu hệ thống, vừa phát triển các dự án nguồn điện mới duy trì đà tăng trưởng trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

Đồng thời, phát huy tối đa mọi nguồn lực đảm bảo sản xuất điện, nâng cao năng lực sửa chữa bảo dưỡng thiết bị hướng tới nâng cao hoạt động tin cậy và ổn định thiết bị, hệ thống điện (RCM)

02. CƠ CẤU NGUỒN VỐN TỐI ƯU

EVNGENCO 3 phấn đấu duy trì cơ cấu vốn lành mạnh, phù hợp với môi trường kinh doanh, nhưng phải linh hoạt tận dụng tối đa những cơ hội của thị trường để có thể huy động được nguồn vốn tốt.

Đồng thời, lựa chọn linh hoạt các công cụ tài chính khác nhau của thị trường nợ và thị trường vốn, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn nhằm bảo đảm dòng tiền được sử dụng hợp lý với chi phí vốn tốt nhất.



03. ĐÓNG GÓP CHO NỀN KINH TẾ NƯỚC NHÀ

Tăng trưởng của EVNGENCO 3 không chỉ gắn liền với sự phát triển bền vững của Tổng công ty/EVN nói riêng nhưng còn là sự đảm bảo trách nhiệm đối với xã hội nói chung.

Tổng công ty cam kết toàn bộ chuỗi giá trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh đều được xem xét trên 3 khía cạnh: Kinh tế – Xã hội – Môi trường.

Các công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê. Và thực hiện thủ tục kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

EVNGENCO 3 cũng tuân thủ các Quy định của Pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, ATXH, bình đẳng giới, Bảo vệ Tài nguyên - Môi trường, Bảo vệ Di tích - Văn hóa Lịch sử, Danh lam Thắng cảnh.

04. CỨNG CỐ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

EVNGENCO 3 luôn hướng tới phát triển một bộ máy quản trị gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả. Chính vì vậy, việc củng cố năng lực quản trị là một trong những chiến lược trọng yếu trong năm 2020. Để làm được điều đó, Ban Tổng Giám Đốc đã đề ra các định hướng chính sau:

- Tinh gọn bộ máy, tinh gọn hệ thống quy định, quy trình để tăng năng suất, hiệu quả.
- Thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đào tạo thực tế qua công việc và các khóa đào tạo đặc thù chuyên sâu tại nước ngoài.
- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ kỹ thuật 4.0 vào kinh doanh và quản trị nhằm tạo ra những đột phá mới.





Người lao động là nguồn lực và yếu tố quyết định đến sự phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, EVNGENCO 3 luôn đảm bảo tạo dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và công bằng nhờ vào sự nhất quán trong chính sách và chế độ như sau:

Chiến lược tuyển dụng nguồn nhân lực dựa trên 02 tiêu chí công bằng và minh bạch

- ▶ Quy trình tuyển dụng tuân thủ nguyên tắc công bằng, minh bạch dựa trên năng lực và khả năng đóng góp.
- ▶ Thu hút và chào đón tất cả những ứng viên có mong muốn và năng lực làm việc trong môi trường chuyên nghiệp và hiệu quả.
- ▶ Tạo một môi trường làm việc đảm bảo hài hoà giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của cán bộ, nhân viên.
- ▶ Chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua việc triển khai hiệu quả chính sách đào tạo, nâng cao hiểu biết, trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên, ưu tiên tuyển dụng các vị trí lãnh đạo từ nguồn cán bộ tiềm năng nội bộ.



Số lượng lao động và cơ cấu lao động

- ▶ Tổng nhân lực của EVNGENCO 3 (không tính các công ty liên kết) tại thời điểm 31/12/2019 là 2.761 người, với lực lượng lao động trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao (từ đại học trở lên) chiếm gần 47%; lao động có độ tuổi dưới 40 chiếm gần 45%, đây là độ tuổi "vàng" để thực hiện công việc đạt hiệu quả cao nhất, đóng góp quan trọng vào kết quả sản xuất kinh doanh.

Chế độ làm việc

- ▶ Tổ chức làm việc 8 giờ/ngày. Mỗi tuần, người lao động được nghỉ ít nhất 48 giờ liên tục. Tất cả cán bộ, nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động; ngoài ra, TULĐTT quy định hơn 10 điểm có lợi hơn cho NLĐ so với quy định của pháp luật lao động.

Điều kiện làm việc

- ▶ Với cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, Tổng công ty bố trí tối đa các điều kiện, phương tiện làm việc cho NLĐ; Cán bộ, nhân viên được cấp phát đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho mục tiêu công việc hiệu quả, được kiểm tra sức khỏe định kỳ.
- ▶ Đối với cán bộ, nhân viên trực thuộc khối sản xuất, xây dựng được trang bị đầy đủ đồng phục, phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động.

Lương và bảo hiểm, phúc lợi

- ▶ EVNGENCO 3 luôn đảm bảo lương và chế độ bảo hiểm, phúc lợi cho NLĐ tương xứng với mức độ, tính chất công việc.
- ▶ Đồng thời, tiến hành cải tổ, xây dựng lại hệ thống phụ cấp, thưởng dựa trên năng lực, kết quả công việc và mức độ đóng góp của từng cán bộ, nhân viên đối với Tổng Công ty.
- ▶ Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.
- ▶ Tổng Công ty cũng thường xuyên rà soát điều chỉnh các chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều đãi ngộ thiết thực để đảm bảo an sinh cho toàn thể cán bộ, nhân viên.



PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ BỀN VỮNG



Chú trọng công tác đào tạo

- ▶ EVNGENCO 3 rất chú trọng triển khai công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng công tác đào tạo qua thực tiễn công việc (70%); đào tạo kèm cặp/nội bộ (20%) và đào tạo thông qua các khóa đào tạo (10%); trong đó ưu tiên đào tạo các khóa kỹ thuật chuyên sâu, đào tạo chuyên gia nhằm thay thế dần chuyên gia nước ngoài; qua đó tiết kiệm chi phí.
- ▶ Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, lực lượng nòng cốt; đến nay 100% cán bộ đương nhiệm và trong quy hoạch được đào tạo đạt chuẩn trình độ về quản lý, chính trị, ngoại ngữ - cán đích sớm so với mục tiêu EVNGENCO 3 đặt ra là đến năm 2020.
- ▶ Về công tác đào tạo lực lượng kỹ thuật, EVNGENCO 3 đã hợp tác với rất nhiều trung tâm, tổ chức uy tín trong khu vực về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như: GE, MHPS, ABB, Tepco, Kepco..., chính vì thế mà EVNGENCO 3 sở hữu một đội ngũ chuyên gia giỏi - lực lượng này đã thay thế dần các chuyên gia nước ngoài qua các kỳ sửa chữa lớn và nay đã trở thành đối tác tin tưởng để chia sẻ kinh nghiệm cho các đơn vị bạn.
- ▶ Bên cạnh đào tạo về chuyên môn, kỹ thuật, EVNGENCO 3 có rất nhiều chương trình gắn liền với đào tạo, như chương trình đào tạo cố vấn (một kèm một), điều phối luân phiên lực lượng sửa chữa giữa các đơn vị, tổ chức các cuộc thi tay nghề, thợ giỏi. Qua đó tạo ra sự đồng đều về tay nghề, trình độ giữa các lực lượng, đơn vị.



Hoạt động gắn kết lan tỏa

Sau những giờ làm việc tập trung, căng thẳng, EVNGENCO 3 thường tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao để rèn luyện sức khỏe và nâng cao đời sống tinh thần cụ thể như:

- ▶ Tổng Công ty thường xuyên tổ chức hội thao định kỳ hằng năm vào các dịp lễ lớn của đất nước với các môn thể thao như bóng đá, bóng bàn, cầu lông, tennis.
- ▶ Các hội diễn văn nghệ cũng là nơi thể hiện tài năng ca hát và là nơi giao lưu giữa các



CBCNV với nhau.

- ▶ Tổng Công ty cũng định kỳ tổ chức các kỳ nghỉ tham quan, nghỉ dưỡng cho CBCNV nhằm tái tạo sức lao động, giải tỏa những căng thẳng. Đặc biệt, người lao động sẽ được lựa chọn địa điểm, thời gian tổ chức nghỉ mát vẫn được giữ nguyên lương.
- ▶ Ngoài ra, người lao động còn được tham gia team building vui nhộn, ngày hội gia đình, ngày hội văn hóa trong toàn Tổng Công ty.



Vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới

EVNGENCO 3 luôn đặc biệt quan tâm đến lao động nữ bởi sự đóng góp cống hiến của họ cho Tổng Công ty với nhiều hình thức như:

- ▶ Tổ chức tôn vinh khen thưởng thành tích trong hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ;
- ▶ Biểu dương nữ tiêu biểu làm công tác nữ công;
- ▶ Được tham dự nghe nói chuyện về các chuyên đề về giới; tham gia chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo nữ, các buổi tọa đàm, chuyên đề đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và cuộc sống;
- ▶ 100% chị em phụ nữ được khám sức khỏe định kỳ và tiếp cận với các dịch vụ y tế hiện đại;

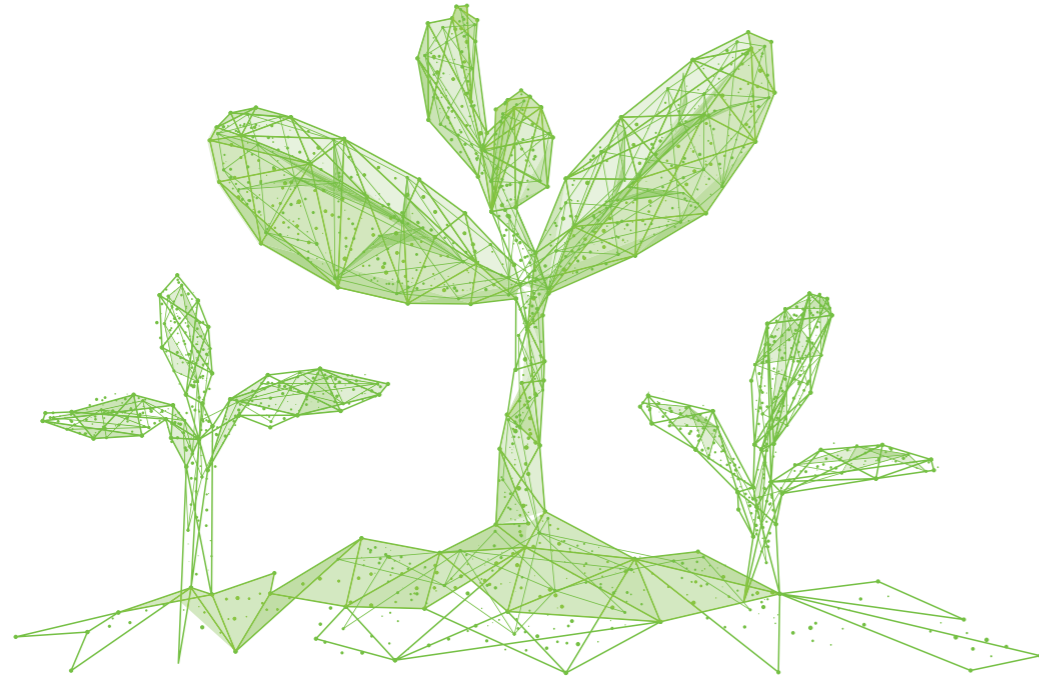


- ▶ Tăng cường tỷ lệ nữ đưa vào quy hoạch và bổ nhiệm các vị trí chức danh lãnh đạo, quản lý. Tổng Công ty luôn chú trọng công tác bình đẳng giới thông qua đẩy mạnh hoạt động của Ban VSTBPN, đề ra các chỉ tiêu phát triển bình đẳng giới hàng năm (kết quả của quá trình nỗ lực này là Tổng Công ty là đơn vị có số cán bộ nữ, lao động nữ trong diện quy hoạch cao nhất trong khối).

Ngoài ra hiện nay, Tổng Công ty đã/đang triển khai đánh giá chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu – EDGE – đây là một chứng chỉ có uy tín về công tác bình đẳng giới.



PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ BỀN VỮNG



Chăm lo đời sống người lao động

Ngoài trách nhiệm đối với người lao động, TCT còn quan tâm đến người thân của gia đình người lao động bằng những hoạt động cụ thể và việc làm thiết thực:

- ▶ Tổ chức hoạt động vui chơi, tặng quà cho con CBCNV nhân các ngày Quốc tế thiếu nhi, tết Trung thu.
- ▶ Tuyên dương, khen thưởng con CBCNV đạt thành tích giỏi trong năm nhằm động viên và khích lệ tinh thần học tập của các cháu.



- ▶ Tạo điều kiện cho người thân tham gia tham quan, nghỉ mát cùng CBCNV của Tổng Công ty.
- ▶ Người lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi sẽ được Tổng Công ty chi hỗ.
- ▶ Người lao động cao tuổi trong năm cuối trước khi về hưu, thời gian làm việc mỗi ngày được rút ngắn ít nhất 01 giờ.



TRÁCH NHIỆM AN SINH XÃ HỘI

Tổng công ty đã đẩy mạnh triển khai thúc đẩy kinh tế và an sinh xã hội tại các huyện, tỉnh nơi EVNGENCO 3 hiện diện, và quan tâm đặc biệt đến công tác môi trường sống, bảo vệ sức khỏe cộng đồng xung quanh, cụ thể:

- ▶ Nối tiếp truyền thống từ nhiều năm qua, Tổng Công ty đã tài trợ nhiều hoạt động từ thiện - xã hội trên cả nước. Trong năm 2019, đã triển khai xây dựng 13 căn nhà tình nghĩa, tình thương; 05 công trình xây dựng, sửa chữa trường học, hỗ trợ y tế; thăm viếng và phụng dưỡng cho 19 mẹ Việt Nam Anh hùng; thường xuyên thăm viếng các gia đình chính sách, hộ nghèo khó khăn, thương binh, liệt sĩ và các hoàn cảnh nạn nhân chất độc màu da cam; đóng góp vào quỹ phúc lợi an sinh xã hội, quỹ vì người nghèo cho vùng sâu.
- ▶ Trong quá trình phát triển dự án, Tổng Công ty cũng luôn sẵn sàng đồng hành cùng địa phương trong việc đầu tư hệ thống hạ tầng thiết yếu như đường bộ, nguồn điện, nước, công trình công cộng để đáp ứng nhu cầu phát triển khu dân cư.
- ▶ Về công tác giáo dục, EVNGENCO 3 tiếp tục gia tăng quỹ phúc lợi học đường đóng góp vào công tác y tế, giáo dục, phát triển thể hệ trẻ tại địa phương.
- ▶ Năm 2019 cũng là năm EVNGENCO 3 lan tỏa các hoạt động lắp đặt điện mặt trời áp mái cho các mái ấm góp phần bảo vệ môi trường, tiết kiệm được chi phí điện năng và nâng cao chất lượng cuộc sống cho các em.



06



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin về doanh nghiệp	144
Báo cáo kiểm toán độc lập	145
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	149
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	152
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	154
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	156



Quyết định thành lập số	3025/QĐ-BCT Ngày 1 tháng 6 năm 2012 Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.	
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số	3502208399 Ngày 26 tháng 11 năm 2012 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mới nhất là giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 1 năm 2020.	
Hội Đồng Quản Trị	Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
	Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 10 năm 2019)
	Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên
	Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên
	Ông Lê Văn Danh	Thành viên (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
	Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 1 năm 2020)
	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 1 năm 2020)
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Các điều chỉnh liên quan đến việc điều chỉnh lại số liệu so sánh mô tả trong Thuyết minh 32 của báo cáo tài chính đã được thực hiện hợp lý; và
- (c) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020



Kính gửi Các cổ đông

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 6 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(b)(ii), 3(b)(iii) và 3(b)(iv) trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 ("Nghị quyết 150").

Theo hướng dẫn của Nghị quyết 150, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của Nghị quyết này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo hợp nhất tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Điều 21 nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần ("Nghị định 126"). Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo qui định, thay vì vào "Doanh thu hoạt động tài chính" hoặc "Chi phí tài chính".

Hướng dẫn của Nghị định 126 có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh 32 trình bày các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 đã được điều chỉnh lại.

Các vấn đề khác

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54. Thông tin bổ sung tại trang 55 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00317-20-3



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.160.580.084.849	18.657.040.929.623
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.901.217.252.835	2.492.402.081.429
Tiền	111		366.567.252.835	1.416.502.081.429
Các khoản tương đương tiền	112		2.534.650.000.000	1.075.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.260.650.000.000	3.953.820.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	4.260.650.000.000	3.953.820.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		8.937.780.141.979	9.240.025.455.652
Phải thu của khách hàng	131	7	8.031.263.223.803	8.691.459.614.971
Trả trước cho người bán	132		180.323.225.048	128.818.263.821
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	727.045.534.281	420.599.418.013
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(851.841.153)	(851.841.153)
Hàng tồn kho	140	9	2.987.518.268.707	2.903.548.394.905
Hàng tồn kho	141		2.989.669.336.778	2.903.834.001.848
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.151.068.071)	(285.606.943)
Tài sản ngắn hạn khác	150		73.414.421.328	67.244.997.637
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.068.450.113	32.402.999.301
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		64.830.690.231	32.581.406.696
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	2.515.280.984	2.260.591.640

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		55.818.470.188.971	59.059.608.138.815
Phải thu dài hạn	210		3.314.424.000	3.549.424.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.314.424.000	3.549.424.000
Tài sản cố định	220		52.326.723.629.267	53.856.992.760.491
Tài sản cố định hữu hình	221	10	52.228.931.533.754	53.769.066.685.575
Nguyên giá	222		113.091.086.031.465	109.876.984.867.644
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.862.154.497.711)	(56.107.918.182.069)
Tài sản cố định vô hình	227	11	97.792.095.513	87.926.074.916
Nguyên giá	228		125.268.812.108	109.661.849.291
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.476.716.595)	(21.735.774.375)
Tài sản dở dang dài hạn	240		143.564.801.613	2.661.060.467.182
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	143.564.801.613	2.661.060.467.182
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	2.002.225.789.277	1.908.187.930.769
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.465.388.607.889	1.385.352.444.441
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536.837.181.388	536.837.181.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(14.001.695.060)
Tài sản dài hạn khác	260		1.342.641.544.814	629.817.556.373
Chi phí trả trước dài hạn	261		398.369.693.063	120.706.619.611
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	26.606.710.591
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		944.271.851.751	482.504.226.171
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		74.979.050.273.820	77.716.649.068.438

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		62.913.740.240.040	67.447.581.603.027
Nợ ngắn hạn	310		11.728.457.210.048	11.397.482.450.724
Phải trả người bán	311	13	4.260.446.036.627	3.864.809.168.154
Người mua trả tiền trước	312		103.636.000	103.636.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(a)	367.773.630.563	328.547.327.437
Phải trả người lao động	314		316.188.483.821	102.294.632.728
Chi phí phải trả	315		128.049.958.418	52.102.756.457
Doanh thu chưa thực hiện	318		16.010.207.364	15.944.744.132
Phải trả khác	319	15	1.081.711.584.031	1.171.811.074.073
Vay ngắn hạn	320	16(a)	5.373.362.414.031	5.473.408.154.411
Dự phòng ngắn hạn	321		-	133.033.552.953
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		184.811.259.193	255.427.404.379
Nợ dài hạn	330		51.185.283.029.992	56.050.099.152.303
Doanh thu chưa thực hiện	336		363.797.151.279	378.955.365.915
Vay dài hạn	338	16(b)	50.821.485.878.713	55.671.143.786.388
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.065.310.033.780	10.269.067.465.411
Vốn chủ sở hữu	410	17	12.065.310.033.780	10.269.067.465.411
Vốn cổ phần	411	18	10.699.695.770.000	10.699.695.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		45.439.387.466	18.876.854.562
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	-	(922.067.392.780)
Quý đầu tư phát triển	418		141.871.395.148	134.210.488.996
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.868.253.443	15.939.926.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		789.411.067.537	(20.046.414.799)
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(68.180.500.192)	853.491.634.889
- LNST chưa phân phối/(lỗ) năm nay	421b		857.591.567.729	(873.538.049.688)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		367.009.242.241	336.443.315.443
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		74.979.050.273.820	77.716.649.068.438

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	44.117.182.872.044	10.047.930.226.021
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	39.105.572.138.741	8.809.853.242.137
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.011.610.733.303	1.238.076.983.884
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	345.830.369.050	83.785.001.348
Chi phí tài chính	22	25	3.712.498.107.861	1.949.906.094.139
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.719.469.297.945	699.539.293.509
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	6(b)	114.761.163.448	26.984.730.311
Chi phí bán hàng	25		152.916.843	31.684.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	544.034.333.968	139.156.246.216
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		1.215.516.907.129	(740.247.309.533)
Thu nhập khác	31		22.391.924.363	38.592.912.146
Chi phí khác	32		49.187.565.239	34.355.305.077
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(26.795.640.876)	4.237.607.069
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.188.721.266.253	(736.009.702.464)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	258.023.851.648	144.128.554.766
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	28	26.606.710.591	(26.606.710.591)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		904.090.704.014	(853.531.546.639)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		904.090.704.014	(853.531.546.639)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		904.090.704.014	(853.531.546.639)
Phân bổ:				
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ	61		857.591.567.729	(873.538.049.688)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		46.499.136.285	20.006.503.049
Lỗ trên cổ phiếu				
Lợi nhuận/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	802	(816)

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập

Vũ Thị Thanh Hải
Người lập biểu

Người duyệt

Vũ Phương Thảo
Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm	Giai đoạn
			kết thúc 31/12/2019 VND	từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		1.188.721.266.253	(736.009.702.464)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.786.782.687.093	1.158.307.954.529
Các khoản dự phòng	03		(12.136.233.932)	45.826.326.632
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		964.626.767.715	1.227.158.793.591
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(312.103.168.277)	(69.023.454.275)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(114.761.163.448)	(26.984.730.311)
Chuyển xây dựng cơ bản dở dang vào chi phí	05		44.653.292.999	-
Chi phí lãi vay	06		2.719.469.297.945	699.539.293.509
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.265.252.746.348	2.298.814.481.211
Biến động các khoản phải thu	09		(6.577.589.932.381)	(1.424.275.378.073)
Biến động hàng tồn kho	10		(675.519.143.015)	(36.202.068.359)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		568.768.008.264	518.838.852.296
Biến động chi phí trả trước	12		74.937.662.943	24.502.053.677
			2.655.849.342.159	1.381.677.940.752
Tiền lãi vay đã trả	14		(407.836.807.273)	(128.158.988.948)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(171.036.992.528)	(10.266.543.316)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		36.780.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(90.203.784.686)	(11.828.704.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		1.986.808.537.672	1.231.423.703.904

	Mã số	Thuyết minh	Năm	Giai đoạn
			kết thúc 31/12/2019 VND	từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.147.636.178.683)	(1.809.671.206.244)
Tiền thu từ điều chuyển và thanh lý tài sản cố định	22		58.695.007.577	-
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(1.607.650.000.000)	(3.921.820.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		1.300.820.000.000	1.381.320.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		329.042.097.945	62.821.694.465
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.066.729.073.161)	(4.287.349.511.779)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu	32		-	(221.350.148.719)
Tiền thu từ đi vay	33		1.286.559.989.743	1.586.899.285.954
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.778.904.594.776)	(305.856.073.050)
Tiền trả cổ tức cho các cổ đông không kiểm soát	36		(18.922.238.020)	(25.638.647.529)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(511.266.843.053)	1.034.054.416.656
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		408.812.621.458	(2.021.871.391.219)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.492.402.081.429	4.514.277.821.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.549.948	(4.349.057)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	2.901.217.252.835	2.492.402.081.429

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập

Vũ Thị Thanh Hải
Người lập biểu

Người duyệt

Vũ Phương Thảo
Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 1 năm 2020. Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 2 công ty con (1/1/2019: 2 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3;
- ▶ Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- ▶ Văn phòng Tổng Công ty.

Các công ty con như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty có 2.761 nhân viên (1/1/2019: 2.765 nhân viên).

Công ty Con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2019	1/1/2019
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác	79,56%	79,56%

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Giai đoạn từ 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm đầu tiên của Tổng Công ty phát điện 3 – Công ty Cổ phần. Kỳ kế toán tiếp theo của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của

Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CĐKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm (“Công văn 1779”) và Công văn số 4891/EVN-TCKT ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính cho năm 2019 (“Công văn 4891”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện năm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”), các công trình điện năm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của Nghị quyết 150 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty sẽ tăng cùng một khoản là 922.067.392.780 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018: chi phí tài chính sẽ tăng và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm cùng một khoản là 121.939.976.041 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ không thay đổi (1/1/2019: lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 922.067.392.780 VND).

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không thay đổi (giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018: lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.401.755.252.988 VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận trực tiếp.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
Phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Nhóm Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ/năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Lãi trên cổ phiếu (EPS)

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trong năm Nhóm Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất được hưởng đối với tiền gửi có kỳ hạn 1 tuần là 0,8% một năm và tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng từ 4,7% đến 5,4% một năm (giai đoạn từ 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: lãi suất của tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng từ 4,7% - 5,5% một năm).

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	1.890.784.100	2.912.617.687
Tiền gửi ngân hàng	364.676.468.735	1.413.589.463.742
Các khoản tương đương tiền	2.534.650.000.000	1.075.900.000.000
	2.901.217.252.835	2.492.402.081.429

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là từ 5,5% đến 7,1% một năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: 4,8% - 7,2% một năm).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2019 VND
Số dư đầu năm	1.385.352.444.441	1.386.942.714.130
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	114.761.163.448	26.984.730.311
Chia cổ tức	(34.725.000.000)	(28.575.000.000)
Số dư cuối năm	1.465.388.607.889	1.385.352.444.441



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đầu tư vào công ty liên kết	31/12/2019			1/1/2019		
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	(i) 30,00%	308.783.687.183	455.295.000.000	-	30,00%	279.877.226.103
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	(ii) 30,55%	976.925.637.942	1.386.372.856.000	-	30,55%	928.345.577.277
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	(iii) 30,00%	179.679.282.764	(*)	-	30,00%	177.129.641.061
		1.465.388.607.889				1.385.352.444.441

- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005. Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng tài sản	11.596.288.212.657	9.913.782.260.407
Tổng công nợ	6.751.822.655.620	5.480.917.796.001
Tài sản thuần	4.844.465.557.037	4.475.085.560.197
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.465.388.607.889	1.385.352.444.441
	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Doanh thu	994.241.151.427	264.870.199.092
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	379.621.877.796	89.446.141.616
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	114.761.163.448	26.984.730.311
	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Số dư đầu năm	14.001.695.060	3.483.263.880
(Hoàn nhập)/tăng	(14.001.695.060)	10.518.431.180
Số dư cuối năm	-	14.001.695.060



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2019		1/1/2019	
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,47%	83.022.592.000	154.189.568.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,63%	19.600.000.000	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	1,8%	114.770.927.800	117.970.927.800	109.899.232.740
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1,6%	108.730.000.000	134.600.000.000	99.600.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn	19,89%	83.750.000.000	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	6,43%	50.000.000.000	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	1,1%	2.500.000.000	(*)	(*)
		536.837.181.388		14.001.695.060

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	7.822.111.492.770	8.584.371.458.958
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	61.789.068.119	35.093.793.900
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân	120.260.587.334	54.824.844.800
Các bên liên quan khác	21.714.965.484	82.140.145
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	5.387.110.096	17.087.377.168
	8.031.263.223.803	8.691.459.614.971

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.772.071.287	15.256.171.287
Dự án nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	171.636.851.711	146.187.229.278
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	211.554.444.964	107.765.015.778
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN	67.966.368.944	-
Cổ tức được chia	56.228.790.000	52.984.728.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)	25.029.396.590	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt Điện Thái Bình	9.705.597.521	10.307.578.223
Bên liên quan khác	7.660.691.439	7.468.387.981
Bên thứ ba		
Lãi tiền gửi phải thu	60.191.234.073	45.865.017.432
Phải thu bảo hiểm	52.123.989.823	420.028.226
Phải thu khác	49.176.097.929	34.345.261.808
	727.045.534.281	420.599.418.013



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	41.172.723.087	-	2.289.837.243	-
Nguyên vật liệu	2.817.029.591.302	(2.151.068.071)	2.813.283.077.995	(285.606.943)
Công cụ và dụng cụ	109.349.349.139	-	83.063.188.397	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.605.117.071	-	4.565.535.210	-
Thành phẩm	512.556.179	-	632.363.003	-
	2.989.669.336.778	(2.151.068.071)	2.903.834.001.848	(285.606.943)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho có biến động trong năm như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Số dư đầu năm	285.606.943	124.721.551
Tăng dự phòng trong năm	1.865.741.671	160.885.392
Hoàn nhập	(280.543)	-
Số dư cuối năm	2.151.068.071	285.606.943

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	84.671.035.088.552	6.578.031.416.896	152.142.526.589	1.053.018.426	109.876.984.867.644	
Tăng trong năm	2.832.669.386	60.625.784.192	2.830.636.696	31.756.285.197	98.045.375.471	
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	777.973.876.293	1.166.925.152.150	138.545.260.929	25.937.724.307	2.111.951.923.601	
Điều chỉnh theo quyết toán (Thuyết minh 12)	458.016.379.424	568.280.433.030	(310.889.229)	-	1.025.985.923.225	
Điều chỉnh khác	(1.642.464.049)	2.953.914.634	-	-	1.311.450.585	
Phân loại lại	673.222.742.813	(688.583.273.640)	-	15.360.530.827	-	
Thanh lý	-	(1.635.469.253)	(1.549.955.196)	(99.477.950)	(3.284.902.399)	
Xóa sổ	-	(19.908.606.662)	-	-	(19.908.606.662)	
Số dư cuối năm	85.759.693.023.003	6.717.546.470.096	209.737.058.143	18.983.459.175	113.091.086.031.465	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.142.050.161.930	46.886.125.914.380	2.965.621.320.043	113.106.071.421	56.107.918.182.069	
Khấu hao trong năm	696.655.650.260	3.750.257.888.626	312.182.180.959	21.143.697.301	4.781.041.744.873	
Điều chỉnh khác	(5.403.589.770)	2.121.329.174	(329.659.574)	-	(3.611.920.170)	
Phân loại lại	164.746.895.168	(168.320.340.850)	-	-	-	
Thanh lý	-	(1.635.469.253)	(1.549.955.196)	(99.477.950)	(3.284.902.399)	
Xóa sổ	-	(19.908.606.662)	-	-	(19.908.606.662)	
Số dư cuối năm	6.998.049.117.588	50.448.640.715.415	3.275.923.886.232	134.150.290.772	60.862.154.497.711	
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	37.784.909.174.172	3.612.410.096.853	39.036.455.168	38.304.131	53.769.066.685.575	
Số dư cuối năm	35.311.052.307.588	3.441.622.583.864	75.586.767.371	13.592.971.471	52.228.931.533.754	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8 tỷ VND (1/1/2019: 8 tỷ VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 8 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	76.165.829.664	16.179.748.658	4.025.390.148	13.290.880.821	109.661.849.291
Tăng trong năm	-	3.632.588.817	4.828.886.000	484.000.000	8.945.474.817
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	6.661.488.000	-	-	6.661.488.000
Số dư cuối năm	76.165.829.664	26.473.825.475	8.854.276.148	13.774.880.821	125.268.812.108
Khấu hao trong năm					
Số dư đầu năm	12.480.231.285	5.408.477.078	3.810.571.101	36.494.911	21.735.774.375
Khấu hao trong năm	1.161.517.452	2.334.065.055	889.046.258	1.356.313.455	5.740.942.220
Số dư cuối năm	13.641.748.737	7.742.542.133	4.699.617.359	1.392.808.366	27.476.716.595
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	63.685.598.379	10.771.271.580	214.819.047	13.254.385.910	87.926.074.916
Số dư cuối năm	62.524.080.927	18.731.283.342	4.154.658.789	12.382.072.455	97.792.095.513

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	2.661.060.467.182	2.477.612.095.809
Tăng trong năm do mua mới	1.063.260.696.526	339.909.929.374
Chi phí lãi vay vốn hóa	17.736.766.528	6.056.765.400
Chuyển từ hàng tồn kho	127.916.182.505	(335.748.162)
Giảm do quyết toán (Thuyết minh 10)	(1.025.985.923.225)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(2.111.951.923.601)	(127.860.710.743)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(6.661.488.000)	(2.552.429.342)
Chuyển sang chi phí trả trước	(326.266.187.207)	-
Chuyển sang bên khác (*)	(83.508.612.476)	-
Chuyển sang chi phí	(44.653.292.999)	-
Giá trị các công trình sửa chữa lớn được quyết toán	(119.222.953.535)	-
Các biến động khác	(8.158.930.085)	(31.769.435.154)
Số dư cuối năm	143.564.801.613	2.661.060.467.182

(*) Liên quan đến việc điều chuyển tài sản từ Tổng Công ty sang Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và quyết toán chi phí san gạt mặt bằng cho Tổng Công ty Điện lực TKV – Công ty Cổ phần.

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	51.267.180.711	8.066.079.120
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	31.005.033.746	148.924.891.353
Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	14.569.448.039	383.746.615.607
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	11.928.505.106	666.446.239.405
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1	-	1.221.295.137.450
Khác	34.794.634.011	232.581.504.247
	143.564.801.613	2.661.060.467.182



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.069.801.058	1.311.294.219
Các bên liên quan khác	21.260.423.683	17.075.702.451
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	2.270.594.781.473	2.549.808.266.172
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	550.344.398.768	441.556.254.530
Tổng Công ty Đông Bắc	228.660.413.448	99.485.647.532
TATA International Singapore PTE Limited	154.940.697.270	-
Các nhà cung cấp khác	1.033.575.520.927	755.572.003.250
	4.260.446.036.627	3.864.809.168.154
Số có khả năng trả nợ	4.260.446.036.627	3.864.809.168.154

14. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	93.048.397.297	1.103.706.440.496	(1.137.472.005.112)	(1.800.660.309)	57.482.172.372
Thuế nhà thầu	9.874.077.902	28.302.903.485	(30.545.570.607)	-	7.631.410.780
Thuế xuất nhập khẩu	-	35.472.015.944	(35.515.826.885)	43.810.941	-
Thuế tài nguyên	40.920.182.673	418.292.412.681	(425.274.401.641)	(9.589.892)	33.928.603.821
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.774.754.846	258.018.971.848	(171.036.992.528)	6.644.815.527	229.401.549.693
Thuế thu nhập cá nhân	5.767.974.005	14.908.206.097	(18.213.344.878)	2.524.053.492	4.986.888.716
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	43.161.940.714	153.658.262.140	(162.675.342.329)	75.109.656	34.219.970.181
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	20.267.179.322	(20.267.179.322)	-	-
Các loại thuế khác	-	13.585.642.692	(7.227.071.504)	(6.235.536.188)	123.035.000
	328.547.327.437	2.046.212.034.705	(2.008.227.734.806)	1.242.003.227	367.773.630.563

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thu trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	223.452.682	223.452.682
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	332.204.954	332.204.954
Thuế thu nhập cá nhân	2.250.952.123	(987.313.883)	-	577.014.886	1.840.653.126
Thuế tài nguyên	9.589.892	-	-	(9.589.892)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	43.810.941	43.810.941
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	-	-	-	75.109.656	75.109.656
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	49.625	-	-	-	49.625
	2.260.591.640	(987.313.883)	-	1.242.003.227	2.515.280.984



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu phải trả	779.538.645.082	873.202.030.132
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	161.508.746.312	156.962.849.626
Phải trả từ bán cổ phần	6.919.519.000	43.171.192.020
Chi phí chuyên gia	-	14.680.695.065
Phải trả khác	133.744.673.637	83.794.307.230
	1.081.711.584.031	1.171.811.074.073

Chi tiết các khoản phải trả khác cho bên liên quan là:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	779.538.645.082	873.945.409.339
Các bên liên quan khác	130.916.839.594	116.070.726.297
	910.455.484.676	990.016.135.636

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm		31/12/2019 VND
	Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	5.473.408.154.411	(5.489.914.611.609)	5.348.332.089.008
Vay ngắn hạn	815.828.000.703	(790.797.675.680)	25.030.325.023
Số có khả năng trả nợ	-	-	5.373.362.414.031

(b) Vay dài hạn

	Biến động trong năm		31/12/2019 VND
	Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn	470.731.989.040	(5.361.662.886.900)	50.821.485.878.713
	55.671.143.786.388	-	41.272.990.185



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	87.728.633.890	103.604.510.566
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	1.598.000.000.000	1.974.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.291.999.389.408	1.516.694.935.392
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	210.000.000.000	250.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	VND	2021	39.417.118.612	70.905.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	2019	-	92.068.364.311
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	-	110.684.549.761
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Thành	VND	2026	283.678.850.123	258.153.558.834
<i>Dự án Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (*)	VND	2031	389.086.697.247	-
			3.899.910.689.280	4.376.111.037.476

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á (**)	USD	2032	427.483.250.258	444.445.836.309
Ngân hàng Phát triển Châu Á (**)	USD	2034	18.671.848.548.822	19.206.808.016.325
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (**)	USD	2028	8.047.179.258.796	8.999.713.746.007
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	5.575.010.381.641	6.275.936.541.397
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.492.127.865.941	1.688.212.359.504
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	13.249.673.395.282	14.731.365.464.567
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	79.720.990.095	89.444.501.596
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	61.372.252.756	67.338.860.225
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	36.704.803.789	73.457.010.088
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	-	27.989.680.391
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	78.009.490.453	156.119.724.974
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.129.360.772.916	4.530.817.037.415
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KRW	2028	421.416.267.692	476.792.124.525
			52.269.907.278.441	56.768.440.903.323
			56.169.817.967.721	61.144.551.940.799
Trong đó, thanh toán trong vòng 12 tháng			5.348.332.089.008	5.473.408.154.411



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lãi suất năm thực tế trong năm của các khoản vay như sau:

- ▶ Các khoản vay USD từ 3,31%/năm đến 6,56%/năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: từ 3,15%/năm đến 6,56%/năm).
- ▶ Các khoản vay VND từ 8,98%/năm đến 9,86%/năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: từ 8,98%/năm đến 10,05%/năm).
- ▶ Các khoản vay JPY từ 1,15%/năm đến 2,75%/năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: từ 1,15%/năm đến 2,75%/năm).
- ▶ Các khoản vay CNY là 3,40%/năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: 3,40%/năm).
- ▶ Các khoản vay KRW là 2,40%/năm trong suốt thời hạn cho vay lại là 13 năm.

(*) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội được đảm bảo bằng nhà máy điện mặt trời Vĩnh Tân 2 có giá trị còn lại là 643 tỷ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: không).

(**) Khoản vay từ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc và Ngân hàng Phát triển Châu Á được đảm bảo bằng giá trị của nhà máy Nhiệt điện Mông Dương có giá trị còn lại là 22.753 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: không).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn có phần VND	Thặng dư vốn có phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND Đã điều chỉnh lại	Quy đầu tư phát triển VND	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích có đóng không kiểm soát VND	Tổng VND Đã điều chỉnh lại
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018 (đã báo cáo trước đây)	10.478.234.644.194	6.014.917.945	18.387.593.875	(2.378.304.250.451)	362.518.284.511	15.939.926.044	853.491.634.889	110.593.427.602	339.002.490.764	9.805.878.669.373
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 32)	-	-	-	176.421.580.724	-	-	-	-	-	176.421.580.724
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(đã điều chỉnh lại)	10.478.234.644.194	6.014.917.945	18.387.593.875	(2.201.882.669.727)	362.518.284.511	15.939.926.044	853.491.634.889	110.593.427.602	339.002.490.764	9.982.300.250.097
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp	-	-	-	-	(221.350.148.719)	-	-	-	-	(221.350.148.719)
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-	489.260.687	-	(6.957.646.796)	-	-	(110.593.427.602)	-	-
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-	-	-	-	-	-	-	-	86.143.440.000
Chênh lệch tỷ giá Lô trong năm	-	-	-	1.279.815.276.947	-	-	(873.538.049.688)	-	20.006.503.049	1.279.815.276.947 (853.531.546.639)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(22.565.678.370)	(22.565.678.370)
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-	-	-	-	-	-	-	-	18.255.872.095
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	10.699.695.770.000	6.014.917.945	18.876.854.562	(922.067.392.780)	134.210.488.996	15.939.926.044	(20.046.414.799)	-	336.443.315.443	10.269.067.465.411
(đã điều chỉnh lại)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND đã điều chỉnh lại	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND đã điều chỉnh lại
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 (đã điều chỉnh lại)	10.699.695.770.000	6.014.917.945	18.876.854.562	(922.067.392.780)	134.210.488.996	15.939.926.044	(20.046.414.799)	336.443.315.443	10.269.067.465.411
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(71.672.601)	-	(18.413.624)	(90.086.225)
Điều chuyển các quỹ	-	-	26.562.532.904	-	(26.562.532.904)	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	922.067.392.780	-	-	-	-	922.067.392.780
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	34.223.439.056	-	(34.223.439.056)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(13.895.928.218)	(5.654.931.282)	(19.550.859.500)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	857.591.567.729	46.499.136.285	904.090.704.014
Có tức	-	-	-	-	-	-	-	(10.255.063.500)	(10.255.063.500)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(14.718.119)	(4.801.081)	(19.519.200)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	10.699.695.770.000	6.014.917.945	45.439.387.466	-	141.871.395.148	15.868.253.443	789.411.067.537	367.009.242.241	12.065.310.033.780

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	1.069.969.577	10.699.695.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Số dư đầu năm	10.699.695.770.000	10.478.234.644.194
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	-	86.143.440.000
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	-	18.255.872.095
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	-	117.061.813.711
Số dư cuối năm	10.699.695.770.000	10.699.695.770.000

Chi tiết cổ đông tại ngày báo cáo như sau:

	Vốn cổ phần	31/12/2019 và 1/1/2019	
		Số lượng cổ phần phổ thông	Tỷ lệ %
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.613.552.330.000	1.061.355.233	99,19%
Người lao động	14.647.000.000	1.464.700	0,14%
Các cổ đông khác	71.496.440.000	7.149.644	0,67%
	10.699.695.770.000	1.069.969.577	100,00%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Thuyết minh	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2019 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	922.067.392.780	-	(922.067.392.780)	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (i)	-	64.437.336.414	(64.437.336.414)	-
	922.067.392.780	64.437.336.414	(986.504.729.194)	-

Thuyết minh	1/10/2018 VND Đã điều chỉnh lại	Phân loại lại VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2018 VND Đã điều chỉnh lại
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	429.098.456.269	371.028.960.470	-	121.939.976.041	922.067.392.780
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ	371.028.960.470	(371.028.960.470)	(143.502.828.713)	143.502.828.713	-
Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	1.401.755.252.988	-	102.316.344.579	(1.504.071.597.567)	-
	2.201.882.669.727	-	(41.186.484.134)	(1.238.628.792.813)	922.067.392.780

20. Cổ tức

Việc phân phối lợi nhuận tuân theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	22.318.127.773	17.497.494.087
Từ hai đến năm năm	84.203.488.994	74.866.060.886
Sau năm năm	434.889.315.130	280.468.865.098
	541.410.931.897	372.832.420.071

Cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- ▶ Tiền thuê đất tại Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam bao gồm 1 thửa đất thuê trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012; 1 thửa đất thuê trong 49 năm từ ngày 11 tháng 11 năm 1999 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013 và 1 thửa đất tại xã Cẩm Phả, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
- ▶ Tiền thuê đất tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2005.
- ▶ Tiền thuê văn phòng tại số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	5.715	133.127.365	28.223	653.373.165

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt. Nhóm Công ty sẽ đầu tư 382.524 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác trong năm 2020 (tại ngày 1/1/2019 là 1.553.121 triệu VND).

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	43.724.284.866.521	9.923.521.583.253
Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ khác	392.898.005.523	124.408.642.768
	44.117.182.872.044	10.047.930.226.021

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Giá vốn sản xuất điện	38.786.701.642.969	8.692.535.637.363
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	318.870.495.772	117.317.604.774
	39.105.572.138.741	8.809.853.242.137

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lãi tiền gửi	291.133.586.586	58.811.476.275
Cổ tức được chia	20.753.790.000	10.211.978.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	12.065.030.985	3.291.547.851
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	21.877.961.479	11.469.999.222
	345.830.369.050	83.785.001.348

25. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Chi phí lãi vay	2.719.469.297.945	699.539.293.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	20.525.775.782	1.174.491.410
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại (Hoàn nhập)/tăng dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	986.504.729.194 (14.001.695.060)	1.238.628.792.813 10.518.431.180
Chi phí tài chính khác	-	45.085.227
	3.712.498.107.861	1.949.906.094.139

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Chi phí nhân viên	250.150.407.963	43.643.304.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.491.318.994	19.906.261.176
Chi phí khác	221.392.607.011	75.606.680.803
	544.034.333.968	139.156.246.216



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.366.168.612.738	6.669.857.526.291
Chi phí nhân công	875.880.210.324	192.006.937.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.759.642.992.439	1.129.473.775.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	489.711.001.631	143.406.271.037
Chi phí sửa chữa lớn	1.230.197.808.954	501.048.517.551
Chi phí khác	928.158.763.466	313.248.145.046

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	249.847.806.038	38.539.224.092
Năm trước	8.176.045.610	105.589.330.674
	258.023.851.648	144.128.554.766
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	26.606.710.591	(26.606.710.591)
Chi phí thuế thu nhập	284.630.562.239	117.521.844.175

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.188.721.266.253	(736.009.702.464)
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	237.744.253.251	(147.201.940.493)
Chi phí không được khấu trừ thuế	213.502.445.673	98.346.663.186
Ưu đãi thuế	(74.849.553.375)	-
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(27.041.912.289)	(7.439.341.662)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	-	72.900.716.631
Sử dụng lỗ lũy kế	(72.900.716.631)	(4.648.540.509)
Chi phí thuế TNDN năm trước	8.176.045.610	105.564.287.022
	284.630.562.239	117.521.844.175

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	-	-	364.503.583.155	72.900.716.631

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Nhóm Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của lỗ tính thuế.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành. Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Lỗi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lỗi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

(a) Lãi/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lãi/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	857.591.567.729	(873.538.049.688)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	1.069.969.577	1.069.969.577

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Tổng Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	98.734.869.011	31.262.775.465
Vay trong năm	-	1.562.690.839.201
Thanh toán gốc, lãi và phí vay trong năm	6.966.974.995.750	2.968.463.360.784
Lãi vay	2.318.396.952.144	335.257.017.954
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà		
Cổ tức được chia	9.525.000.000	28.575.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A		
Cổ tức được chia	25.200.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	43.723.795.451.967	9.923.521.583.253
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải		
Cung cấp dịch vụ	-	649.766.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)		
Mua điện	5.197.917.748	712.692.956
Điều chuyển tài sản	25.029.396.590	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc		
Mua dịch vụ	2.191.376.629	2.075.253.137
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	1.736.045.461	966.843.461
Cung cấp dịch vụ	3.760.659.945	214.275.100



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	18.981.382.783	1.021.404.136
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	3.758.733.427	79.410.845
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Mua dịch vụ	2.960.863.957	1.463.663.543
Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam		
Mua dịch vụ	5.524.502.948	1.352.417.791
Công ty CP Điện Việt Lào		
Cổ tức được chia	3.466.090.000	-
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2		
Cổ tức được chia	-	6.409.728.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại		
Cung cấp dịch vụ	-	1.011.326.364
Chia cổ tức	670.000.000	1.400.300.000
Công ty Nhiệt Điện Nghi Sơn – Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1		
Cung cấp dịch vụ	21.374.469.000	-
Công ty truyền tải điện 2		
Mua thiết bị	9.937.685.000	-
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4		
Cung cấp dịch vụ	225.808.479.004	63.170.861.002

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Công ty Nhiệt điện Thái Bình		
Cung cấp dịch vụ	86.704.409.025	31.903.449.000
Hội đồng quản trị (Bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập, thành viên chuyên trách)		
Thu nhập	1.101.210.000	73.773.000
Ban Tổng giám đốc		
Thu nhập	3.322.134.000	215.775.000
Cán bộ cấp quản lý khác		
Thu nhập	6.836.572.000	1.923.749.500

31. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	161.574.232.568	111.939.835.662
Điều chuyển tài sản chưa thu tiền	25.029.396.590	-
Bù trừ gốc vay phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	4.501.807.692.513	2.594.577.542.666
Bù trừ lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	2.401.786.423.160	322.758.109.144
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang chi phí trả trước	326.266.187.207	-
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển (từ)/sang hàng tồn kho	(127.916.182.505)	335.748.162
Cổ tức được chia phải thu nhưng chưa thu được từ Công ty liên kết và Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	56.228.790.000	52.984.728.000
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	6.767.019.384	15.434.193.904
Bù trừ Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam và phải thu công ty Mua bán điện	-	74.444.898.826
Vốn cổ phần giữ lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	-	86.143.440.000
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	-	18.255.872.095



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (năm tài chính đầu tiên của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần – thuyết minh 2 (c)), ngoại trừ các số liệu sau đã được điều chỉnh lại.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu liên quan đến doanh thu, chi phí tài chính, xây dựng cơ bản dở dang và chênh lệch tỷ giá hối đoái trước thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 1 tháng 10 năm 2018), chi tiết như sau:

- ▶ Điều chỉnh tăng doanh thu tiền điện năm 2017 theo giá trị chênh lệch tỷ giá thực hiện năm 2017 của các nhà máy điện theo Quyết định số 841/QĐ-BCT ngày 05/4/2019 của Bộ Công Thương với số tiền là 280.094.882.933 VND.
- ▶ Điều chỉnh giảm một phần chi phí lãi vay vốn hóa trong năm 2013 của Dự án Nhà máy thủy điện Bản Chát theo văn bản số 7261/EVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (dựa trên thông báo số 404/TB-KTNN ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước) với số tiền là 94.012.593.377 VND.
- ▶ Điều chỉnh giảm một phần chi phí lãi vay vốn hóa từ năm 2010 đến trước 30 tháng 9 năm 2018 của Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Vĩnh Tân theo biên bản thẩm tra phê duyệt quyết toán ngày 6 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam với số tiền là 9.660.708.832 VND.
- ▶ Điều chỉnh tăng phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (thuyết minh 3 (b) (ii)) với số tiền là 176.421.580.724 VND.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2019 Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	1/1/2019 Đã điều chỉnh lại VND
Phải thu của khách hàng	8.411.364.732.038	280.094.882.933	8.691.459.614.971
Xây dựng cơ bản dở dang	2.670.721.176.014	(9.660.708.832)	2.661.060.467.182
Phải trả khác	1.077.798.480.696	94.012.593.377	1.171.811.074.073
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.098.488.973.504)	176.421.580.724	(922.067.392.780)

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập

Vũ Thị Thanh Hải

Người lập biểu

Người duyệt

Vũ Phương Thảo

Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Nhiên liệu	30.867.414.198.109	6.526.556.898.447
Vật liệu	482.688.590.431	122.888.548.294
Lương và bảo hiểm	796.685.694.911	147.054.051.440
- Tiền lương	738.682.847.000	132.517.573.007
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	58.002.847.911	14.536.478.433
Khấu hao TSCĐ	4.672.453.023.015	1.127.380.081.534
Các khoản dịch vụ mua ngoài	469.592.450.511	141.813.610.725
- Điện dùng nội bộ	4.197.466.406	918.259.896
- Chi phí điện mua Tập đoàn	98.734.869.011	31.262.775.465
- Chi phí điện mua Tổng công ty	538.070.004	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	366.122.045.090	109.632.575.364
Chi phí sửa chữa lớn	1.161.294.257.008	500.125.321.208
Chi phí bằng tiền khác	879.254.987.974	263.288.942.418
- Thuế tài nguyên	418.292.412.681	117.645.585.068
- Phí môi trường rừng	86.323.457.196	25.481.132.892
- Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	45.046.428.007	10.595.731.371
- Thuế đất	14.110.916.716	3.588.348.178
- Ăn ca	21.569.683.591	5.332.015.612
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.013.641.002	76.021.155
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.865.461.128	160.885.392
- Chi phí bằng tiền khác	291.032.987.653	100.409.222.750
Tổng cộng	39.329.383.201.959	8.829.107.454.066
- Chi phí lãi vay	2.719.469.297.945	699.539.293.509
- Chênh lệch tỷ giá	973.086.707.912	1.225.041.737.150
- Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi, tài sản cố định	(507.822.334)	(85.721.566)
Tổng cộng	43.021.431.385.482	10.753.602.763.159
- Sản lượng tính giá thành	31.833.310.472	7.508.926.114
- Giá thành đơn vị điện (VND)	1.351	1.432



EVNGENCO 3

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

- 📍 | Số 60-66 Đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Quận 2, TP. HCM, Việt Nam
- ☎️ | 028 36367449
- ✉️ | genco3@genco3.evn.vn
- 🌐 | www.genco3.com